

TẠP CHÍ

SỐ 408

# VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

## NIỆM ĐOÀN KẾT

NHÌN NHẬN VỀ  
NGŨ TRIỀN CÁI  
TRONG ĐỜI SỐNG  
THIÊN MÔN

QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH  
CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO  
VIỆT NAM TRONG  
CHUYỂN ĐỔI SỐ





Tự hạp trong niệm đoàn kết,  
Giải tán trong niệm đoàn kết,  
Và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết.

(Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tăng chi bộ 3,  
chương VII, Bảy pháp III, phẩm Vajjì (Bạt-kỳ),  
HT.Thích Minh Châu dịch, lược trích)





## PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT  
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiên**  
**TT.TS. Thích Phước Nghiêm**

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ.TS. Thích Minh Ân**

Biên tập **Trương Ứng Minh**  
**Trần Hoài Vũ**

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**  
**Mai Phương Nam**  
**Châu Quốc Hùng**  
**Quách Minh Triết**

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**  
**0944 020 802**

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**  
Liên hệ **0886 424 842**



### Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969  
Email: toasoanhvpg@gmail.com  
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

### Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản: 0071001053555  
Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 304/GP. BTTTT  
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang  
Q. Tân Phú, TP. HCM

## CHỦ ĐỀ: NIỆM ĐOÀN KẾT

- 6 Nếp sống lục hòa của Tăng đoàn xưa và nay (ĐĐ. Thích Thiện Mẫn)
- 14 Sáu pháp hòa kính – Nếp sống đẹp trong Tăng đoàn (Nguyệt Đông)
- 20 Ngọn đèn giới luật (SC. Thích Nữ Thường Viên)

## PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 28 Huấn từ tại hội nghị lần thứ I Gia đình Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HT. Thích Khế Chơn)
- 34 Quản trị hành chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong chuyển đổi số (TT.TS. Thích Minh Nhẫn)
- 39 Ngôi nhà Tịnh độ (Tỳ kheo Ni Thích Đàm Uyên)

## PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

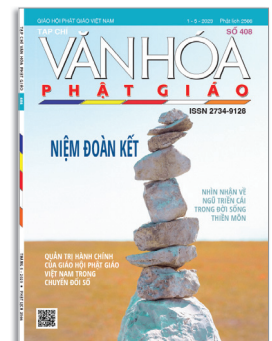
- 46 Phác dựng đôi nét về lịch sử và giá trị của Kiến trúc Phật giáo Việt Nam trong lịch sử (PGS.TS. Tống Trung Tín)
- 54 Nhìn nhận về Ngũ triền cái trong đời sống Thiền môn (NCS. Trình Thanh Huy)
- 66 Giấy và mạch sống của văn tự (Nguyễn Đình Triển)

## PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 74 Ứng dụng tác phẩm Nhập Bồ tát hạnh của ngài Tịnh Thiên (Śāntideva) trong một số lĩnh vực (Tịnh Đạo)
- 82 Bàn về tâm từ trong Kinh tạng Nikaya (SC. Thích Nữ Viên Châu)
- 90 Hiện tượng luận, Bản thể luận và tính bản thể theo quan điểm của Long Thọ Bồ tát trong Trung Quán Luận (Lạc Nhiên)

## GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh  
Thiết kế: Phương Nam



# HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



## TƯGH tưởng niệm 39 năm ngày viên tịch Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ



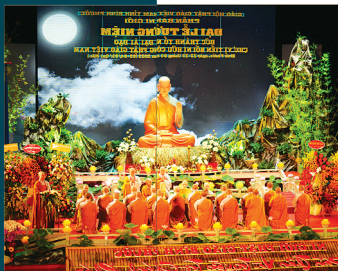
## Văn phòng 2 TƯGH họp báo cáo Phật sự quý I và ra mắt 06 tổ chuyên trách



## Kỷ niệm 40 năm thành lập Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sông Bé - Bình Dương



## Kỷ niệm 30 năm thành lập Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang



## Đại lễ tưởng niệm Đức Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo năm 2023





## Hòa thượng Chủ tịch HĐTS GHPGVN chúc tết Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Khmer



## Ban Văn hóa Trung ương đón nhận quyết định và ra mắt nhân sự nhiệm kỳ IX (2022 - 2027)



## Đại giới đàn Đặc Pháp do Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Vĩnh Long tổ chức



## Đại giới đàn Trí Tịnh do Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Tháp tổ chức



## Lễ tốt nghiệp Lớp Cao - Trung cấp giảng sư khóa X (2019 - 2023)





# THƯ TỎA SOẠN

Quý độc giả thân mến,

Trong Kinh Bát Đại Niết Bàn, Đức Phật đã dạy: *“Này các Tỳ kheo, khi nào chúng Tỳ kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc tăng trong niệm đoàn kết, thời này các Tỳ kheo, chúng Tỳ kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”*. Đoàn kết phải xuất phát từ nội tâm, từ lòng chân thật. Nếu không xuất phát từ nội tâm, đoàn kết không tồn tại được lâu. Khi tụ họp, giải tán và làm việc trong niệm đoàn kết thì chúng Tăng trở nên cực thịnh. Bởi đã chung một tâm lòng, cùng hoan hỷ và tôn trọng những quyết định chung, Tăng đoàn sẽ phát triển, tồn tại theo đúng tinh thần pháp và luật của Đức Phật, mà không một thế lực nào từ bên ngoài phá hủy được.

Tinh thần đoàn kết là rường cột, giúp chèo lái con thuyền Giáo hội Phật giáo Việt Nam vượt qua bao thử thách, là chất keo sơn giúp chư Tôn đức Tăng Ni đồng sức đồng lòng. Đoàn kết cũng là yếu tố quan trọng nhất tạo nên nền tảng vững chắc của “Lục Hòa” trong trường dưỡng đạo pháp, lợi lạc chúng sinh và phục vụ dân tộc. Không chỉ vậy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn luôn gắn kết chặt chẽ với các đoàn thể, nhân dân trong đại gia đình Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hoạt động tích cực trong khuôn khổ Hiến pháp, xứng đáng là thành viên tin cậy của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Có thể nói, tinh thần đoàn kết là bài học lớn trong cuộc đời tu hành của mỗi hành giả. Khi có những việc không như ý muốn, hãy bình tâm soi xét để tìm ra ưu - khuyết điểm, rồi từ đó chọn cho mình một hướng đi đúng. Còn nếu sự tranh cãi và mâu thuẫn thường nổ ra, cuộc sống sẽ mất đi yếu tố tình thương giữa những người đồng tu. Để cùng bàn luận sâu hơn về nội dung này, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 408 với chủ đề “Niệm đoàn kết” - yếu tố tạo nên sức mạnh của hội chúng Tỳ kheo, những người có sứ mệnh truyền bá chánh pháp.

**Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo**







NIỆM  
ĐOÀN KẾT



# NẾP SỐNG LỤC HÒA CỦA TẦNG ĐOÀN XƯA VÀ NAY



ĐD. Thích Thiện Mãn\*





“Chư pháp tùng duyên sanh,  
Diệc phục tùng duyên diệt,  
Ngã Phật đại sa môn,  
Thường tác như thị thuyết”.  
Nghĩa là:  
Các pháp từ duyên sanh,  
Cũng do duyên mà diệt,  
Thầy tôi Đại sa môn,  
Thường dạy điều như thế.



**T**ăng Ni là những vị sứ giả của Như Lai, mang trong mình nhiệt huyết hoằng truyền đạo pháp, mang lại lợi ích cho khắp tha nhân. Ngoài việc thuyết giảng bằng khẩu giáo, Tăng đoàn còn phải nhiếp hoá bằng cả thân giáo lẫn khẩu giáo. Một trong những pháp hành giáo hoá hoàn thiện đạo đức cho tự thân, Tăng đoàn (hay tập thể) và xã hội; đó chính là pháp Lục hoà.

### SỰ THÀNH LẬP TĂNG ĐOÀN THỜI ĐỨC PHẬT

Sau khi thành đạo dưới cội cây Bồ-đề (tức cây Tất-bát-la) [1], Đức Phật tiếp tục trải qua thiên định từ cội cây Mucalinda đến cây Rājāyatana. Bấy giờ, có hai vị thương buôn là Tapassu và Bhallika từ Ukkalā đến được vị thiên thần mách bảo rằng: “Này các bác, Đức Thế Tôn này đang ngự ở cội cây Rājāyatana là vị đầu tiên được hoàn toàn giác ngộ. Hãy đi và bày tỏ lòng thành kính đến Đức Thế Tôn ấy với bánh bột gạo và mật viên. Điều ấy sẽ đem lại cho các bác sự lợi ích và sự an vui lâu dài” [2]. Ngay sau đó, hai vị thương buôn đến cúng dường



Đức Phật thị hiện giữa cuộc đời là một con người bằng xương, bằng thịt; nhưng mang trong mình một hoai bão cao thượng. Ngài đã vượt thắng những thử thách trên con đường tìm cầu chân lý và chứng đắc giác ngộ, giải thoát.



vào bình bát [3] và được thâu nhận làm đệ tử tại gia. Bảy giờ, chỉ có Đức Phật và chánh pháp, vì chưa có Tăng đoàn nên chưa thể hình thành Tam bảo.

Được sự thỉnh cầu của Phạm Thiên Sahampati thuyết pháp độ sanh, Đức Phật muốn hoá độ hai vị đạo sư ngày xưa đã dạy đạo cho mình là Alāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta nhưng đều đã mệnh chung nên Ngài quyết định đến vườn Nai (vườn Lộc Uyển, Pāli: Isipatana) ở thành Bārānasi để hoá độ cho năm anh em Kiều Trần Như [4]. Bằng năng lượng từ bi và ánh sáng tuệ giác, Đức Phật đã cảm hoá năm anh em quên lãng những điều bất mãn trước đây đối với Ngài; đồng thời lễ kính, rửa chân, sắp đặt chỗ ngồi cho Ngài. Ngài đã thuyết bài Kinh

*Chuyển pháp luân* (Dhammacakkappavattana sutta) nói về việc tránh xa hai cực đoan là “*khổ hạnh ép xác*” và “*hưởng thụ dục lạc*”; nỗ lực thực hành con đường Trung đạo bằng việc tu tập Tứ diệu đế. Bảy giờ, Tam bảo (Phật bảo: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Pháp bảo: Tứ diệu đế, Tăng bảo: năm anh em Kiều Trần Như) được thành lập từ đây. Đức Phật đã khuyên tấn năm vị đệ tử cùng Ngài đi hoá độ khắp nơi, đem chánh pháp lợi lạc cho khắp chúng sanh. Tiêu biểu như tôn giả Mã Thắng đã hoá độ Xá Lợi Phất bằng bài kệ:

*“Chư pháp tùng duyên sanh,  
Diệc phục tùng duyên diệt,  
Ngã Phật đại sa môn,  
Thường tác như thị thuyết”.*





Trong Kinh Pháp Cú dạy rằng:

“Vui thay, Phật ra đời,  
Vui thay, pháp được giảng,  
Vui thay, Tăng hoà hợp,  
Hoà hợp tu, vui thay”.

Ni Kiền Thân Tử hơn thua, tranh cãi lẫn nhau sau khi ông ta (tức Ni kiền Thân Tử) qua đời. Lễ tự tứ xong, sa di Châu Na nhanh chóng đến đánh lễ và trình bày câu chuyện đó với tôn giả A Nan. Ngay sau đó, ngài A Nan và sa di Châu Na đến bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật đã chỉ ra nguyên do của sự đấu tranh: 1/ Ni Kiền Thân Tử chưa chứng Nhất thiết trí mà tự xưng là Nhất thiết trí; 2/ Vì chưa chứng Nhất thiết trí nên Ni Kiền Thân Tử không thể giảng cho hàng đệ tử về Bốn niệm xứ (quán thân trên thân hay quán thân bất tịnh, quán thọ trên thọ hay quán thọ thị khổ, quán tâm trên tâm hay quán tâm vô thường, quán pháp trên pháp hay quán pháp vô ngã); Bốn như ý túc (dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, tâm như ý túc, và quán như ý túc); Năm căn (tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, và tuệ căn), Năm lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, và tuệ lực), Bảy giác chi (niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, và xả) và Tám chi Thánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, và chánh định) [7].

Nghĩa là:

*Các pháp từ duyên sanh,  
Cũng do duyên mà diệt,  
Thầy tôi Đại sa môn,  
Thường dạy điều như thế* [5].

### PHÁP HÀNH LỤC HOÀ TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TĂNG ĐOÀN

Nhân duyên Đức Thế Tôn dạy pháp Lục hòa cho Tăng đoàn được ghi lại trong Tam tạng Kinh điển.

**Thứ nhất**, bài Kinh *Châu Na* (bài kinh số 196) trong chương 16 (Đại phẩm) thuộc Kinh *Trung A-hàm* [6]: trong mùa an cư kiết hạ tại Ba Hoà, sa di Châu Na chứng kiến cảnh tượng những đệ tử của

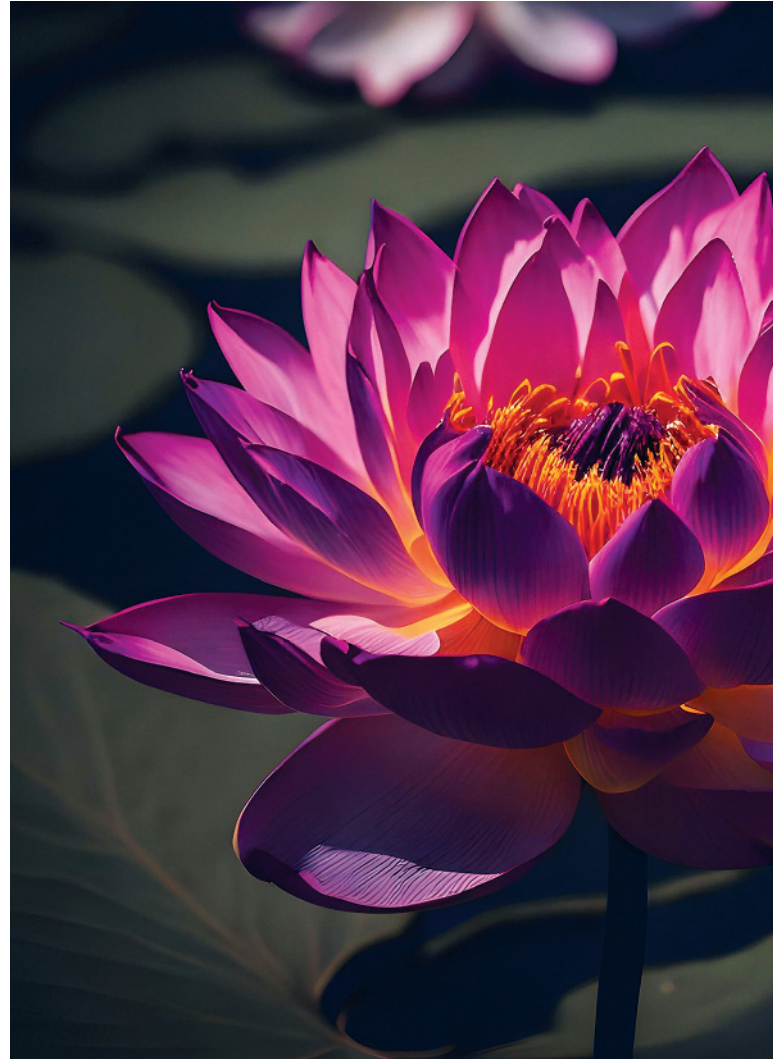
Bảy giờ, Đức Phật đã dạy bảy pháp dứt sự tranh cãi (thất diệt tranh) gồm 1/ Hiện tiền tỳ ni (phép yết ma dứt sự tranh cãi cần có mặt đương sự), 2/ Ưc niệm tỳ ni (phép yết ma xong rồi phải cho đương sự yên ổn, không được cật vấn hay quấy nhiễu), 3/ Bất si tỳ ni (phép yết ma xác nhận đương sự hết điên cuồng và không được nhắc lại những chuyện mà đương sự đã làm trong lúc điên cuồng trước đây), 4/ Tự ngôn tỳ ni (phép yết ma để cho đương sự tự phát lộ tội lỗi của mình rồi mới xử trị), 5/ Đa nhân ngữ tỳ ni (phép yết ma dùng trong cuộc tranh chấp giữa hai chúng), 6/ Mich tội tướng tỳ ni (phép yết ma dùng cho vị xuất gia phạm tội ba la di nhưng che dấu mà nói dối), 7/ Như thảo phú địa tỳ ni (phép yết ma giảng hoà hai bên có lỗi, tiêu biểu như việc tranh cãi giữa hai nhóm tỳ kheo tại Kosambiya).



Sau đó, Đức Phật dạy về sáu pháp uỷ lạo (hoà hợp) cho Tăng đoàn gồm thân nghiệp từ hoà, khẩu nghiệp từ hoà, ý nghiệp từ hoà, giới hoà không sút mẻ, kiến hoà và lợi hoà “là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hoà thuận, được là sa môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết bàn” [8]. Lời dạy đó cho thấy sức mạnh tu tập sáu pháp hoà hợp sẽ đạt được niềm an vui tự thân và Tăng đoàn hưng thịnh, có sự tôn kính lẫn nhau và được hàng tại gia quý kính hộ trì Tam bảo.

**Thứ hai**, câu chuyện ở Kosambi trong bài Kinh *Kosambiya* (số 48) thuộc Kinh *Trung Bộ* [9]: tại tinh xá Ghosita, các Tỳ kheo “sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đã thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Họ không tự thông cảm nhau, không chấp nhận thông cảm, họ không tự hoà giải, không chấp nhận hoà giải” [10] dẫn đến sự bất hoà trong Tăng đoàn. Đức Phật đã dạy các vị Tỳ kheo tại Kosambi về sáu pháp cần ghi nhớ thực hành. Đó chính là an trú thân hành, an trú khẩu hành, an trú ý hành, giới luật không có tỳ vết và uế tạp, tri kiến thuộc về bậc thánh có khả năng hướng thượng, tài vật thọ nhận và san sẻ như pháp “với các vị đồng phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng; pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hoà đồng, đưa đến không tranh luận, hoà hợp, nhất trí” [11]. Việc trú tâm tinh giác đối với thân hành, khẩu hành và ý hành sẽ giúp hành giả luôn cảnh tỉnh mình trong từng phút giây, không vọng tưởng lãng xãng mà gây tạo nhiều điều bất thiện, sống chan hoà yêu thương mà không còn ý niệm hơn thua chấp ngã hay tranh đấu lẫn nhau trong một tập thể Tăng đoàn thời bấy giờ cũng như mai sau.

**Thứ ba**, câu chuyện về mùa an cư thứ chín tại Kosambi được ghi trong Luật tạng, Đức Phật đã không hoà giải được vấn đề tranh cãi giữa hai nhóm Tỳ kheo về việc chầu nước trong nhà vệ sinh. Đồng thời, họ khuyên Ngài đừng can thiệp vào chuyện này, để tự họ giải quyết. Đức Phật đã lặng lẽ vào rừng hành thiền định, sống an vui với một chú khỉ và một chú voi. Hay tin về việc chư Tăng đối xử với Đức Phật, hàng Phật tử tại gia buồn giận và quyết không hỗ trợ cúng dường Tăng đoàn khiến họ đói khát. Nhận thức được sai lầm, hai chúng tỳ kheo đã vào rừng đánh lễ và sám hối với Đức Phật. Nhân đó, Ngài dạy pháp hành lục hoà trong Tăng



đoàn [12] nhằm hoá giải những bất hoà trong đời sống Tăng đoàn, xây dựng tinh thần tu tập vững mạnh cho bốn chúng đệ tử của Đức Phật.

**Thứ tư**, trong phẩm 7 (Sáu pháp) thuộc bộ luận *A-tỳ-đạt-ma tập dị môn túc*, tôn giả đại trí Xá Lợi Phất đã thuyết giảng về sáu pháp khả hỷ cho đại chúng tu tập: thân nghiệp từ bi, ngữ nghiệp từ bi, ý nghiệp từ bi, lợi dưỡng hợp pháp, giới hạnh không thiếu sót và lẫn lộn, sở kiến trong tu tập và lợi dưỡng như pháp “phát sinh các sự đáng yêu mến, đáng tôn trọng, đáng thích ý... Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi” [13]. Đặc biệt với ba nghiệp (thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp), Tôn giả đã dùng thuật ngữ “từ bi” nhằm khuyến tấn chúng xuất gia cũng như hàng đệ tử tại gia nỗ lực thực hành trải tâm từ và tâm bi vô lượng trong đời sống sinh hoạt thiền môn của





Từ lúc đản sanh cho đến thành đạo, đất trời, con người và muôn vật đều trong niềm hân hoan khi đón bậc vĩ nhân xuất hiện chốn Ta bà này. Bằng tình thương và trí tuệ, Ngài cùng với Tăng đoàn truyền bá chánh pháp, thức tỉnh mọi người rõ biết về khổ và thực hành con đường tu tập chuyển hoá khổ đau.

Tăng đoàn cũng như sinh hoạt thường nhật của giới cư sĩ. Chỉ có ngọn lửa của tình thương được thắp lên sẽ xua tan bóng tối của hờn thua, ganh tỵ, giận hờn, tham lam, ... để từ đó kết nối những con người cùng chí nguyện lại với nhau vững bước trên lộ trình giác ngộ và giải thoát. Sinh hoạt trong một tập thể đòi hỏi hành giả tuân thủ theo những thanh quy đã được đặt ra, biết san sẻ, quan tâm giúp đỡ cùng tiến bước và ăn năn sửa đổi khi mắc phải sai lầm. Thực hành tốt sáu pháp này, đại chúng hay tập thể sẽ gạt hái nhiều an vui (khả hỷ), tiến tu vượt qua những thử thách trong đạo lộ mà mình đã chọn.

### GIÁ TRỊ THIẾT THỰC CỦA PHÁP HÀNH LỤC HOÀ

Trong bài Kinh *Tại Sarandada* thuộc phẩm Bạt kỳ (Vajji), chương Bảy pháp, Kinh *Tăng Chi Bộ*, Đức

Phật đã dạy cho dân tộc Licchavi nói riêng và dân chúng xứ Vajji nói chung về bảy pháp không thể làm cho suy giảm. Trong đó có hai pháp đề cập đến tinh thần lục hoà: “*Này các Licchavi, khi nào dân Vajji thường hay tụ họp, và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Licchavi, dân Vajji sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này các Licchavi, khi nào dân Vajji tụ họp trong niềm đoàn kết, giải tán trong niềm đoàn kết và làm việc trong niềm đoàn kết, này các Licchavi, dân Vajji sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm*” [14]. Đức Phật giải thích rõ ràng và tán thán cho đại thần Vassakara (nước Magadha) rõ biết sức mạnh của bảy pháp bất thối mà người dân Vajji hiện đang thực hiện, dẫn đến việc xâm chiếm vùng đất của người dân Bạt kỳ sẽ khó khăn cho vua A Xà Thế (Ajatasattu).

Đồng thời, trong các bản Kinh *Vị Tỳ kheo*, Kinh *Công việc*, Kinh *Tin tưởng*, Kinh *Tướng* thuộc Kinh *Tăng Chi Bộ*, Đức Phật dạy Tăng đoàn cần thực hành tốt bảy pháp không thối chuyển để tác pháp yết ma (xuất gia, thọ giới, an cư, ...), góp phần xây dựng tập thể Tăng đoàn đoàn kết và phát triển mạnh.

Trong Kinh *Pháp Cú* dạy rằng:  
“*Vui thay, Phật ra đời,  
Vui thay, pháp được giảng,  
Vui thay, Tăng hoà hợp,  
Hoà hợp tu, vui thay*” [15].

Đức Phật thị hiện giữa cuộc đời là một con người bằng xương, bằng thịt; nhưng mang trong mình một hoài bão cao thượng. Ngài đã vượt thắng những thử thách trên con đường tìm cầu chân lý và chứng đắc giác ngộ, giải thoát. Từ lúc đản sanh cho đến thành đạo, đất trời, con người và muôn vật đều trong niềm hân hoan khi đón bậc vĩ nhân xuất hiện chốn Ta bà này. Bằng tình thương và trí tuệ, Ngài cùng với Tăng đoàn truyền bá chánh pháp, thức tỉnh mọi người rõ biết về khổ và thực hành con đường tu tập chuyển hoá khổ đau. Biết bao tầng lớp trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ đều gia nhập vào Tăng đoàn tu tập hoà hợp “*như nước hoà với sữa*” và thanh tịnh với nhau, giúp cho ánh sáng Phật pháp được lan toả sang nhiều quốc gia khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Hình bóng của một vị xuất gia an lạc và oai nghi, toát ra năng lượng tinh thường đến người thân, mọi người và mọi loài khiến cho giới cư sĩ tại gia nói



riêng và mọi người, mọi loài nói chung cảm thấy an lạc khi tiếp cận. Tiêu biểu như hình ảnh chú chim đậu trên bờ vai của Đức Phật thấy an lạc hơn khi đậu trên vai của Tôn giả Xá Lợi Phất. Trong sinh hoạt thiền môn, ngoài việc hoà hợp trong nội bộ Tăng đoàn, chư Tăng Ni còn phải gắn kết với tín đồ Phật tử tại gia trong việc phát triển ngôi nhà đạo pháp rạng ngời trong lòng dân tộc Việt Nam. Chính từ đó, dù là hàng xuất gia hay giới Phật tử tại gia, dù là Tăng hay Ni, Ưu bà tắc (cư sĩ nam) hay Ưu bà di (cư sĩ nữ) cũng đều phải cố gắng hoàn thiện nhân cách đạo đức tự thân, xây dựng tình đoàn kết không hận thù. Bởi vì:

*“Vời hận diệt hận thù,  
Đời này không có được.  
Không hận diệt hận thù,  
Là định luật ngàn thu”* [16].

Ngoài ra, những thành viên trong gia đình như ông bà, cha mẹ, con cháu,... cùng sống hoà hợp với nhau thì gia đình mãi ấm êm, hạnh phúc. Mỗi gia đình đều có những cảnh ngộ khác nhau, nếu không đủ tinh thức sẽ khiến không khí gia đình luôn trĩu nặng bất hoà, không nở hé nụ cười tình thương và hạnh phúc gia đình. Ngoài đời sống gia đình, một số người nhân duyên sống với nhau trong tập thể hay tổ chức nên đoàn kết gắn bó keo sơn tạo thành một khối kiên cố và hùng mạnh. Nhờ đó, tổ chức sẽ tồn tại vững bền và hưng thịnh mãi. Mở rộng ra trong phạm vi quốc gia, nếu các công dân trong nước đó cùng chung sống hoà thuận, tuân thủ pháp luật, san sẻ yêu thương trợ giúp những mảnh đời khó khăn “lá lành đùm lá rách”,... thì quốc gia sẽ giàu mạnh, văn minh tiến bộ và đoàn kết chống giặc ngoại xâm kiên cường. Nếu các quốc gia trên thế giới thực hiện tinh thần lục hoà, ký kết hoà bình và tôn trọng bờ cõi, độc lập chủ quyền của nhau thì chiến tranh sẽ không bùng nổ, đây mạnh hoạt động thương mại mậu dịch giữa các nước, những hoạt động giao lưu hợp tác cùng phát triển, qua đó thiết lập cõi an lành của Chuyển luân Thánh vương.

**Tóm lại,** pháp lục hoà là pháp tạo sự gắn kết mọi người, biết yêu thương san sẻ giúp đỡ nhau từ trong gia đình, tập thể, tổ chức cho đến quốc gia. Pháp lục hoà được Đức Phật dạy cho hàng đệ tử tu tập để xây dựng Tăng đoàn vững mạnh trên bước đường tu tập, hoằng pháp lợi sanh với tâm nguyện “*thương cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*”. Trước

xu thế phát triển và hội nhập hiện nay, công nghệ thông tin ngày càng tân tiến, điều kiện vật chất nâng cao với nhiều cám dỗ của ngũ dục lục trần thì pháp lục hoà thật sự cần thiết trong việc xây dựng nếp sống đạo đức tự thân, hoàn thiện đạo đức gia đình, kiến thiết tinh thần đoàn kết, gắn bó yêu thương trong một tập thể, phát triển đạo đức văn hoá xã hội ở hiện tại và mai sau.

### Chú thích:

\* Đại đức - Thạc sĩ Thích Thiện Mãn.

- [1] Thích Thiện Hoa (2015), *Phật học phổ thông*, quyển 1, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.15.
- [2] Indacanda (2009), *Đại phẩm (Tạng luật)*, tập 1, Sri Lanka: Buddhist Cultural Centre, tr.09.
- [3] Theo ngài Buddhaghosa (Phật Âm) cho rằng Đức Phật đã chú nguyện bốn bình bát bằng đá của bốn vị thiên vương ở Đông Thắng Thần Châu (Purva-videha), Tây Ngu Hoá Châu (Godana), Nam Thiêm Bộ Châu (Jambudvipa), Bắc Câu Lô Châu (Uttarakura) dâng cúng thành một bình bát bằng đá.
- [4] Năm anh em Kiều Trần Như gồm A Nhã Kiều Trần Như (Añña Koṇḍañña, Ajnata-kaundinya), Bạc Đề (Bhadra-jit, Bhaddhiya), Thập Lực (Vappa), Ma Ha Nam (Mahānama), A Thuyết Thị hay Mã Thắng (Asaji).
- [5] Ngọc Sinh (2013), “Tiến trình hình thành tánh không”, *Đạo Phật Khất sĩ*, đăng ngày 03/8/2013, truy cập ngày 14/04/2023. Nguồn: <https://daophatkhatsti.vn/tien-trinh-hinh-thanh-tanh-khong.html>.
- [6] Tương đương với bài kinh *Làng Sama* (bài kinh số 104) trong kinh Trung Bộ.
- [7] Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang (1993), *Kinh Trung A-hàm*, tập 4, phẩm Đại, kinh Châu Na, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. HCM, tr.345-346.
- [8] *Sđđ*, tr.359-360.
- [9] Tương đương với bài kinh số 24 trong kinh *Tăng Nhất A-hàm*.
- [10] Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Trung Bộ*, tập 1, kinh Kosambiya, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.393.
- [11] *Sđđ*, tr.394-395.
- [12] Nguyễn Đăng (2013), “Kosambi (Kaushambi)”, *Giác Ngộ Online*, đăng ngày 10/08/2013, truy cập ngày 14/04/2023. Nguồn: <https://giacngo.vn/kosambi-kaushambi-post22590.html>
- [13] Linh sơn Pháp bảo Đại tạng kinh, *Luận A Tỳ Đạt ma Tập dị môn túc, Tạng thư Phật học*, truy cập ngày 16/04/2023. Nguồn: <https://tangthuphathoc.net/pham-07-sau-phap>.
- [14] Đại tạng kinh Việt Nam, Thích Minh Châu (dịch, 2007), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, chương Bảy pháp, phẩm Bạt kỳ, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.186-187.
- [15] Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Tiểu Bộ*, tập 1, kinh Pháp cú, phẩm Phật đà, kệ số 194, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.69.
- [16] Đại tạng kinh Việt Nam Nam truyền, Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Tiểu Bộ*, tập 1, kinh Pháp cú, phẩm Song yếu, kệ số 05, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.41-42.



# Những chương trình

## Phật Sự

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẠP CHÍ  
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỬA THIỀN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT  
TRẮNG THẮNG TỰ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ **Live** và đăng tin tức  
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802  
Email: PSOMiennam@phatsuonline.com



# Sáu pháp hòa kính - Nếp sống đẹp trong Tăng đoàn



Nguyệt Đông

**X**ưa ông cha ta thường dạy cho hậu thế “đĩ hòa vi quý” - lấy hòa thuận làm quý báu. Câu châm ngôn tuy chỉ có bốn chữ vô cùng giản dị thôi, thế nhưng lại có một công năng khiến những người thực hành có ích lợi vô vàn. Đồng thời, chỉ có những người thực hành và thực chứng mới thấy được tầm vóc quan trọng cùng lợi ích hữu hiệu của nó. Nếu mỗi người đều lấy đó làm phương châm cho cuộc sống thực tại, thì từ việc nhỏ đến việc lớn tất cả đều thành tựu tốt đẹp và rất dễ dàng. Pháp thể gian đã cao quý hữu dụng đến thế thì sáu pháp hòa kính trong nhà Phật lại càng cao quý hơn. Sự hòa hợp trong Tăng đoàn mang ý nghĩa thiêng liêng cao cả hơn, vượt lên pháp thể gian như dòng suối mát gột rửa cho chư Thiên và loài người. “*Này các Tỳ kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại hạnh phúc cho nhiều người, đem lại lợi ích cho nhiều người, không đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài người. Thế nào là một pháp? Sự hòa hợp chúng Tăng*”[1].

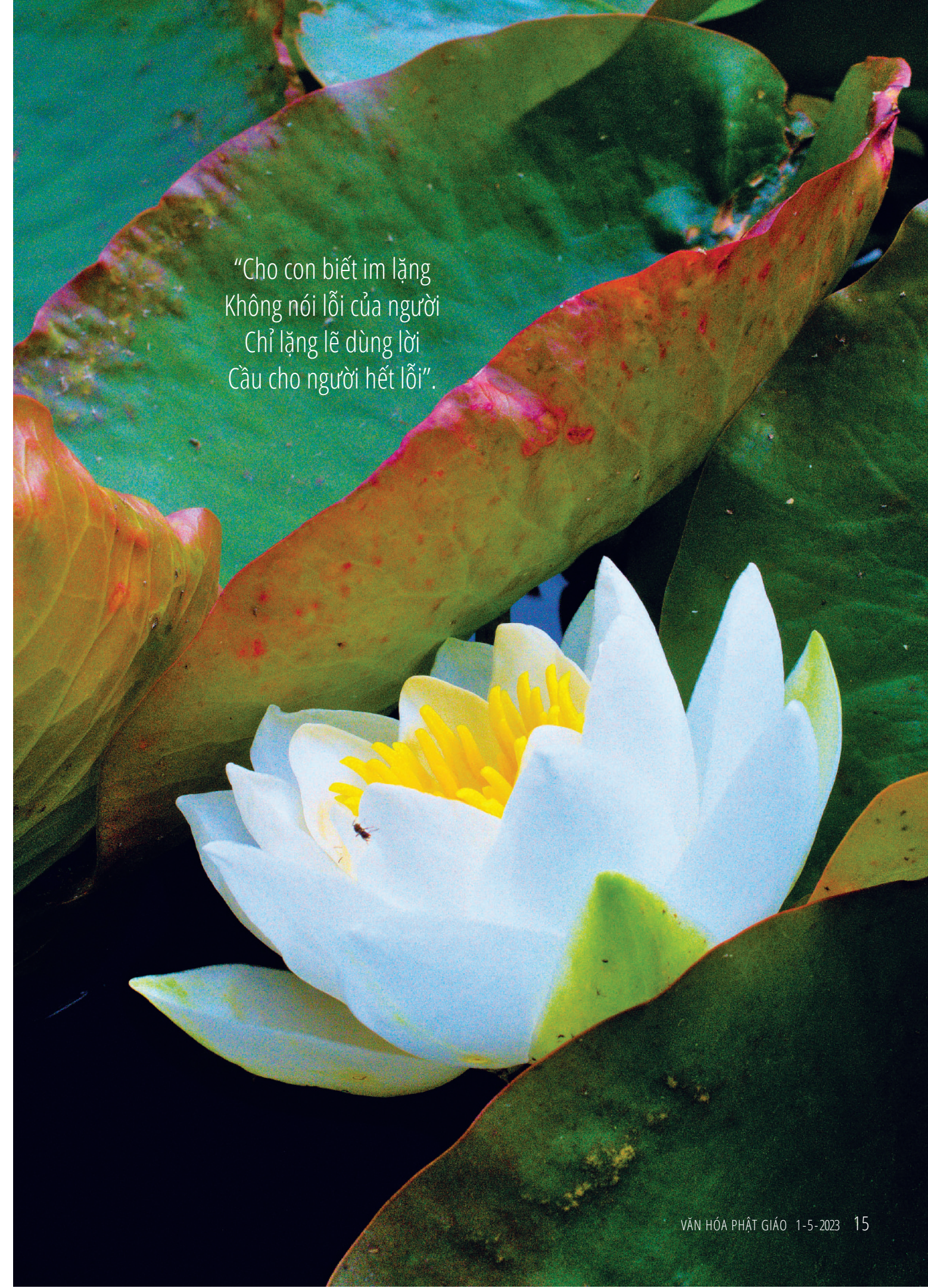
## SÁU PHÁP HÒA KÍNH LÀ GÌ?

Theo Từ điển Phật học Huệ Quang, “*Lục hòa kính còn gọi là Lục ủy lạo Pháp, lục khả hỷ Pháp, lục hòa, hành hòa kính, sự hòa kính, thí hòa kính. Sáu thứ hòa đồng, kính ái tức sáu việc mà những người cầu Bồ đề, tu phạm hạnh phải thương yêu, kính trọng lẫn nhau; cũng tức là sáu thứ hòa đồng, kính ái giữa Bồ tát và chúng sanh của Phật giáo Đại Thừa*” [2]. Đó là: Thân hòa đồng trú, Khẩu hòa vô tránh, Ý hòa đồng duyệt, Lợi hòa đồng quân, Giới hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giải. Sáu pháp hòa kính trên là nền tảng căn bản, nếp sống đẹp cho cộng đồng tu sĩ sống hòa hợp, hòa kính, nhu hòa và an lạc. Bên ngoài đối với điều lành của người thì hòa thuận, đồng lòng, bề trong thì tự mình khiêm nhượng ấy là kính. Chính hai yếu tố hòa kính đã toát lên vẻ đẹp đời sống Tăng đoàn - thanh tịnh và hòa hợp trên thế gian này.

## THÂN HÒA ĐỒNG TRÚ

Nói trên phương diện sinh hoạt hàng ngày trong một tổ chức, một cộng đồng, chúng ta cùng sống chung trong một tập thể, phải có sự nương tựa, tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau. Đó là tinh thần hòa thuận trong một môi trường sống. Thân hòa là biểu hiện lối sống, oai nghi, đức hạnh của một tập thể, hội chúng. Mọi người có thể từ muôn phương tứ xứ, người đến từ “vùng đất mặn đồng chua”, người về từ vùng quê “đất cày lên sỏi đá” nhưng





“Cho con biết im lặng  
Không nói lỗi của người  
Chỉ lặng lẽ dùng lời  
Cầu cho người hết lỗi”.



## NIỆM ĐOÀN KẾT

một khi đã quy tụ về hội chúng của đức đạo sư thì mọi điều đó đều được bỏ bên ngoài cánh cửa của “thân hòa”. Cảnh vàng lá ngọc như hoàng tử, công chúa, vương giả cho đến thần dân, nô lệ, tất cả thân thể gian quy ước ấy đều được hòa tan, hòa hợp trong biển pháp từ thân hòa cả thấy.

Nhớ thuở xưa, làn sóng ngự trị của tư tưởng Bà-la-môn và chế độ phân biệt đẳng cấp xã hội khắc nghiệt khiến con người giai cấp thấp rơi vào cảnh thống khổ lắm than, không biết kêu cầu từ ai. Đạo

Phật ra đời như là ngọn cờ tiên phong trong phong trào đòi tự do tư tưởng và bình đẳng xã hội Ấn Độ thời bấy giờ. Con người lúc đó được tự do gia nhập vào Tăng đoàn với ý muốn tìm cầu đời sống an lạc, thanh thoi. Hội chúng của Đức Phật không phân biệt giai cấp, giàu nghèo, chủng tộc nào, miễn ai có tâm hướng thượng thì đều được thu nạp. Đến như kẻ tiện dân như ông Ưu Ba Ly sau khi Đức Phật độ cho xuất gia, nhờ nỗ lực tu tập cũng chứng được đạo quả, mà trở thành bậc “Trì luật đệ nhất” là một trong mười đại đệ tử của Phật. Hay như

tướng cướp Angulimala cũng được Phật thuần hóa trở thành vị Tỳ kheo tu tập tinh cần trong Tăng đoàn, cho đến dâm nữ Ambapali - người phụ nữ lạc bước giang hồ, cũng được Phật hóa độ xuất gia. Vậy thì, đẳng cấp xã hội hay thân thế uy quyền đều được vứt bỏ bên ngoài khi bước vào ngôi nhà chung Phật pháp. Nơi đó, không có sự sai biệt về thân mà cùng hòa hợp, cùng sống chung và cùng tu tập với nhau.

### KHẨU HÒA VÔ TRÁNH

Tức là giọng điệu từ ái của khẩu được phát ra thành âm thanh hòa nhã, ái ngữ không tranh cãi hơn thua, chỉ trích đâm thọc. Nếu có điều gì chưa thông hiểu, thắc mắc, nghi ngờ thì cùng nhau phân tích, hòa giải mà không để xảy ra chiến tranh binh khí miệng lưỡi. Nếu sự việc tranh cãi có xảy ra thì hãy cùng ngồi lại lắng nghe những khó khăn của nhau nhiều hơn là bàn tán. Trong việc thiết lập tương quan với mọi người, lời nói là “sợi dây” quan trọng để kết nối giữa người này với người kia, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác. Cũng chính từ khẩu hòa mà ta gắn kết được nhiều người lại gần nhau hơn và chia sẻ đồng cảm hơn.

Một biểu hiện khác của khẩu hòa vô tránh là không nói xấu sau lưng người khác. Nói xấu người khác là một việc làm không tốt, nếu nghe được người đó sẽ rất giận và dẫn đến mất hòa khí, mất đoàn kết. Mối tương quan hòa hợp vì thế cũng không còn. Nói xấu sau lưng thường có hai trường hợp: ác ý và không ác ý. Là người nói xấu sau lưng với ác tâm hạ nhục người kia, hạ uy tín người kia. Trường hợp còn lại, không có ác ý nhưng do vô tình bằng câu nói đùa cũng khiến cho người nghe đánh giá thấp về



Trong việc thiết lập tương quan với mọi người, lời nói là “sợi dây” quan trọng để kết nối giữa người này với người kia, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác. Cũng chính từ khẩu hòa mà ta gắn kết được nhiều người lại gần nhau hơn và chia sẻ đồng cảm hơn.



người được nói đến. Cho nên, dù có ác ý hay không ác ý, chúng ta cũng không nên nói xấu sau lưng người khác. Khi nghe được, họ sẽ buồn và mối tương quan giữa chúng ta với họ không còn tốt đẹp nữa. Thà rằng, chúng ta cứ thẳng thắn nói chuyện cùng nhau, nếu có điều gì góp ý thì cùng nhau bày tỏ còn không thì im lặng theo tinh thần nhà Phật.

*“Cho con biết im lặng  
Không nói lời của người  
Chỉ lặng lẽ dùng lời  
Cầu cho người hết lỗi”.*

### Ý HÒA ĐỒNG DUYỆT

Đứng trên phương diện tư tưởng, lúc nào cũng tôn trọng và ái kính ý kiến người khác nếu tư tưởng ý kiến đó là đúng, còn ngược lại thì cùng nhau bàn bạc cho ra lẽ và vui vẻ chấp nhận. Cùng nhau cư xử với thái độ hòa nhã, tâm ý vui vẻ hòa hiệp. Muốn được tâm ý hòa hiệp, chúng ta phải tu hạnh vô ngã đó là không thấy ý kiến ta là quan trọng, ý kiến của ta là đúng nhất mà phải biết khiêm tốn đặt mình vào vị trí của người khác. Như chư Tỳ kheo thời Phật còn tại thế đã sống như vậy: *“Bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: Ta hãy từ bỏ tâm của ta để sống theo tâm của tôn giả này. Và con đã từ bỏ tâm của con để sống theo tâm của tôn giả ấy. Chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm. Nhờ vậy, chúng con sống hòa hợp với nhau như nước với sữa, sống nhìn nhau với con mắt lành, thiện cảm”* [3].

Nói từ bỏ tâm của mình để sống theo tâm của người khác không phải là ai nói sao mình nghe vậy, hay ai làm gì mình làm theo đó. Mà là sự vất bỏ đi cái bản ngã của chính mình, bỏ đi sự tự đại, thói quen, tập khí, tình cảm, quan niệm cá tính riêng tư của mình để hòa vào tâm



Sự hòa hợp trong Tăng đoàn mang ý nghĩa thiêng liêng cao cả hơn, vượt lên pháp thế gian như dòng suối mát gột rửa cho chư Thiên và loài người. “Này các Tỳ kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại hạnh phúc cho nhiều người, đem lại lợi ích cho nhiều người, không đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài người. Thế nào là một pháp? Sự hòa hợp chúng Tăng”.

ý chung của tập thể. Nơi đó, mọi người hòa vào nhau và bỏ đi tự tôn của bản thân, mà biết lắng nghe, chấp nhận ý kiến, tâm tư để đưa đến sự hợp nhất về mặt tư tưởng.

### LỢI HÒA ĐỒNG QUÂN

Khi bàn đến thanh danh và lợi dưỡng dễ khiến cho nhiều đoàn thể hoặc cá nhân nào đó xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nếu không phải tinh thần thanh tịnh và hòa hợp của Tăng đoàn thì hội chúng dễ xảy ra xích mích và bất hòa. Nên một khi đã hoà như nước với sữa, như anh em trong đại gia đình thì đều được yêu thương, chia sẻ đồng đều không vì tình riêng thân sơ mà kẻ ít người nhiều, kẻ tốt người xấu.

Giữ được tinh thần như vậy, dù hội chúng trăm ngàn vạn người vẫn cùng hoà hợp với nhau như trăm con sông đổ về biển cả.

Đối với vật chất thuộc tứ sự, tức vật thực, thuốc men, y áo, chỗ ngủ nghỉ đều được nhận đúng pháp và hợp pháp. Tất cả đều được chia đồng đều không phân biệt và xóa đi sự bất bình đẳng về lợi dưỡng. Vì thời đó, Tăng đoàn hội đủ thành phần, giai cấp trong xã hội. Có chư vị xuất thân từ vua chúa, quý tộc, tướng lãnh, trí thức; còn kẻ xuất thân từ tướng cướp, cùng đinh, nô lệ,... Họ tình nguyện sống đời an bản thủ đạo và không dính mắc tư hữu hay có thể nói là không bị tài



sản vật chất chi phối. Do đó, tam y nhất bát là tài sản duy nhất cho một vị Tỳ kheo khi lên đường. Đây là hình ảnh đẹp, là tấm gương sáng cho những ai bước đi trên con đường ly dục, tìm cầu an lạc.

### GIỚI HÒA ĐỒNG TU

Đóng góp cho sự hòa hợp và thanh tịnh trong đời sống Tăng đoàn còn có giới hòa, vì giới luật là nền tảng của Phật giáo là cốt lõi của Tăng đoàn nên rất quan trọng. Ai cũng có bổn phận về chính giới hạnh của mình, ai cũng hướng đến sự an lạc, thanh tịnh và giải thoát cho mình và người. Giới hòa đồng tu dù chia ra nhiều cấp bậc phẩm hạnh khác nhau nhưng vẫn không có ranh giới của người nói và người nghe; không khoảng cách của người trên và người dưới. Ở đây không có sự dòm ngó, chỉ trích, phê phán nhau mà nâng đỡ lẫn nhau. Người nào đều có phận sự nấy. Người nhiều giới quan tâm nhắc nhở người ít giới; người ít giới vâng lời cung kính người nhiều giới. Tất cả tạo nên không khí hài hòa, ấm cúng đạo vị; đưa đến sự tương ái, tương kính, nhất trí không xung đột và tranh cãi.

### KIỆN HÒA ĐỒNG GIẢI

Đức Phật dạy: *“Này các thầy Tỳ kheo! Trong sáu pháp cần nhiếp tất cả, phải ghi nhớ này, có một pháp tối thượng, thâm nhiếp tất cả, làm giềng mối cho tất cả, chính là tri kiến này, thuộc bậc thánh, có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau. Này các Tỳ kheo! Ví như một căn nhà có mái nhọn như ngọn tháp, có một bộ phận tối thượng, thâm nhiếp tất cả, làm giềng mối cho tất cả, chính là mái nhọn”*.

Tri kiến hay gọi tắt là kiến tức là chánh tri kiến - thấy biết như

thật bản chất của các pháp; một sự thấy biết chơn chánh, trọn vẹn không qua cảm xúc phù du cùng tri giác bọt bèo, chủ quan, phiến diện. Như vậy, một vị Tỳ khuru sống trong Tăng đoàn, nếu thấy thành tựu được sự hiểu biết chơn thật thì phải biết san sẻ, minh giải cho các bạn đồng tu để họ cùng hiểu đúng như thật với mình. Không thể nào đưa đến sự hòa hợp được khi những kiến giải về giáo pháp bất đồng, sai lệch nhau cả từ nguyên lẫn ngữ nghĩa. Khi mà những thấy biết về giáo pháp rơi vào các quan niệm, quan điểm cá nhân thì hội chúng đó sẽ dẫn đến sự tranh luận, tranh chấp bất hòa, phân phái rồi tan rã. Cho nên, kiến hòa là cốt lõi là tinh túy, là mái nhọn của căn nhà thân nhiếp những phần còn lại.

### TÌNH THƯƠNG LÀ GỐC CỦA SỰ HÒA HỢP

Sức mạnh của tổ chức mà không có tình thương, không có sự trung thành, yêu thương, yếu tố đạo đức làm nền tảng thì không dễ dàng gì mà bền vững lâu dài được. Muốn sức mạnh của một đoàn thể được vững chắc, chính yếu tố tình thương là mấu chốt của sự hòa hợp. Ta đã từng thấy diệu dụng của tình thương làm nên nhiều điều kỳ diệu. Ranh giới của kẻ trên người dưới, của đẳng cấp phân biệt xã hội được xóa nhòa bởi tình thương đủ lớn; cảm hóa quy phục lòng người cũng nhờ tình thương bao dung; tạo nên sức mạnh của một đoàn thể cũng lấy tình thương làm then chốt. Tình thương không theo bất cứ lẽ lối nào mà nó uyển chuyển thích nghi tùy hoàn cảnh, con người. Có những trường hợp đặc biệt chúng ta không thể xử lý đồng đều được. Bởi vậy, mọi khía cạnh khác của lục hòa đều cần cái gốc của tình thương.


### SÁU PHÁP HÒA KÍNH LÀM NÊN SỨC MẠNH CỦA TĂNG ĐOÀN

Sáu pháp hòa kính nói gọn lại là biểu hiện của hai phạm trù: tự thân và cộng đồng. “Thân hòa đồng trụ”, “Khẩu hòa vô tránh”, “Ý hòa đồng duyệt” là ba pháp biểu hiện sự kiểm soát nội tại của tự thân, làm nguyên tắc cho tư tưởng và hành vi trong đời sống cá nhân. Mỗi người luôn tự thân kiểm soát thân, khẩu ý của chính mình để hòa vào thân, khẩu ý của huynh đệ. Mà không thấy có sự ngăn cách bởi màu da, giọng nói, ngôn ngữ, sắc tộc,... “Kiến hòa đồng giải”, “Giới hòa đồng tu”, “Lợi hòa đồng quân” là sự tuân thủ về phép tắc xử sự trong cộng đồng, về vật dụng ăn, mặc, ngủ, nghỉ trong Tăng đoàn. Hai phạm trù này được thực thi triệt để chính là tạo nên sức mạnh trong Tăng đoàn.

Sức mạnh đó là bỏ qua mọi sự khác biệt để hướng đến cái tương đồng. Nếu chúng ta tự tạo ra sự khác biệt cho chính mình hay ranh giới cho tự thân thì người với người không tìm ra được điểm tương đồng nào. Hoặc cố tìm sự khác biệt, chúng ta sẽ thấy giữa người với người sống với nhau đây rầy sự khác biệt. Trước hết là sự khác biệt về ngoại hình: người cao người thấp, người mập người ốm, người có khuôn mặt đẹp người trông lại khó coi,... Hay như giọng nói, mỗi địa phương sẽ có một chất giọng riêng biệt, có vùng nói giọng rất dễ nghe, có nơi giọng đậm chất hơn. Từ đó, dựa vào giọng nói người ta sẽ có cảm tình với người này, người kia.

Tuy rằng có nhiều sự khác biệt nhau như vậy, nhưng nếu chúng ta vẫn cố gắng tìm kiếm sự tương đồng sẽ thấy con người đâu có sự





Sức mạnh của tổ chức mà không có tình thương, không có sự trung thành, yêu thương, yếu tố đạo đức làm nền tảng thì không dễ dàng gì mà bền vững lâu dài được.

khác biệt mà còn vô số điều tương đồng. Sự tương đồng lớn nhất đó là nước mắt cùng mặn và máu cùng đỏ. Máu là biểu trưng cho sự sống. Trên đời này, ai cũng quý sự sống và nơi sự sống đáng quý này tất cả mọi người đều bình đẳng, không có sự hơn kém. Không phải vì người này giàu người kia nghèo mà sự sống này quý hơn người kia. Nước mắt tượng trưng cho sự đau khổ. Ai trong cuộc đời này cũng phải trải qua sanh già bệnh chết, phải chia ly với người thân yêu, phải gặp mặt những người mình ghét. Nghĩa là những đau khổ trong cuộc đời này rất giống nhau, những giọt nước mắt chảy ra từ cuộc đời cũng rất đồng nhau. Đó là điểm tương đồng trước hết mà chúng ta cần nên ghi nhận để thương yêu, hòa hợp với nhau trong cuộc sống.

Tiếp đến là lý tưởng tu hành nên tất cả mới quy tụ trong ngôi nhà Phật pháp, cùng ngồi chung một thiền đường, miệng đồng vang câu niệm Phật, cùng sống chung bầu không khí thanh tịnh của Phật đường. Như trăm con sông chảy vào biển cả, như nước hòa vào với sữa thì

làm gì có sự tách biệt ra được. Chính những điểm tương đồng như vậy, mà không một thế lực nào, những quan điểm dị lập của cá nhân nào có thể phá vỡ tinh thần hòa hợp và thanh tịnh của đệ tử Phật. Mà những người đồng chung lý tưởng lại cùng tìm đến hòa hợp với nhau hơn. *“Này các Tỷ kheo, khi chư Tăng được hòa hợp, không có những tranh luận với nhau, không có những mắng nhiếc lẫn nhau, không có những ngăn cách lẫn nhau, không có những từ bỏ lẫn nhau. Ở tại đây, những người không hòa hợp đi đến hòa hợp, và những người hòa hợp lại càng hòa hợp hơn nữa”* [4].

Lần nữa, sáu pháp hòa kính không chỉ làm cho hội chúng được hạnh phúc, an lạc hiện đời và mai sau mà chư Thiên và loài người cũng tăng phần lợi ích và an vui. *Hạnh phúc là chúng Tăng, Được sống trong hòa hợp, Giúp đỡ, ưa hòa hợp, Thích hòa hợp, trú pháp Không rơi rớt, vượt khỏi, An ổn khỏi khổ ách, Kẻ tạo được hòa hợp, Giữa Tăng chúng Tỷ kheo,*

*Trọn kiếp được an vui, Trong cảnh giới chư Thiên* [5].

Diệu dụng của sáu pháp hòa kính không chỉ có tác dụng trong cộng đồng tu sĩ mà bất kỳ một tổ chức nào đều có thể áp dụng. Nếu biết đưa lục hòa vào trong cuộc sống gia đình, thì cha mẹ sẽ thấu hiểu lắng nghe con cái, ngược lại, con cái luôn kính mến cha mẹ thì mái nhà sẽ ấm êm, hạnh phúc hơn. Nếu áp dụng trong đời sống tập thể, tổ chức thì tổ chức ấy sẽ thêm lớn mạnh, hưng thịnh và đoàn kết. Rộng hơn nữa là áp dụng vào một đất nước, thì dân tộc ấy sẽ được giàu mạnh, văn minh và tiến bộ. Đó chính là công năng và tác dụng của sáu pháp hòa kính.

#### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Đại Tạng Kinh Việt Nam, *Kinh Tiểu bộ*, kinh Phật thuyết như vậy, chương Một pháp, tr.308
- [2] Thích Minh Cảnh (chủ biên), *Từ điển Phật học Huệ Quang*.
- [3] Hòa thượng Thích Minh Châu (2020), *Kinh Trung bộ*, Tiểu kinh Rừng sùng bò, tr.230.
- [4] ĐTKVN, *Kinh Tiểu bộ*, kinh Phật thuyết như vậy, chương Một pháp, tr.308.
- [5] ĐTKVN, *Kinh Tiểu bộ*, kinh Phật thuyết như vậy, chương Một pháp, tr.308.



# NGỌN ĐÈN

## giới luật



SC. Thích Nữ Thường Viên

### DẪN NHẬP

Ngọn đèn giới luật không phải là chiếc đèn như chúng ta thường hay dùng để thấp hay chiếu sáng trong nhà hay các quán xá, đường phố... *Đèn giới luật* là cụm danh từ ví von cho một khía cạnh của ngọn đèn bình thường về công dụng và khả năng của giới luật mà thôi. *Giới luật* không phải là nhiên liệu giống như dầu lửa hay điện năng gì đó. Thật ra gọi đèn “giới luật” là chỉ cho những người tu hành, những hành giả cùng tất cả những vị đang tu hành, gìn giữ giới luật của Đức Phật và các vị tổ sư đã chế. Vì những vị ấy tu tập giới luật một cách nghiêm trang, nghiêm mật nên những người ấy như ngọn đèn chiếu sáng giữ thể gian!

### GIỚI LUẬT NHƯ NGỌN ĐÈN CHIẾU SÁNG THẾ GIAN

“Ở chốn trần ai chớ nhiễm trần  
Chuyên cần trì giới luyện tâm thân  
Lo tu lắng định lòng mình trước  
Đuốc tuệ sau này rọi thể nhân”  
Như vậy giới luật là gì? Tại sao ví giới luật như ngọn đèn chiếu sáng giữa thế gian?

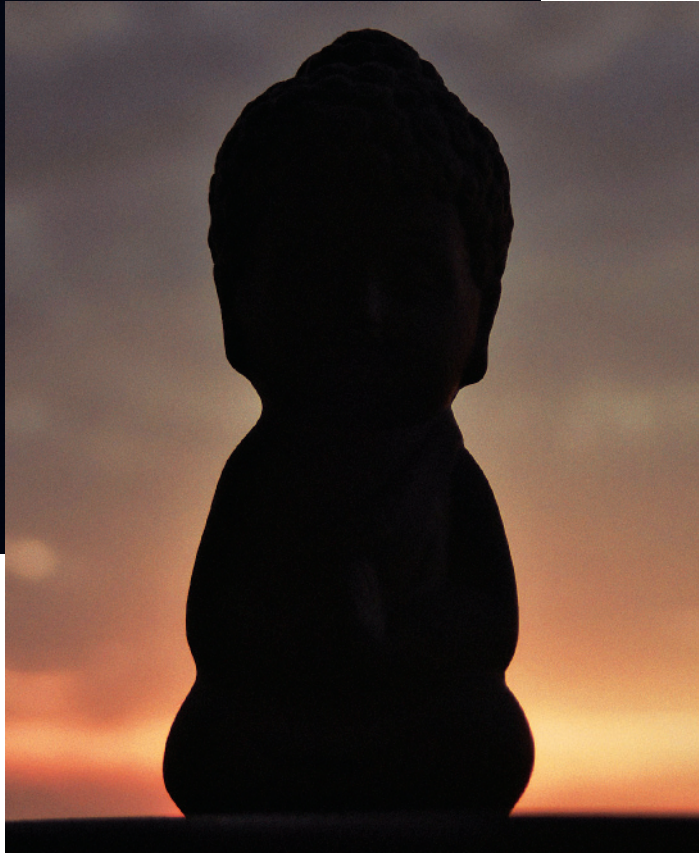
**Giới:** Tiếng Phạn Sila, nghĩa của nó là tự nhiên, thói quen. Vậy Giới vốn là thực tại với quy luật vận hành, nếu hành động trái quy luật tự nhiên thì gặp trở ngại. Qua đó, ta hiểu rằng, Giới là chuẩn mực để đánh giá hành động đúng hay sai, điều gì nên làm và không nên làm, để thoát khỏi mọi trói buộc của khổ đau. Trung Hoa dịch từ Sila là thanh lương, nghĩa là mát mẻ, vì giới có công năng dứt ba nghiệp quấy ác thiêu đốt. Lại còn nghĩa là “*Phòng phi chi ác*”.

Trên lộ trình tu tập đi đến giác ngộ giải thoát có ba môn học quan trọng gọi là tam vô lậu học. Đây chính là con đường mà Đức Phật từng nói là con đường độc nhất đưa đến Niết bàn an lạc. Ba môn học đó gồm: giới luật, thiền định và trí tuệ. Giới luật đứng ở đầu nên





“Ồ chón trăn ai chớ nhiễm trăn  
Chuyên cần trì giới luyện tâm thân  
Lo tu lắng định lòng mình trước  
Đuốc tuệ sau này rọi thể nhân”



Trên lộ trình tu tập đi đến giác ngộ giải thoát có ba môn học quan trọng gọi là tam vô lậu học. Đây chính là con đường mà Đức Phật từng nói là con đường độc nhất đưa đến Niết Bàn an lạc. Ba môn học đó gồm: giới luật, thiền định và trí tuệ. Giới luật đứng ở đầu nên vô cùng quan trọng, là nấc thang đầu và nền tảng để đi đến giải thoát.

vô cùng quan trọng, là nấc thang đầu và nền tảng để đi đến giải thoát.

Một xã hội muốn tồn tại và phát triển vững bền cần có luật lệ trật tự. Cũng vậy, Phật giáo tồn tại và phát triển đến ngày nay đã trải qua hơn 2.600 năm là nhờ vào giới luật của Phật chế. Trong Kinh Phương Đẳng, Đức Phật nói: *“Giới là cội gốc hết thảy các điều lành”* nghĩa là nhờ có giới luật mà mọi điều lành được huân tập và đương nhiên mọi điều ác sẽ tiêu trừ. Cho nên, Đức Phật mới nói giới luật chính là mạng mạch của Phật pháp:

*“Tỳ ni tạng trụ Phật pháp cửu trụ  
Tỳ ni tạng diệt Phật pháp diệt diệt”*.

Giới luật nói ra thì rất rộng, Phật chế ra rất nhiều giới dành cho những chúng khác nhau gồm tại gia và xuất gia. Trong đó, tùy theo mỗi cấp bậc mà có số lượng giới luật phải giữ khác nhau. Nhưng nói chung, để giữ giới luật, chỉ cần giữ đúng ba nghiệp của chính mình cho thanh tịnh, mọi giới luật đều được thực hành đúng như vậy.

Chữ giới thường đi với chữ luật nên gọi là giới luật. Giới là một trong ba pháp học Giới – Định – Tuệ, gọi là Tam vô lậu học tức nương vào trong ba pháp học này mà hoá giải được phiền não, siêu phàm nhập Thánh, an lạc giải thoát. Thực hành ba pháp học này không còn bị rơi rớt vào trong ba cõi



## NIỆM ĐOÀN KẾT

sáu đường. Quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Đức Phật cũng y vào nơi huệ mạng mà thành. Có thể nói, trí tuệ phát sanh ra từ nơi thiên định, thiên định có được là do nơi giữ giới. Nhưng trong đó, giới học là điều căn bản “*Nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Tuệ*”. Vậy giới là răn cấm, ngăn ngừa các điều quấy, dứt trừ các điều ác và làm điều thiện.

### PHÂN LOẠI VỀ GIỚI

Theo Phật học Bắc truyền, giới được phân loại như sau:

- Nhiếp luật nghi giới: Hay còn gọi là Biệt giải thoát luật nghi, gồm các giới tại gia, xuất gia như: ngũ giới, bát quan trai giới, thập thiện giới và cụ túc giới.
- Nhiếp thiện pháp giới: Nghĩa là lấy việc thực hành tất cả những điều thiện làm giới.
- Nhiêu ích hữu tình giới: Nghĩa là lấy việc làm lợi ích cho chúng sanh làm giới.

Về sau, các nhà luận sư do thấy mối quan hệ biện chứng của ba pháp Giới - Định - Tuệ nên đã phân chia khác:

- Biệt giải thoát: Bao gồm ý nghĩa của Nhiếp luật nghi giới.
- Định cộng giới: Lấy định làm giới, nghĩa là do tu tập thiền định mà thân tâm được thanh tịnh, đoạn trừ các lậu hoặc, giới thể được cụ túc và giải thoát được là do định
- Đạo cộng giới: Lấy trí tuệ làm giới, do tu tập vô lậu nghiệp mà được trí tuệ vô lậu, giới thể được viên mãn, cụ thể giải thoát có được là do tuệ sanh.

Giới cũng phân ra có tánh giới và giá giới:

- Tánh giới: Như giới sát sanh, giới trộm cắp, giới dâm dục, giới nói dối. Vì bốn giới này thuộc về thể tự tánh phát sanh, không đợi Phật chế, nếu ai giữ gìn tức được lợi ích, nếu không giữ gìn thì chuốc lấy khổ đau.
- Giá giới: Từ giới uống rượu trở lên, các giới điều khác là từ nguyên nhân này mà gây ra phạm giới nên Đức Phật đã ngăn cấm.

Có thể nói, giới là luật, nên gọi là giới luật, gồm những danh từ khác nhau nhưng đồng thể. Tiếng Phạn gọi là Tỳ-ni hay Tỳ-nại-da, Trung Hoa còn gọi là Diệt vì nó có ba nghĩa:

- Dứt nghiệp quấy của thân, khẩu ý.
- Dứt phiền não tham, sân, si, tăng thượng giới, tăng



Trong Kinh Phương Đẳng, Đức Phật nói: “Giới là cội gốc hết thảy các điều lành” nghĩa là nhờ có giới luật mà mọi điều lành được huân tập và đương nhiên mọi điều ác sẽ tiêu trừ.

- thượng tâm, tăng thượng huệ.
- Được quả tịch diệt Niết bàn.

Và cũng được dịch là điều phục, vì điều luyện ba nghiệp thân, khẩu, ý để chế phục các ác hạnh, cũng dịch là Thiện trị, vì khéo tự trị các ác hạnh của chính mình và điều phục hết thảy các điều ác cho chúng sanh.

Nói cách khác, giáo nghĩa của giới luật Phật tuy nhiều và rộng, nhưng không ngoài hai ý: “*Chỉ trì*” và “*Tác trì*”, ngăn quấy dứt ác như các giới điều trong giới bốn gọi là “*Chỉ trì tác phạm*”. Ví dụ: không sát sanh là “*trì*”, sát sanh là “*phạm*”. Thực hành các thiện hạnh phát sanh công đức hoặc để hỗ trợ phương thức chỉ trì được viên mãn gọi là “*Tác trì chi phạm*”, như tác pháp Yết-ma là “*Trì*”, không tác pháp Yết-ma là “*Phạm*”.





“Không làm các điều ác/ Thực hành các việc lành/ Giữ tâm ý trong sạch/ Đó là lời Phật dạy”. (Kinh Pháp cú 183)

Và chúng ta nên biết giới luật do Phật chế ra không phải để câu nệ hay ép buộc ai cả mà chính để ngăn ngừa để hộ trì cho hành giả tu tập đến giải thoát và ý nghĩa này được tóm tắt qua bài kệ dưới đây:

*“Không làm các điều ác*

*Thực hành các việc lành*

*Giữ tâm ý trong sạch*

*Đó là lời Phật dạy”.*

(Kinh Pháp cú 183)

Đó là đã nói xong về ý nghĩa của giới luật.

### **GIỚI LUẬT PHÁT SÁNG NHƯ TRÍ TUỆ**

Bởi giới luật giúp hành giả nhận chân ra tự tánh của chúng ta nên gọi là ngọn đèn. Bởi giới luật giúp hành giả thấy được con đường, chân lý của giải thoát nên gọi là ngọn đèn. Bởi giới luật giúp hành giả phá được bức màn vô minh đen tối nên gọi là ngọn đèn. Bởi giới luật giúp hành giả tìm được ánh

sáng của trí tuệ nên gọi là ngọn đèn. Thường trong kinh hay ví giới luật như hương thơm của những loài hoa. Trong Kinh Pháp cú nói:

*“Hoa chiêm-đàn, già-la*

*Hoa sen, hoa vũ quý*

*Giữa những hương hoa ấy*

*Giới hương là vô thượng”.*

Ở đây giới luật được so sánh như ngọn đèn bởi giới luật không chỉ thanh tịnh, thơm tho mà còn phát sáng giống như trí tuệ vậy. Giữa thế gian tối tăm, bị bao trùm bởi vô minh đen tối, giới luật chính là ngọn đèn mang đến ánh sáng niềm tin cho tất cả mọi người đang chìm trong đêm trường sợ hãi. Ngọn đèn giới luật không chỉ soi sáng con người trong bóng tối mà nó giúp con người nhận ra thực tại đau khổ và đưa con người đến chỗ an vui. Không phải là ngọn đèn tâm thường mà chúng ta đang sử dụng trong đời thường, ngọn đèn giới luật giúp con người có được năm điều lợi ích làm nguồn vốn, tư lương cho đời sau của mình:

1. Người có giới đức được thừa hưởng gia tài lớn nhờ tinh thần sống không phóng dật.
2. Tiếng tốt đồn xa.
3. Không sợ hãi, rụt rè khi đến giữa hội chúng.
4. Khi chết tâm không bị tán loạn.
5. Mạng chung được sanh vào thiện thú thiên giới.

Đó chính là điểm đặc biệt của ngọn đèn giới luật, không chỉ giúp ích cho hành giả trong cuộc sống hiện tại này mà còn hữu ích cho đến tận tương lai về sau nữa. Nếu như ai giữ gìn ngọn đèn giới luật như trong con mắt, bảo quản nó kỹ càng thì lợi ích còn tuyệt vời hơn chúng ta nghĩ nữa. Giống như người tự đọc một quyển sách hay hoặc dở sẽ cảm nhận được chứ người đứng nhìn không thể tự cảm nhận được. Những người học thì có kiến thức, người không học sẽ không có kiến thức, những người giữ ngọn đèn giới luật cũng vậy.

### **KẾT LUẬN**

Giữ cuộc đời có rất nhiều biến đổi xảy ra, tâm lý con người thường không vững vàng. Họ luôn bị gió lốc cuộc đời cuốn trôi theo nẻo dữ. thì ngọn đèn giới luật hi vọng sẽ là chỗ mang lại niềm tin, ánh sáng và sự ấm áp cho nhân sinh. Chỉ có sự tu tập và hành trì giới luật mới giúp cho con người đứng giữ vững tổ cuộc đời mới vững chãi được. Đó chính là lý do ngọn đèn giới luật chiếu sáng giữa thế gian mà không ngọn đèn nào có thể làm được.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
BAN TRỊ SỰ PHẬT GIÁO TỈNH ĐỒNG NAI  
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC  
Văn phòng CHÙA PHẬT HIỆN  
P. Phước Tân - TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai  
Điện thoại VP: 0918 545 689  
Số 07/2023/BGH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



## **BÁO CÁO TỔ CHỨC LỄ:**

- Tổng kết phát 243 Văn bằng Tốt nghiệp Tăng Ni khóa IX (2020 - 2023)
- Giới thiệu 262 cho Tăng Ni sinh khóa X (2021 - 2024)
- Tổng Khai giảng cho 291 Tăng Ni sinh khóa XI (2023 - 2026)

**Kính Bạch:** - Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni.

**Kính thưa:** - Quý vị quan khách đại diện Chính Quyền các cấp  
- Quý đạo tràng Nam Nữ Phật tử

Ban Giám Hiệu trường Trung cấp Phật học Tỉnh Đồng Nai.  
Trân trọng kính **Báo cáo tổ chức lễ** với nội dung như sau.

### **Nội dung:**

#### **1. Phát Văn bằng Tốt nghiệp cho 243 Tăng Ni sinh khóa IX (2020 - 2023) gồm có:**

- Cơ sở Tăng chùa Phật Hiện, phường Phước Tân có **56 Tăng** sinh
- Cơ sở Ni chùa Huệ Giác, xã Long Phước có **81 Ni** sinh
- Lớp Tăng Thiên sinh, tại Thiên Viện Thường Chiếu, xã Phước Thái có **72 Tăng** sinh.
- Lớp Ni hệ phái Khất sĩ, tại Tịnh xá Ngọc Uyển, phường Bửu Hòa có **34 Ni** sinh.



## 2. Giới thiệu 262 Tăng Ni sinh khóa X (2021 - 2024):

Năm 2021, vì lý do dịch bệnh nên khóa X (2021 - 2024) không làm lễ khai giảng được mà chỉ khai giảng nhập học nội bộ gồm có:

- Lớp Tăng Thiện sinh, tại Thiền Viện Thường Chiếu, xã Phước Thái có **47 Tăng** sinh.
- Lớp Ni Thiện sinh, tại Thiền Viện Linh Chiếu, xã Phước Thái có **120 Ni** sinh.
- Lớp Ni Thiện sinh, tại Thiền Viện Trí Đức Ni, xã An Phước có **95 Ni** sinh.

## 3. Tổng Khai giảng cho 291 Tăng Ni khóa XI (2023 - 2026) gồm có:

- Cơ sở Tăng chùa Phật Hiện, phường Phước Tân có **41 Tăng** sinh.
- Cơ sở Ni của Huệ Giác, xã Long Phước có **53 Ni** sinh.
- Lớp Tăng Thiện sinh, tại Thiền Viện Thường Chiếu, xã Phước Thái có **108 Tăng** sinh.
- Lớp Ni hệ phái Khất sĩ, tại Tịnh xá Ngọc Uyên, phường Bửu Hòa có **39 Ni** sinh.
- Lớp học Tăng Ni, tại Tổ Đình Quan Âm Tu Viện, phường Bửu Hòa có **50 Tăng Ni** sinh. (20 Tăng, 30 Ni).

Ban Giám Hiệu Trân trọng kính Báo cáo.

Đồng Nai, ngày 09 tháng 04 năm 2023

**TM. BAN GIÁM HIỆU**

**Phó Hiệu Trưởng Thường Trực**

**Kiểm Chánh Thư Ký**



**Hòa Thượng THÍCH PHƯỚC TÚ**

(Phó Trưởng Ban Giáo Dục Phật Giáo Trung Ương  
Khóa IX nhiệm kỳ 2022-2026)





# GIỮ LỜI NGƯỜI XƯA

**Lê Mạnh Huy**

“Một cây làm chẳng nên non  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”  
Nhẹ nhàng một khúc ca dao  
Mạch ngầm ẩn chứa biết bao ân tình !

Bờ ao, giếng nước, sân đình  
Làng quê giữ chốn yên lành thảng năm.  
Sáng soi là ánh trăng rằm  
Rộn ràng lễ hội sâu đậm nét quê.

Lời ru thấm thiết, say mê  
Dạy con, dạy cháu vỗ về yêu thương.  
Làm người phải nhớ quê hương  
Kết đoàn, nguồn cội quật cường nghìn năm!

Một cây, không thể xanh mãi  
Một cây, lẽ bóng âm thầm gió mưa!  
Ba cây kết lại suốt mùa  
Che mưa chắn bão, gió lùa quân chi!

Sống rộng lòng, sống sẻ chia  
Tâm mình thanh thản, sum suê hoa đời.  
Học cha ông, học những lời  
Dãi đồng tâm buộc con người với nhau...



# CHỢ QUÊ

**Du Miên**

Mẹ ngồi giữa chợ mênh mông  
Tiếng rao lạc mắt người không đáp lời  
Gánh rau mỗi sớm còn tươi  
Nắng quê đội xuống nét cười héo hon.

Ngày xưa theo mẹ lon ton  
Nép bên góc chợ làn mơn ấu thơ  
Cánh diều con thả giấc mơ  
Có hình bóng mẹ bơ vơ chợ nghèo...

Con về tắm mát ao bèo  
Vẫn nghe năm tháng trong veo mẹ hiền  
Nắng chiều nón lá che nghiêng  
Đường quê quang gánh một miền rất xanh.

Ngõ quê sợi khói yên lành  
Mái nhà mưa nắng mà thành quê hương  
Trái bầu, trái bí quanh vườn  
Mẹ về nhóm chợ bên đường hát hiu...





# PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI







Gia đình Phật tử là một tổ chức có từ khi Hội An Nam Phật Học thành lập năm 1932. Từ đó, các bậc tôn đức tiên bối và các vị cư sĩ có lòng hướng về sự chấn hưng Phật giáo, đã nghĩ đến việc tổ chức một đội ngũ thanh thiếu niên để vào lớp kế thừa mà xương minh cho đạo pháp, lợi lạc cho quần sinh. Vì thế, các Ngài đã ngồi lại để bàn thảo một chương trình giáo dục từ Đoàn Phật tử Đông Âu được thành lập từ năm 1934, sau đó đã chuyển qua Đoàn thành Phật tử thanh niên Đức Dục rồi đến gia đình Phật pháp Hồ. Cho đến ngày 24/4/1951, Đại hội Huỳnh trưởng Toàn quốc Nam – Bắc – Trung nhóm họp tại Từ Đàm đã chuyển danh hiệu gia đình Phật pháp hỗ trợ thành GDPT Việt Nam.



**HUẤN TỪ TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ I**

# **GIA ĐÌNH PHẬT TỬ**



**N**am mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật!  
Trước hết, thay mặt ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thay lời hiện tiền chư Tôn đức. Chúng tôi xin chân thành tán thán và ghi nhận: "... tâm lòng hy sinh của quý vị trong Gia đình Phật tử, của quý huynh trưởng các cấp Gia đình Phật tử Trung ương và các địa phương qua các nhiệm kỳ". Cầu nguyện ơn trên Tam bảo luôn luôn gia hộ cho các vị thân tâm dũng mãnh, phúc thể trang nghiêm để hoàn thành nhiệm vụ hướng dẫn GDPT mà Giáo hội đã tin tưởng mà giao phó.

### SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

Kính thưa toàn thể quý vị!  
Như chúng ta đã biết Gia đình Phật tử là một tổ chức có từ khi Hội An Nam Phật Học thành lập năm 1932. Từ đó, các bậc tôn đức tiên bối và các vị cư sĩ có lòng hướng về sự chấn hưng Phật giáo, đã nghĩ đến việc tổ chức một đội ngũ thanh thiếu niên để vào lớp kế thừa mà xương mình cho đạo pháp, lợi lạc cho quần sinh. Vì thế, các Ngài đã ngồi lại để bàn thảo một chương trình giáo dục từ Đoàn Phật tử Đồng Ấu được thành lập từ năm 1934, sau đó đã chuyển qua Đoàn thành Phật tử thanh niên Đức Dục, rồi đến Gia đình Phật Hóa Phổ. Cho đến ngày 24/4/1951, Đại hội Huynh trưởng Toàn quốc Nam - Bắc - Trung nhóm họp tại Từ Đàm đã chuyển danh hiệu gia đình Phật Hóa Phổ trở thành GDPT Việt Nam. Và từ đó, trong Đại hội thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam gồm có 51 đại biểu quy tụ Phật giáo miền Nam, miền Trung và



Nội quy có thay đổi, dân sinh có thay đổi, nhưng nội dung và đường hướng của GDPT trước sau như một không thay đổi.

# TRUNG ƯƠNG

## GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**HT. Thích Khế Chơn\***



miền Bắc đã công nhận GĐPT Việt Nam, diễn ra tại Từ Đàm tổ chức vào ngày mùng 5-8/5/1951. Như vậy, GĐPT Việt Nam đã hình thành và phát triển có mặt trên đất nước, gắn bó với Phật giáo nước ta trên 70 năm qua các thời kỳ.

Nhắc lại quá trình hình thành và phát triển đó để các vị thấy rằng sự có mặt GĐPT là kết tinh bằng tấm lòng lo lắng của các bậc tôn đức, của các vị cư sĩ hữu công trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Đồng thời sự có mặt của GĐPT cho đến hôm nay cũng là kết quả những tấm lòng vì đạo, vì đời mà các vị cư sĩ có tâm hướng về tổ chức GĐPT đã dày công xây dựng từ năm 1951. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ đến cội nguồn - đây là một nền văn hóa hết sức cao quý mà dân tộc chúng ta bao đời tổ tiên truyền thừa cho hậu thế. Vậy tổ chức GĐPT muốn nhớ đến người trồng cây khi mình ăn được quả tốt, muốn nhớ đến cội nguồn khi mình uống được dòng nước trong thì chúng ta phải làm thế nào đây? Trước hết, chúng ta phải hiểu rằng, tổ chức GĐPT Việt Nam với mục đích cao cả, đường hướng rõ ràng là kính Phật trọng Tăng, phụng sự đạo pháp và dân tộc, đem tấm thân này, đem cõi lòng này, để phụng sự cho đạo pháp, cho dân tộc cho nhân sinh. Đây là đường hướng rõ ràng nhất của GĐPT Việt Nam. Và từ đó, các vị thấy rằng trải qua nhiều thời kỳ, nội quy GĐPT Việt Nam tuy có thay đổi điều này điều khác nhưng đường hướng chung nhất của GĐPTVN không thay đổi: Là một tổ chức đào tạo thanh-thiếu-đồng niên trở thành những người tin Phật, những người đệ tử thuần thành của Đức Phật và những công dân tốt đẹp gương mẫu của đất nước.

Nội quy có thay đổi, danh xưng có thay đổi, nhưng nội dung và đường hướng của GĐPT trước sau như một không thay đổi. Nói như vậy để tất cả các vị thấy rằng nếu đơn vị nào, tổ chức GĐPT ở địa phương nào còn chấp vào văn tự mà quên đi đường hướng, thì cái đó cũng phải bình tĩnh hồi tâm mà nhớ lại để cho tổ chức chúng ta ngày được phát triển, bằng không thì mình có tội với tổ chức. Đồng thời, khi nói đến GĐPT, chúng ta nhắm đến hai khía cạnh căn bản đó là tự lợi và lợi tha. Tự lợi là đào tạo các thiếu - đồng niên trở thành người Phật tử chân chính, biết đem thân tâm phụng sự cho Tổ quốc và chúng sinh. Tự lợi trong tổ chức nhưng đừng quên tinh thần lợi tha phục vụ cho xã hội. Đó là hai về mà

các vị phải luôn luôn sáng suốt để gắn bó một cách nhuần nhuyễn trên con đường hướng dẫn GĐPT Việt Nam. Nếu chúng ta quên mất phần tự lợi thì sẽ không có người kế thừa, không có những huynh trưởng để duy trì, phát triển ngôi nhà áo lam ngày càng tốt. Nhưng nếu chúng ta chỉ lo chuyện tự lợi tổ chức rồi quên đi phần lợi tha, quên đi mất cái về rất quan trọng đó là chúng ta những người công dân đang sống trên đất nước Việt Nam. *“Thờ là thờ không khí của đất nước Việt Nam, ăn là ăn được hạt gạo từ đồng quê Việt Nam, uống là những dòng nước từ Đức Mẹ Việt Nam và đi cũng là đi trên đất nước Việt Nam”*.

Vì thế, các vị ý thức lo cho tổ chức một cách hết sức chu đáo lợi tha và đừng quên đi trách nhiệm phục vụ nhân sinh, phục vụ xã hội. Khi các vị đã hoàn thành được hai chức năng quan trọng đó rồi, tôi tin tưởng rằng bất cứ một tổ chức đơn vị GĐPT nào cũng sẽ trở thành GĐPT rất gương mẫu tại địa phương. Nhờ gương mẫu đó thì sự nổi bật của từng đơn vị GĐPT sẽ đóng góp cho tổ chức GĐPT Việt Nam hết sức có ý nghĩa, hết sức phong phú và hết sức lợi ích cho đạo, cho đời.

### ƯU ĐIỂM CỦA GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Điểm qua sự hình thành phát triển của GĐPT trên 70 năm chúng tôi nhận thấy có những ưu điểm như thế này.

Ưu điểm thứ nhất là từ tổ chức GĐPT đã đào tạo được những con người rất tốt, đào tạo được những mẫu người rất đạo đức, rất có tư cách, rất có khả năng, rất có trình độ, rất có sự hiểu biết. Và khi đã đào tạo được những con người có khả năng có độ hiểu biết đó rồi, họ tiếp tục dần thân làm lợi tha. Có người làm giáo viên như huynh trưởng Tâm Giới Phan Ngọc Thảo, có người làm bác sĩ, y tá, vẫn có người ra kinh doanh kinh tế thị trường, có người làm môi trường này, góc độ nọ. Thế nhưng, dù đảm nhận công việc nào, nhờ môi trường tôi luyện huynh trưởng đạo đức tốt đẹp, họ phục vụ hết sức là tốt đẹp, có sự lợi ích cho đất nước, lợi ích cho tất cả mọi người, làm bác sĩ cũng bằng lương tâm của một huynh trưởng, làm giáo viên giáo dục học sinh cũng bằng lương tâm đạo đức khả năng hiểu biết của một vị huynh trưởng. Đây là ưu điểm mà chúng tôi nhận thấy GĐPT chúng ta đã đạt được suốt 70 năm qua.





Trải qua nhiều thời kỳ, nội quy GDPT Việt Nam tuy có thay đổi điều này điều khác nhưng đường hướng chung nhất của GDPTVN không thay đổi: Là một tổ chức đào tạo thanh-thiếu đồng niên trở thành những người tin Phật, những người đệ tử thuần hành của Đức Phật và những công dân tốt đẹp gương mẫu của đất nước.



Ưu điểm thứ hai, đó là tổ chức GDPT đã đào tạo nên một đội ngũ kế thừa. Đội ngũ kế thừa rất quan trọng đối với Giáo hội. Thời thế của các đạo hữu, các bác đã đi qua, tre già măng phải mọc. Nhưng măng mọc có hàng có lối, măng mọc có trên có dưới, có trật tự sẽ tạo thành những lũy tre xanh để tô điểm cho làng xóm quê hương. Đây là sự kế thừa có giáo dục, sự kế thừa đội ngũ nhưng có đào tạo. Vậy nên, đây là một tổ chức có kỷ luật, một tổ chức có đào tạo, có chương trình và các vị cũng thấy được ưu điểm đó.

Các vị đã sống trong một môi trường tôi luyện thành những đội ngũ kế thừa hôm nay. Đây là các vị Oanh Vũ rồi đến huynh trưởng, rồi đến cụ huynh trưởng. Rồi sau đó, khi các vị không còn làm huynh trưởng,

các vị cũng trở thành các đạo hữu, các bác ở các chùa, Niệm Phật đường để hộ trì Tam bảo. Như vậy, các vị thấy được một tiến trình khi được đào tạo từ GDPT trở thành những con người mẫu mực, đạo đức, có khả năng trí tuệ, dần trở thành những đội ngũ kế thừa rất tốt cho Đạo Phật.

Ưu điểm thứ ba chúng tôi nhận thấy, đó là từ GDPT đã tạo nên sự gắn kết đạo tình đối với các bậc đi trước là các bác, là cha mẹ của mình. Trong từng GDPT có các vị Gia trưởng. Vì sao đặt các vị là Gia trưởng? Gia trưởng là trưởng của một gia đình nhưng chính vị gia trưởng này mang một trọng nhiệm là gắn kết giữa GDPT với các bác, gắn kết giữa GDPT với các Niệm Phật đường, với các khuôn hội, các đạo tràng. Từ đó,



Trong tổ chức GDPT có các điều luật rất rõ ràng: Phật tử quy y Phật, Pháp, Tăng, giữ giới đã phát nguyện, Phật tử mở rộng lòng thương và tôn trọng sự sống, Phật tử mở rộng trí tuệ và tôn trọng sự thật, Phật tử trong sạch từ vật chất đến tinh thần từ lời nói đến việc làm, thật sự sống hỷ xả để đứng tiền trên đường đạo.



tình cảm nảy sinh từ những huynh trưởng được đào tạo nề nếp, ở những đoàn sinh GDPT đào tạo có bài bản tạo nên những tình cảm gắn bó với các đạo hữu. Hay nói cách khác, các vị cư sĩ lớn tuổi đã tin tưởng và thương mến GDPT thì họ sẽ đưa con em của mình đến giao cho các anh, các chị giáo dục. Đó là một lợi điểm các vị có được khi thiết lập tình cảm gắn bó giữa GDPT và các bác trong các khuôn hội, Niệm Phật đường, hay nói chung là các đơn vị tự viện.

Một điểm nữa là tổ chức GDPT đã đào tạo được mẫu người kế thừa, lo việc tại các cơ sở. Tuổi người già đi qua phải có người trẻ kế thừa, mà người trẻ kế thừa chính là các vị trong GDPT. Hòa thượng Trí Quang kể trong truyện *Tâm ảnh lục*, có đoạn Ngài nói như thế này: *Trong mỗi khuôn hội, mỗi khuôn Phật học có hai đơn vị là đơn vị dành cho cư sĩ lớn tuổi và đơn vị dành cho GDPT. Các vị lớn tuổi gọi là các bác, các vị GDPT gọi là các con em, con em xem các bác như cha mẹ, cha mẹ phải bảo bọc GDPT như bảo bọc con cháu. Từ đó, có sự gắn kết giữa tuổi già và tuổi trẻ, giữa lớp đi qua và lớp kế thừa. Như vậy, Giáo hội chúng ta không lo gì gọi là bị mai một về hàng cư sĩ, bởi vì lớp đi qua có đào tạo lớp kế thừa và lớp kế thừa đó căn bản nhất là phải GDPT.*

Đó là những điểm ưu việt mà tôi được may mắn sinh ra ở Huế, sống gần với các Hòa thượng lãnh đạo từ trước đến nay gắn bó với GDPT cho nên

chúng tôi nhận thấy có những điểm hết sức tốt mà GDPT chúng ta đạt được.

### ĐIỀU LUẬT CỦA GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Trong tổ chức GDPT có các điều luật rất rõ ràng: Phật tử quy y Phật, Pháp, Tăng, giữ giới đã phát nguyện; Phật tử mở rộng lòng thương và tôn trọng sự sống; Phật tử mở rộng trí tuệ và tôn trọng sự thật; Phật tử trong sạch từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm; Phật tử sống hỷ xả để đứng tiền trên đường đạo. Các vị thực hiện được năm điều luật đó thì là những người con hết sức thương yêu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Như trong bài phát biểu của cố Hòa thượng Thích Hiền Pháp - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS, trong kỳ Hội nghị của GDPT Việt Nam, Hòa thượng xác nhận: *GDPT Việt Nam là một tổ chức có kỷ luật, có hiểu biết và GDPT Việt Nam là người con rất đáng tin cậy của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.* Lời phát biểu Hòa thượng Thích Hiền Pháp trong kỳ hội nghị tổ chức với GDPT Việt Nam có lẽ anh Tâm Giới và anh Tâm Duệ có dự. Tôi đọc và hết sức tâm đắc về lời phát biểu thấm thiết của một vị lãnh đạo đối với tổ chức GDPT.

Song song với năm điều luật đó, các vị sống với năm hạnh trong sáng của Đức Phật: từ bi, hỷ xả, thanh tịnh, trí tuệ và tinh tiến. Ghép năm điều luật cộng thêm năm hạnh lành các vị thực hiện thì chẳng lo chi. GDPT chúng ta ngày càng phát triển về lực lượng nhân sự. Về tổ chức cũng phát triển. Nhân hội nghị này, tôi cũng đề nghị các vị cố gắng lưu tâm các điểm sau đây:



*Điểm thứ nhất*, là tăng cường nhân sự, tức là tìm con người, giao đúng việc, đúng lúc, đúng thời để cho từ cấp Trung ương đến các Phân ban gia đình các tỉnh thành, sinh hoạt Gia đình Phật tử được phát triển.

Yếu tố con người là yếu tố quan trọng cho nên cổ nhân ta nói: “*Sơn bất tại cao, Hữu tiên tắc danh, Thủy bất tại thâm, Hữu long tắc linh, Tư thị lậu thất, Duy ngô đức hình*”... Núi không cần cao chỉ cần có tiên ở là có danh tiếng. Nước không cần sâu mà có rồng ở là trở thành linh thiêng. Nhà kia tuy nghèo mà người có đức ở thì có tiếng tăm. Vậy tổ chức GDPT chúng ta lấy con người làm chính, con người hiện diện ở đâu mà tốt thì tổ chức tốt. Khi tổ chức đã tốt sẽ đào tạo thành con người tốt. Đó là mối liên hệ hỗ tương hết sức quan trọng mà Đạo Phật chúng ta xem đó là yếu tố để thành tựu mọi công việc.

*Điểm thứ hai* là mong các vị lưu tâm để mở các khóa huấn luyện, đào tạo huynh trưởng. Tình trạng các GDPT ở các tỉnh thành có đoàn sinh nhưng thiếu huynh trưởng là một sự thật đang xảy ra. Do thiếu huynh trưởng nên GDPT phải ngưng sinh hoạt. Vậy muốn các GDPT đồng bộ sinh hoạt một cách tốt đẹp, Ban Hướng dẫn GDPT TW nhiệm kỳ mới phải chỉ đạo cho Phân ban GDPT các tỉnh thành hoặc trực tiếp Phân ban GDPT TW tổ chức các khóa huấn luyện GDPT, huynh trưởng. Bằng chứng rõ ràng tại huyện Quảng Điền (tỉnh Thừa Thiên - Huế) có 59 đơn vị Niệm Phật đường, trong đó có 20 GDPT ngừng sinh hoạt vì thiếu huynh trưởng. Tổng kết kỳ nào, năm nào, chúng tôi cũng lưu tâm đến chuyện đó, nhưng trong báo cáo kỳ nào cũng nghe ngưng sinh hoạt vì thiếu huynh trưởng. Vậy tại sao không cấp tốc mở các khóa đào tạo huynh trưởng và đồng thời các vị phải có giải pháp: GDPT này nhiều huynh trưởng cần phải bổ nhiệm gọi là đặc trách để giúp cho GDPT thiếu huynh trưởng trong các chiều chủ nhật, tới sinh hoạt với các em để duy trì lại các đơn vị GDPT. Tạo ra thì khó mà duy trì thành tựu không phải là dễ, nên mong các vị lưu tâm điều này.

*Điều thứ ba* là trong sinh hoạt, các vị nên nghiên cứu đề uyên chuyên, tùy duyên trong các chương trình sinh hoạt hàng tuần của GDPT. Tạo ra sự cuốn hút các em trở về với GDPT, nhằm đào tạo môi trường cho các em xa lìa những thú vui có tính cách đồi trụy, rèn luyện đạo đức của người con Phật. Muốn có sự cuốn hút đó thì chúng ta phải nghiên cứu các chương trình sinh

hoạt cho thích hợp. Ở đây, trách nhiệm của Ủy viên Nghiên huấn phải nghiên cứu, tìm hiểu phối hợp với Ban hướng dẫn GDPT Trung ương, cộng với GDPT các tỉnh thành để nghiên cứu chương trình sinh hoạt. Nội quy mình còn thêm, còn bớt, hướng chi chương trình sinh hoạt thì mình cũng có thêm, có bớt. Đường hướng thì rõ nhưng nội quy, chương trình sinh hoạt mình có thể tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên.

*Điểm thứ tư* là chúng tôi trông mong tất cả các vị Ban hướng dẫn Phân ban GDPT Trung ương cho đến Ban hướng dẫn Phân ban GDPT các tỉnh thành, cố gắng tạo một sự liên hệ gắn kết thường xuyên, kết hợp tổ chức thành từng đoàn và đi thăm từng đơn vị GDPT, có thể kết hợp các vùng miền. Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương chúng tôi sẵn sàng đi với các vị. Đi thăm các đơn vị vừa là động viên, vừa chia sẻ, vừa tham khảo, vừa lắng nghe tất cả nguyện vọng tâm tư. Từ đó mình mới có kinh nghiệm, đường lối để chỉ đạo. Chứ nếu mình ngồi trên nhiều khi mình không nghe được ở dưới. Đức Quan Âm, Ngài hoàn thành đại nguyện phổ độ chúng sinh là vì Ngài lắng nghe. Bây giờ mình ra dáng thân phục vụ thì cũng phải lắng nghe.

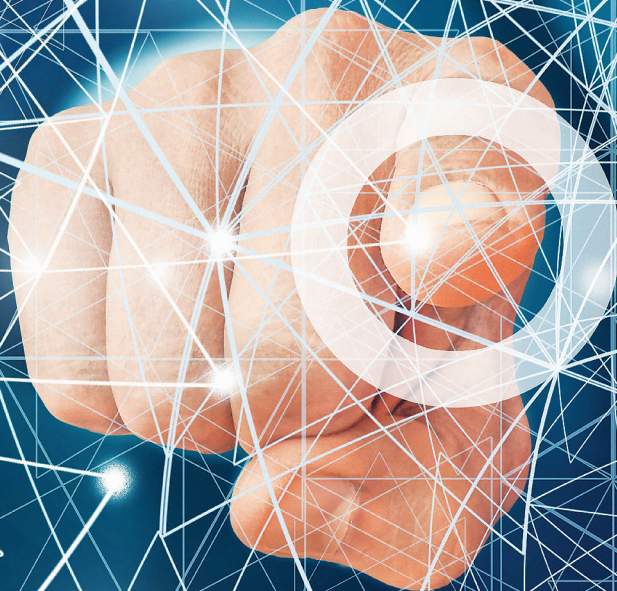
Đó là bấy nhiêu điều mà chúng tôi nhân dịp này chia sẻ cùng các vị, mong rằng tất cả các vị là những huynh trưởng của Phân ban GDPT Trung ương nhiệm kỳ mới, cũng như những huynh trưởng đại diện cho GDPT các cấp phải cố gắng làm sao chúng ta luôn luôn giữ vững tinh thần GDPT Việt Nam. Tinh thần GDPT đã có một đường lối rõ ràng từ các bậc tiền bối, các vị cư sĩ hữu công và có sự chỉ đạo của GHPGVN hiện nay mà trực tiếp là từ Ban hướng dẫn Phật tử TW GHPGVN. Chúng tôi xin chúc tân Ban hướng dẫn Phân ban GDPT TW nhiệm kỳ mới, toàn thể quý vị huynh trưởng, đoàn sinh GDPT các cấp trong toàn quốc thân tâm dũng mãnh, phúc huệ trang nghiêm và tinh tiến trên con đường phụng đạo giúp đời, phát triển ngôi Già lam để mãi mãi sống hạnh phúc an vui trong ánh sáng từ bi trí tuệ của Đức Phật.

NAM MÔ THƯỜNG HOAN HỖ BỒ TÁT MA HA TÁT!

**Chú thích:**

\* Hòa thượng Thích Khế Chơn - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương.





Chuyển đổi số sẽ giúp số hóa tài liệu bằng cách chuyển toàn bộ tài liệu bản cứng sang dạng tài liệu mềm (file .docx, file .pdf) thuận tiện cho việc tìm kiếm, đánh giá và chia sẻ thông tin, kéo dài tuổi thọ của tài liệu, tiết kiệm không gian lưu trữ, tiết kiệm nhân lực.

## QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG

# CHUYỂN



Quản trị hành chính là lĩnh vực lớn của các thiết chế mang tính hội đoàn. Tổ chức càng lớn, sự phức tạp của quản lý hành chính càng cao. Giáo hội Phật giáo Việt Nam không nằm ngoài quy luật ấy. Với đặc điểm là tổ chức tôn giáo với bề dày truyền thống hàng nghìn năm, Giáo hội ta được xây dựng trên nguyên tắc thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; đồng thời tôn trọng và duy trì truyền thống các tổ chức, Hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp. Đây là cơ sở để hình thành và phát triển lý luận về quản lý hành chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với tư cách là tổ chức Phật giáo hợp pháp duy nhất đại diện cho hàng triệu thành viên Tăng đoàn trong và ngoài nước. Trong quá trình chuyển đổi số, quản trị hành chính của Giáo hội cũng ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ số vào công tác để tăng cường hiệu quả quản trị, góp phần phụng sự đạo pháp và dân tộc.

#### **TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

Theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện hành, bộ máy hành chính của GHPGVN, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Trị sự cùng với Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN. Giáo hội gồm nhiều cơ quan, Ban, Viện, cơ sở tự viện, có quan hệ mật thiết với nhau, tạo thành một thể thống nhất, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung theo Hiến chương GHPGVN và pháp luật nước ta.



Có thể nói, công tác quản trị hành chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đứng trước tình thế thuận duyên trong công cuộc chuyển đổi số. Giáo hội chung sức cùng chương trình Chuyển đổi số của Chính phủ sẽ tận dụng được cơ hội về nhân lực và chính sách, truyền thông để cải biến toàn diện công tác quản trị hành chính của mình, nhằm phụng sự Phật pháp ngày một xương minh.

# ĐỔI SỐ

**TT. Thích Minh Nhãn\***





Từ tháng 1/2021, Công hành chính điện tử của Ban Trị sự GHPGVN tại TP.HCM đã ra mắt. Đây là bước đổi mới về công tác hành chính của Giáo hội nhằm ứng dụng các tiện ích của công nghệ thông tin, tạo thuận lợi cho Tăng Ni, Phật tử trong liên hệ với Ban Trị sự cũng như đồng bộ hệ thống hành chính các cấp trực thuộc. (Ảnh: Chính thức khai trương và đưa Văn phòng hành chính điện tử GHPGVN đi vào hoạt động.)

Theo Hiến chương GHPGVN, bộ máy hành chính của Giáo hội ta gồm các cấp:

- Cấp Trung ương: Hội đồng Chứng minh và các cơ quan của Hội đồng Chứng minh; Hội đồng Trị sự và các cơ quan của Hội đồng Trị sự.

- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Chứng minh Ban Trị sự; Ban Trị sự và các cơ quan của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: Chứng minh Ban Trị sự; Ban Trị sự và các cơ quan của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

- Cấp cơ sở: Ban Quản trị cơ sở tự, viện.

GHPGVN là một tổ chức được cấu thành từ 3 nhân tố quan trọng: Yếu tố, chức sắc và tín đồ cấu tạo thành Giáo hội rất quan trọng, vì chỉ có Giáo hội khi hiện hữu một tập thể tín đồ cùng các chức sắc mới trở thành một tập thể duy nhất, có nguyện vọng chung, có cùng chung một quá trình thành lập Giáo hội, có một ý chí của một tập thể tiến đến một tổ chức hoàn hảo. Yếu tố hệ thống tổ chức là điều kiện để tín đồ và chức sắc cùng thực hiện niềm tin tôn giáo theo một tiêu chí nhất định, thực hiện các sinh hoạt và cùng thực hiện các hoạt động tôn giáo, có đầy đủ pháp nhân, pháp lý. Yếu tố bộ máy Giáo hội

tức là hình thức và cơ cấu tổ chức Giáo hội, đây là quyền hạn được xác lập bởi một tập thể tín đồ và chức sắc trong một Giáo hội duy nhất, xác lập quyền lực của Giáo hội.

Như vậy, về pháp lý, Giáo hội là một pháp nhân công pháp, có quyền hạn về đối nội và đối ngoại theo cơ cấu và tổ chức; đồng thời là một pháp nhân, công pháp tối cao và duy nhất nên Giáo hội luôn thể hiện giáo quyền trong đối nội và sự độc lập trong đối ngoại [1].

### QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH CỦA GIÁO HỘI TRONG CÔNG CUỘC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong khoa học quản trị hành chính hiện đại, có hai khái niệm về hành chính: sự phát triển mang tính hành chính và nền hành chính mang tính phát triển. *Sự phát triển mang tính hành chính* đề cập đến sự phát triển và tăng cường năng lực, kỹ năng của nhân lực, kinh tài, quản trị và xây dựng tổ chức để đảm đương hiệu quả các kế hoạch phát triển. Điều đó cũng đồng nghĩa là củng cố và duy trì quy tắc hiện hữu của tổ chức [2]. Ở một góc độ khác, *nền hành chính mang tính phát triển* nhằm đến cải tiến và mở rộng chức năng của định chế quản lý để trả lời câu hỏi bản chất sau đây: Những ý tưởng và cơ chế nào của công tác quản trị hành chính có thể dùng như công cụ để phát triển hệ thống kinh tài và mở rộng nền tảng xã hội của tổ chức? [3].



Như vậy, cốt lõi quản lý hành chính của Giáo hội là công tác tổ chức bộ máy hành chính, trong đó có mối quan hệ chặt chẽ với toàn bộ các công tác khác của Giáo hội như công tác kinh tài, truyền thông, văn thư-lưu trữ, hồng pháp... Công tác quản lý hành chính vừa phục vụ kế hoạch phát triển Giáo hội, duy trì các chính sách ổn định, vừa đảm bảo mở rộng uy tín và vị thế của Giáo hội ta.

Nhìn từ góc độ chuyển đổi số, quản lý hành chính Giáo hội là thế mạnh để nâng cao hiệu quả hoạt động công tác. Bản chất của chuyển đổi số là sự hội tụ của bốn công nghệ đột phá gồm: điện toán đám mây, dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI). Sự hội tụ này khiến cho phạm vi hoạt động và ảnh hưởng của chuyển đổi số trở nên hết sức rộng lớn, do đó có nhiều cách nhìn và tiếp cận chuyển đổi số khác nhau [4]. Các nhà lãnh đạo, quản trị nhân sự chú ý đến ảnh hưởng của chuyển đổi số để tái cấu trúc nền kinh tế, ngành nghề, doanh nghiệp và những tác động lên lực lượng lao động. Các nhà quản lý kỹ thuật quan tâm đến việc áp dụng công nghệ số nhằm tạo ra những giá trị kinh tế mới... Ở khía cạnh triển khai thực tiễn, chuyển đổi số là phương tiện/công cụ hỗ trợ thay đổi một ngành nghề hay doanh nghiệp để tồn tại và phát triển trong thời kỳ công nghệ số. Chuyển đổi số nếu được tiến hành một cách có hệ thống và đồng bộ, có thể làm cho một doanh nghiệp, một ngành hay một đất nước cất cánh. Chuyển đổi số thực chất là tên gọi khác của cách mạng 4.0 như Ustundag và Cevikcan đã chỉ ra: *“Kỷ nguyên chuyển đổi mà chúng ta đang sống khác các thời đại khác là không chỉ mang đến sự thay đổi quá trình kinh doanh cơ bản mà còn làm nổi bật quan niệm sản phẩm tương tác thông minh thể hiện qua các mô hình kinh doanh theo hướng dịch vụ”* [5].

Hiện nay, phạm vi của chuyển đổi số hàm ý của nó đang liên tục biến đổi và tác động của nó vẫn đang tiếp tục được làm rõ. Việc nhầm lẫn hay không phân biệt được rõ ràng sự khác nhau giữa số hóa (digitisation), công nghệ số/ứng dụng công nghệ số (digitalisation/digitalised applications) và chuyển đổi số (digital transformation) là khá phổ biến trên thực tế. Nói một cách tổng quát, số hóa là tạo ra các thông tin đầu vào từ các thông tin thực (dưới các dạng cổ điển, quen thuộc hàng ngày, phổ biến dưới dạng thông tin tương tự (analog) sang dạng số (digital). Công nghệ số/ứng dụng công nghệ số là việc sử dụng các dữ liệu số để thực hiện công việc nhanh và tốt hơn. Chuyển đổi số

là sử dụng công nghệ số hay ứng dụng công nghệ số trên cơ sở các dữ liệu số hoặc dữ liệu đã được số hóa để thay đổi mô hình nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh nhằm tạo ra nhiều cơ hội và giá trị mới, cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động, tính cạnh tranh của tổ chức/cơ quan/doanh nghiệp. Bốn công nghệ số nền tảng của chuyển đổi số là điện toán đám mây, dữ liệu lớn, internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo. Chuyển đổi số không phải là sự nâng cấp liên tục của công nghệ thông tin hay là số hóa quy trình, dữ liệu và thông tin.

Trong công tác quản lý hành chính hiện tại, thiết nghĩ có thể từng bước chuyển đổi số các nội dung sau:

*Văn phòng hành chính điện tử:* Từ tháng 1/2021, Công hành chính điện tử của Ban Trị sự GHPGVN tại TP.HCM đã ra mắt. Đây là bước đổi mới về công tác hành chính của Giáo hội nhằm ứng dụng các tiện ích của công nghệ thông tin, tạo thuận lợi cho Tăng Ni, Phật tử trong liên hệ với Ban Trị sự cũng như đồng bộ hệ thống hành chính các cấp trực thuộc. Văn phòng hành chính điện tử của Ban Trị sự GHPGVN tại tỉnh Thái Nguyên và Thừa Thiên-Huế cũng ra mắt lần lượt vào tháng 6 và tháng 12/2022.

Văn phòng hành chính điện tử có chức năng gồm: hệ thống quản lý văn bản hành chính, gửi nhận văn thư điện tử, hồ sơ văn bản, phân cấp quản lý hành chính, trao đổi công việc; triển khai hệ thống quản lý nội bộ liên quan đến hồ sơ quản lý Tăng Ni, hệ thống lưu trữ số hoá; triển khai phương thức tổ chức, điều hành các phiên họp trực tuyến trong chương trình hoạt động chung của Trung ương Giáo hội và Phật giáo địa phương.

Hạng mục quan trọng trong văn phòng hành chính điện tử là số hóa văn bản hành chính. Hệ thống văn bản hành chính đi, đến đang trong quá trình được số hóa, sẽ góp phần giảm thiểu chi phí in ấn, không gian lưu trữ và chi phí chuyển phát, hỗ trợ đắc lực cho hiệu quả hoạt động của văn phòng hành chính điện tử.

### ***Thiết lập hệ thống dữ liệu lớn (big data) trong Giáo hội***

Dữ liệu là thứ tài sản vô hình nhưng lại có giá trị hơn nhiều tài sản hữu hình. Dữ liệu là thứ tài sản quý giá không có trong sổ sách kế toán. Xu hướng chuyển dịch từng bước, trước kia phần cứng là quan trọng, rồi phần mềm là quan trọng, còn hiện nay dữ liệu là quan trọng. Dữ liệu chính là bộ nhớ của tổ chức,





PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

# CHUYỂN ĐỔI SỐ PHẬT GIÁO

TT. TS THÍCH MINH NHẪN

Nhìn từ góc độ chuyển đổi số, quản lý hành chính Giáo hội là thế mạnh để nâng cao hiệu quả hoạt động công tác.

là nơi lưu giữ tri thức của tổ chức về các điều kiện xung quanh. Trong khi thiết lập hệ thống dữ liệu lớn. Thiết nghĩ, chúng ta cần xây dựng theo hướng chia sẻ thông tin, dữ liệu trong toàn hệ thống hành chính của Giáo hội và đến cả một số cơ quan Nhà nước khi cần thiết. Việc phân cấp, phân tầng thông tin cũng cần thiết. Bởi lẽ, dữ liệu của Tăng Ni, Phật tử, đơn vị thuộc Giáo hội có nhiều nội dung từ thông thường (ai cũng có thể tiếp cận) đến riêng tư, nhạy cảm (thông tin nhân thân, quá trình học vấn...).

### Số hóa văn bản hành chính

Thông thường, trong công tác hành chính thường tồn tại nhiều các đầu việc thủ công có tính chất lặp lại gây mất thời gian và giảm hiệu suất làm việc của người đảm trách. Việc tiêu tốn lượng lớn giấy và không gian lưu trữ dữ liệu gây tốn kém lại dễ hư hỏng do tác động của ngoại cảnh. Sự tra cứu, kiểm soát văn bản giấy cũng rất khó khăn, tốn nhiều thời gian, công sức. Chuyển đổi số sẽ giúp số hóa tài liệu bằng cách chuyển toàn bộ tài liệu bản cứng sang dạng tài liệu mềm (file .docx, file .pdf) thuận tiện cho việc tìm kiếm, đánh giá và chia sẻ thông tin, kéo dài tuổi thọ của tài liệu, tiết kiệm không gian lưu trữ, tiết kiệm nhân lực.

Việc ứng dụng các phần mềm, giải pháp công nghệ vào quá trình xử lý dữ liệu sẽ giúp Giáo hội đơn giản hoá quá trình xử lý và quản trị cơ sở dữ liệu. Trong quá trình chuyển đổi số, có thể ưu tiên chuyển đổi các Chứng Điệp thọ giới và thẻ chứng nhận Tăng Ni. Nên số hóa hai loại thẻ trên từ thẻ giấy truyền thống sang thẻ từ và thẻ số điện tử trên smartphone. Hiện tại các thủ tục để cấp hai loại giấy tờ quan trọng trên đã được số hóa và có thể hoàn thành trên máy tính bảng, smartphone hoặc trên máy vi tính. Song, nếu cấp thẻ từ và thẻ số điện tử sẽ giúp chư Tăng Ni lưu trữ được rất lâu, đi đâu cũng có thể

mang theo bên mình, hạn chế tình trạng thất lạc, bị hỏng do dùng lâu ngày, cũng như tránh trường hợp người xấu làm giả giấy tờ của chư Tăng Ni.

**Có thể nói**, công tác quản trị hành chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đứng trước tình thế thuận duyên trong công cuộc chuyển đổi số. Giáo hội chung sức cùng chương trình Chuyển đổi số của Chính phủ sẽ tận dụng được cơ hội về nhân lực và chính sách, truyền thông để cải biến toàn diện công tác quản trị hành chính của mình, nhằm phụng sự Phật pháp ngày một xương minh.

### Chú thích:

\* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhẫn, Ủy viên Thư ký Hội đồng Trị sự, Phó Tổng biên tập Thường trực Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

[1] HT. Thích Huệ Thông (11/2021), “Khái quát quản trị hành chánh trong tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam”, *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/12368>.

[2] Có thể tham khảo thêm Dwight (1964), “Comparative public administration: Prologue, problems and promise”, *Comparative Administration Group*, American Society for Public Administration.

[3] Có thể tham khảo thêm William Siffin (1976), “Two Decades of Public Administration in Developing Countries”, *Public Administrative Review*, 36 (Jan/Feb): 61-71. Cả hai tài liệu đều đồng thời đề cập đến công tác hành chính công mà chủ thể là Nhà nước - một thiết chế quyền lực công. Mặc dù khác về bản chất, tuy nhiên định chế tổ chức tôn giáo mà ở đây là Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng mang một sức mạnh hiệu triệu dựa trên uy tín về đạo pháp và truyền thống, cũng như vị thế được định rõ trong pháp luật Việt Nam. Chính điều đó mang đến một “soft power” để Giáo hội có thể tham khảo cách thức vận hành hành chính công cộng vào quản trị Giáo hội.

[4] Thomas M. Siebel, *Chuyển đổi số (Digital Transformation)*, Phạm Anh Tuấn dịch. Nhà xuất bản Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019.

[5] Alp Ustundag and Emre Cevikcan, *Industry 4.0: Managing Digital Transformation*. Springer Series in Advanced Manufacturing, 2018. DOI: 10.1007/978-3-319-57870-5.



# NGÔI NHÀ

# Tịnh độ



Tỳ Kheo Ni Thích Đàm Uyên\*

## DẪN NHẬP

Đạo Phật có 8 vạn 4 nghìn pháp môn, trong đó Tịnh Độ tông có tầm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống nhân sinh. Pháp môn này dễ thực hành nên vô cùng phù hợp với mọi tầng lớp trong xã hội. Khi nghe đến Tịnh độ, chúng ta đều nghĩ ngay đến một cảnh giới tâm linh thuần tịnh vi diệu của mười phương chư Phật, đó là cõi nước lý tưởng mà tất cả tín đồ đều ước ao và ngưỡng vọng sinh về. Như trong *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* diễn tả cõi nước đó lúc nào cũng thanh sạch thơm tho, lầu gác nguy nga tráng lệ, có ao bảy báu với nước tám công đức và rất nhiều sự thù thắng khác. Chúng sinh nơi ấy dung sắc tươi đẹp không già, không chết, vô ưu – vô bệnh. Y áo vật thực thì tùy tâm thọ dụng chẳng cần phải vất vả lao nhọc để kiếm cái ăn cái mặc, lại được thường xuyên thân cận chư thiện thượng nhân là các bậc Bồ Tát bất thối. Những ai muốn sinh về cõi ấy thì phải trọn đời chuyên tâm niệm Phật, thành tựu Tín - Hạnh - Nguyện, đến lúc lâm chung sẽ được vãng sinh về thế giới Tây phương cực lạc.

Cũng có thể đặt ra hoài nghi, đạo Phật là đạo thiết thực hiện tại, lẽ nào con người phải tìm cách chối bỏ cuộc sống hiện thực, cắn răng chịu đựng khổ đau để mà Niệm Phật chờ ngày tạ thế? Tuy nhiên, giáo lý đạo Phật cùng tột cao xa dung thông sự lý đâu thể chỉ hướng dẫn con người đến một đời sống an lành sau khi chết mà lãng quên thực tại. Quan trọng hơn cả là học lời Phật dạy để cải tạo, xây dựng thế gian này thành một thế giới thanh bình, hạnh phúc như cõi Tịnh độ phương Tây.

Vậy, thế giới Tịnh Độ đó nằm ở đâu và nguyên nhân, nhân duyên nào làm nên Tịnh độ? Tịnh độ chỉ có ở thế giới của Đức Phật hay thế giới Hoa Nghiêm hay có ở đâu nữa không? Thật ra, Tịnh độ có ở nhiều nơi, tuy nhiên Đức Phật chỉ giới thiệu cõi Tây phương thắng cảnh để chúng sinh tin học. Vậy phương pháp, nhân duyên, phương cách chúng ta làm nên Tịnh độ hiện tiền thực sự ở tại nhân gian như ta từng nghe “*Phật pháp tại thế gian bất ly thế gian giác*”. Chúng ta cũng vậy, những lúc khó khăn, sống không bằng chết thì khổ nơi địa ngục cũng không sánh bằng, khi sống trong cảnh no ấm, sung sướng như





Tư tưởng xây dựng Tịnh độ tại nhân gian đã được xây dựng từ rất lâu, ngay từ thời chư Phật, chư Tổ đã hình thành.



Thật ra, Tịnh độ có ở nhiều nơi, tuy nhiên Đức Phật chỉ giới thiệu cõi Tây phương thắng cảnh để chúng sinh tin học. Vậy phương pháp, nhân duyên, phương cách chúng ta làm nên Tịnh độ hiện tiền thực sự ở tại nhân gian như ta từng nghe “Phật pháp tại thế gian bất ly thế gian giác”. Chúng ta cũng vậy, những lúc khó khăn, sống không bằng chết thì khổ nơi địa ngục cũng không sánh bằng, khi sống trong cảnh no ấm, sung sướng như thiên đường. Vậy thiên đường hay địa ngục phải chăng chính tại nhân gian hay tại nơi tâm mình?



thiên đường. Vậy thiên đường hay địa ngục phải chăng chính tại nhân gian hay tại nơi tâm mình?

### KHÁI NIỆM VỀ TỊNH ĐỘ

Tịnh độ (S: Suddhāvāsa, Sukhāvati; E: Pure land; C: 淨土) là cõi nước thanh tịnh, nơi an trú của Phật và Bồ tát. Trái lại, quốc độ của chúng sanh còn nhiều phiền não (tham, sân, si, tà kiến, chấp thủ,...) gọi là Uế độ. Trong phẩm Phật quốc của *Kinh Duy Ma* cho rằng tâm tịnh thì quốc độ tịnh, Ta bà tức Thường Tịch Quang Tịnh độ, nếu tâm chúng sanh không thanh tịnh thì cõi này trở thành nhơ xấu, còn chỗ thấy của chư Phật thanh tịnh thì trở thành vô lượng công đức trang nghiêm. Theo Sơ tổ Trần Nhân Tông – một người tiên phong chủ trương xây dựng Tịnh độ tại nhân gian: “*Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hời đến Tây Phương. Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc*” [1].

Như thế, trước tiên, chúng ta phải tha thiết xây dựng, thiết lập tư duy, mong mỏi, bản hoài trước đã. Như muốn xây nhà phải lên tích lũy tiền của, nêu ý định, thiết kế, và thi công. Xây dựng Tịnh độ cũng vậy. Sau đó chúng ta tham học trong kinh điển, lấy cách các ngài xây dựng chúng ta cũng làm và hướng thể giới của chúng ta viên mãn như thế. Phật nói thời quá khứ rất lâu, có Tỳ kheo Pháp Tạng, ngài nghe Phật hiện đời giảng pháp giới thiệu về cõi nước 10 phương, nên Tỳ kheo ấy đã phát đại nguyện đi du phương học để tìm hiểu tinh túy nhất ở các cõi nước mong hình thành cõi nước Tây Phương cực lạc và hướng dẫn chúng sinh. Việc Pháp Tạng đến các thế giới học về cách xây dựng cõi Tịnh độ của chư Phật giống như việc du

học, học tinh hoa nước bạn để làm giàu kiến thức, nâng cao khả năng của mình rồi trở về cống hiến, sáng tạo, làm đẹp cho quê hương. Chúng ta sơ phát tâm cũng đi tham học các nơi để xây dựng Tịnh độ tại nhân gian. Tư tưởng xây dựng Tịnh độ tại nhân gian đã được xây dựng từ rất lâu, ngay từ thời chư Phật, chư Tổ đã hình thành.

### TƯ TƯỞNG TỊNH ĐỘ

Bên cạnh các pháp môn như Thiền, Mật thì còn có tư tưởng Tịnh độ với năm môn niệm Phật gồm công đức lễ bái, tán thán, tác nguyện, quán sát thuộc về tự lợi, đưa hành giả vào thế giới Liên Hoa Tạng thọ hưởng pháp lạc, thành tựu công đức. Công đức hồi hướng thuộc về lợi tha, Bồ Tát vào cõi Ta bà hoá độ chúng sinh, thành tựu Bồ đề và công đức. Ngoài ra trong bộ luận *Vô lượng thọ kinh ưu bà đề xá* của ngài Thế Thân và *Vô lượng kinh ưu bà đề xá nguyện sinh kệ chú* của ngài Đàm đề cập các thuật ngữ tự lực và tha lực, làm tư tưởng cho Tịnh độ. Ngài Thế Thân cho rằng Đức Phật Di Đà chỉ là một vị Phật của ánh sáng, tư tưởng này ảnh hưởng đến tư tưởng Đàm Loan ở Trung Quốc cũng như Thân Loan ở Nhật Bản. Hành giả Tịnh độ cần thực hành tín, hạnh, nguyện bằng việc trì danh niệm Phật (Tổ Đạo Xước, Tổ Thiện Đạo), quán tưởng niệm Phật (từ Tổ Huệ Viễn đến Tổ Vĩnh Minh), thật tướng niệm Phật (Tổ Trừng Quán, Tổ Tông Mật) và tham cứu niệm Phật (Tổ Châu Hoàng, Tổ Vĩnh Minh), quán tưởng niệm Phật (mọi hành giả). Hành giả tu Tịnh độ thường y cứ tu tập nơi *Kinh Di Đà*, *Kinh Vô lượng thọ*, *Kinh Quán vô lượng thọ* và luận *Vãng sanh* cùng với chương Đại Thế Chí niệm Phật viên thông chương trong *Kinh Lăng nghiêm* để hành trì đồng thời

cần tôn trọng trì giới, chí tâm niệm Phật cũng như hồi hướng mọi thiện căn hướng về cõi Tây phương.

### YẾU TỐ XÂY DỰNG TỊNH ĐỘ TẠI NHÂN GIAN

Trong *Niệm Phật luận*, thiền gia Trần Thái Tông khuyến tấn mọi người loại bỏ niệm xấu, thay vào đó bằng niệm tốt nơi ba nghiệp, thể hiện qua việc: “*Trong lúc niệm Phật, thân thẳng ngồi ngay, không làm việc tà, như vậy là tắt được nghiệp thân. Miệng tụng lời chân chánh, không nói điều xằng bậy, thế là tắt được nghiệp miệng. Ý chăm chú ở sự tinh tiến, không nảy sinh ý tà, thế là tắt được nghiệp ý*” [2]. Trong *Thượng sĩ ngữ lục*, Trần Tung có bài *Thị tu Tây phương bối*: “*Thân báu Di Đà ẩn đáy lòng. Bốn phương thân pháp toả mệnh mông*” [3]. Sau này các tư tưởng ấy góp phần phát triển phương pháp Thiên-Tịnh song tu.

Thật vậy, đầu tiên, chúng ta cần tịnh hóa thân: theo duyên sinh để quán chiếu năm uẩn mà dứt trừ chấp ngã với sự sống chết của sắc thân, thấy khổ, vui, tốt, xấu đan xen... không còn chấp mình ở trong đó. Là người con Phật phải luôn nương tựa Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng). Chúng ta phải tin sâu nhân quả nghiệp báo như trong *Kinh Tiểu nghiệp phân biệt* thuộc *Kinh Trung bộ*, Đức Phật dạy cho chàng thanh niên Subha rằng: “*Này thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu*” [4].

Nghiệp sát sinh chiêu cảm chiến tranh vì số người sát sinh còn





Nghiệp thân để lại hậu quả nhưng lời nói tạo ra nghiệp rất tai hại, có thể phá hoại cả quốc gia. Nên chúng ta phải nói lời có lợi ích, chân thật giản dị, không phải vô bổ, không bàn chuyện phiếm. Phải tôn trọng sự thật, có nói có, không nói không, không đi lại trái sự thật, khi nói chân thật sẽ không gây nghiệp về khẩu.

hiều, số người bảo vệ thiện lành ít nên chưa tạo nên Tịnh độ. Phật dạy thế giới sa bà là ngũ trược, nên chưa tạo nên Tịnh độ. Hành động trộm cắp chiêu cảm quả báo làm mà không được hưởng. Tịnh độ không có, nên hành giả phải tu tập mở tâm bồ thí. Hành vi tà hạnh phá hủy hạnh phúc nhân sinh, nên không thể đạt mốc Tịnh độ. Chúng ta phải biết đủ, thường vui. Tịnh độ là thế giới ưu chuộng trí tuệ nên ta không dùng chất kích thích phá hoại tư duy, não bộ. Và chúng ta phải từ bi, bố thí, biết đủ, thường vui giúp người khác tu tập.

**Tịnh hóa ý:** Nghiệp thân để lại hậu quả nhưng lời nói tạo ra nghiệp rất tai hại, có thể phá hoại cả quốc gia. Nên chúng ta phải nói lời có lợi ích, chân thật giản dị, không phải vô bổ, không bàn chuyện phiếm. Phải tôn trọng sự thật, có nói có, không nói không, không đi lại trái sự thật, khi nói chân thật sẽ không gây nghiệp về khẩu. Nói lời nhu hòa, ái ngữ dễ đi vào lòng người. Không ai thích nghe lời gắt gỏng, ác khẩu. Lời

không ái ngữ sẽ gây phản cảm và không mang lại lợi ích. Dùng lời chữa lành, vực dậy niềm tin cho họ, thay đổi tư duy giúp họ lấy lại niềm tin. Chúng ta ít khi vui với thành công của người khác nhưng hay đố kỵ, cũng không tùy hỷ với thành công của người khác. Nếu biết dùng lời tùy hỷ khen ngợi chân thành thì dần dần chúng ta cũng tốt đẹp như điều ta khen ngợi người, vô tình tạo thành mối keo kết nối giữa người với người. Dù quý thầy hay quý Phật tử mới hoằng pháp mà tất cả chúng ta có thể làm cánh tay hoằng dương chánh pháp, đem lời Phật dạy thực hành và giúp mọi người hiểu, mưa dầm thấm đất. Thường xuyên nhớ lời Phật dạy sẽ ăn sâu vào tiềm thức và thực hành. Minh là người lợi ích trước.

Vì thế, hằng ngày tự thân phải luôn trau dồi thân, khẩu và ý cho thanh tịnh, trong đó Tâm (tức ý nghiệp) còn quan trọng hơn. Tâm như họa sĩ vẽ nên ngôi nhà, mà trong *kinh Pháp cú*, phẩm Song yếu dạy rằng:

*“Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ ý tạo.  
Nếu với ý thanh tịnh,  
Nói lên hay hành động,  
An lạc bước theo sau,  
Như bóng không rời hình”* [5].

**Tịnh hóa tâm:** Phật giáo ví von chúng sinh được làm người ít như đất trong móng tay. Người Phật tử làm đẹp nhà mình là muốn xây dựng Tịnh độ tại nhà mình nhưng còn muốn làm đẹp chùa, xây dựng Tịnh độ cho người khác cùng hưởng. Ngày ngày làm cỏ chùa, quét dọn làm sạch đẹp chùa, dọn nhà vệ sinh để cho mọi người sạch sẽ, những việc này khó làm nhất, mọi người ai cũng muốn ngồi bàn ghi công đức, muốn cắm hoa để kiếp sau được đẹp, muốn vào bếp để đồng vui, làm cung nghinh rước quý thầy nhưng mấy ai muốn làm việc dọn dẹp như uest, cũng như mấy ai muốn làm việc nhỏ nhặt nhưng cái gì càng khó làm công đức càng lớn. Nhưng nhà Phật làm những việc như uest ấy công đức vô cùng, đó là công hạnh của Bồ tát, nên



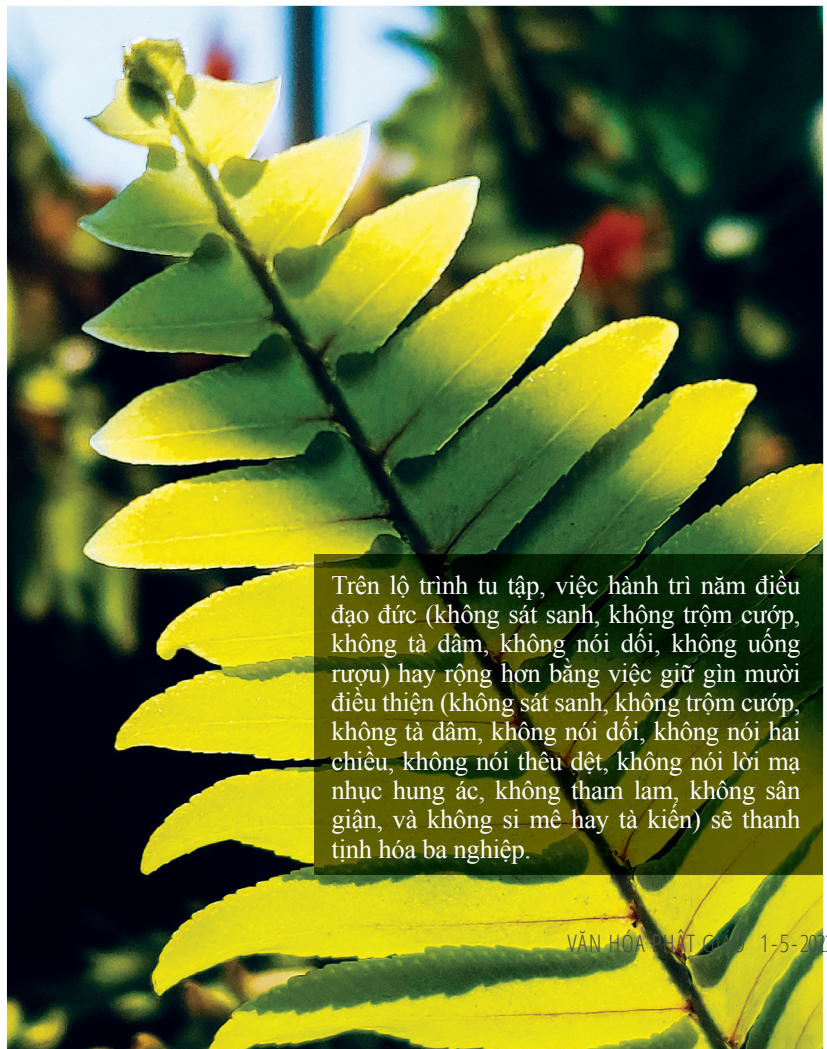
không có công hạnh nhỏ như thế để viên tròn Phật quả thì còn lâu lắm mới thành tựu Phật quả, không có những giọt nước đó không sao đầy lu. Chúng ta không phò trương mà làm với hết trái tim người con Phật và làm vì tha làm vì chúng sinh, vì người khác. Thứ nữa là chuyển hóa hạt giống tham, sân, si, kiêu mạn. Nói dễ làm khó. Chúng rất khó bỏ vì nó đã ăn vào nghiệp thức của chúng sinh, là bản nghiệp, nó huân tập nhiều đời nhiều kiếp, nó huân tập quá lâu quá dày nên rất khó bào mòn nhưng không phải không làm được. Nghiện rượu, thuốc còn khó bỏ huống chi tham, sân, si, mạn. Nhưng thế giới Tịnh độ nếu chúng ta vẫn còn những yếu tố này thì không về được. Bởi vì tham là nhân của nga quý, sân hận là nhân địa ngục, si mê là nhân của súc sinh nên có ba cái này không thể về cực lạc. Để làm được chúng ta học Phật, để nhổ những cây cỏ này, trồng những hạt giống từ bi, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, chính ngữ, chính tư duy... để kim hãm cỏ và thanh lọc tâm. Để chúng ta sợ mà tránh. Sát sinh đập vào mắt rất nhiều để ta sợ quý thân người, những con ấy từng là người, từng sinh lên trời nhưng vẫn ở cõi súc sinh mà trả nghiệp vì nó từng tham, sân, si gây ra và không biết học Phật, khi hết vòng luân chuyển lại làm người tiếp tục gây nhân và đọa ba đường ác. Chúng ta học Phật thì phải chuyển hóa, chính niệm để giữ lòng vững chãi khi gặp chướng duyên. Có mấy ai học mà nhớ hay nhớ mà không hành hay hành mà không tới. Chính niệm là tâm luôn nhớ nghĩ điều chính đáng, là nhớ Phật, nhớ pháp, nhớ tăng. Nửa tháng chúng ta nên tụng giới một lần để biết và xem chúng ta thực hành được gì. Chính niệm là nhớ nó và ý thức mình, nó như ngọn

đèn soi tâm đi qua chướng duyên, nghịch cảnh. Xem nó đem lợi ích gì, hậu quả gì. Nếu nó gây hại cho mình và người thì nhất quyết không làm. Việc thiện dù nhỏ chúng ta cũng nên làm.

Ta cần phát tâm bồ đề, hành Bồ tát đạo. Ngài Di Lặc hiện đang tu công hạnh Bồ tát, xây dựng Tịnh độ tại nhân gian, tương lai thành Phật tại sa bà nhưng rất lâu mới thành Phật. Theo Phật giáo, đất nước Ngài đẹp như cõi nước Phật Dược Sư. Nhân dân cõi nước ngài tuổi thọ 8 vạn tuổi. Hiện tại tuổi thọ trung bình của con người là 75 tuổi thì cứ 100 năm tuổi thọ giảm 1 tuổi đến khi nào tuổi thọ giảm đến 10 tuổi, người ta không biết Phật pháp, rất hung bạo, chỉ có chiến tranh... lúc đó là kiếp giảm thấp nhất, sau đó nó lại tăng

dần, 100 năm lại tăng 1 tuổi, tăng lên đến 8 vạn 4 nghìn tuổi rồi giảm xuống còn 8 vạn tuổi thì lúc đó Di Lặc ra đời, thời gian còn rất xa. Vậy trong khoảng thời gian đó Ngài tu hạnh Bồ tát chuyển hóa thân, tâm, khẩu chúng sinh để từ xấu thành tốt, xây dựng cõi Tịnh độ tại nhân gian.

Nhìn chung, muốn lợi ích an lạc cho chúng sinh có nhiều cách nhưng chúng ta có đủ phương cách, từ bi hay không, quý thầy lên nơi thanh vắng để tu cần gì phải xây dựng chùa to, cảnh lớn, thiết lập đạo tràng, khuyến dụ Phật tử tu tập. Để làm gì, để đem Phật pháp vào đời, làm lợi ích chúng sinh. Quý thầy vào đời là thiết lập Tịnh độ nhân gian, lan tỏa Phật pháp, chuyển hóa tâm chúng sinh. Chiến tranh từ đâu là



Trên lộ trình tu tập, việc hành trì năm điều đạo đức (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu) hay rộng hơn bằng việc giữ gìn mười điều thiện (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói thêu dệt, không nói lời mạ nhục hung ác, không tham lam, không sân giận, và không si mê hay tà kiến) sẽ thanh tịnh hóa ba nghiệp.



từ sát sinh, tham lam, sân hận. Họ đã có hạt giống tư thù rồi thì hiện tại đủ duyên nó chín thì bây giờ trổ ra. Phật tử học Phật, biết nhân quả chúng ta hãy lan tỏa nó ra cộng đồng, xây dựng thế giới hòa bình... chỉ có thể dựa vào bàn tay của chính chúng ta chứ không có thần thánh nào. Chúng ta những người con Phật hãy là những viên gạch lành lặn, vuông vắn, đặt đúng chỗ, kiên cố xây dựng quốc độ Tịnh độ tại nhân gian đẹp gần như thế giới của chư Phật.

### KẾT LUẬN

Trên lộ trình tu tập, việc hành trì năm điều đạo đức (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu) hay rộng hơn bằng việc giữ gìn mười điều thiện (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói thêu dệt, không nói lời mạ nhục hung ác, không tham lam, không sân giận, và không si mê hay tà kiến) sẽ thanh tịnh hóa ba nghiệp. Cũng chính ta làm ta được thanh tịnh, cũng chính ý niệm của ta dẫn ta rơi vào tam đồ ác đạo. Nên trong đời sống hằng ngày, giữa những đổi thay từng ngày, hành giả phải tu tập Bát chánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), như lý tác ý nhận diện thiện và ác. Hành giả dù niệm mười đức hiệu Phật theo truyền thống Nguyên thủy hoặc niệm Phật A Di Đà theo Tịnh độ tông,... phải thức tỉnh tìm lại chất Phật trong ta mà Đức Phật từng nói rằng: *“Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”* [6]. Bản thân mình phải tự thấp lên ngọn đuốc trí tuệ, siêng nghe giáo pháp và nghiên tâm kinh điển, chỉ nương tựa theo lời Phật dạy, không

bị lệ thuộc vào thần quyền mê tín, hãy là kẻ thừa tự pháp trong xu thế phát triển công nghệ 4.0 và đạo đức con người có nguy cơ suy thoái. Ngày nay con người đang sống trong một xã hội mà vật chất hết sức sung mãn, nhờ vào những tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật. Tuy vậy, một nghịch lý đã phát sinh, khi mà giữa cảnh giàu sang phú quý con người lại không sao cảm nhận được hạnh phúc và bình an trái lại là những nỗi bất an thường trực, phập phồng lo sợ về chiến tranh, đói nghèo và chết chóc khổ đau đang ngày một gia tăng. Sự chênh lệch quá lớn giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần đã dẫn đến những khủng hoảng nghiêm trọng mà hậu quả là tranh chấp bất an và thống khổ ngập tràn trong xã hội. Như vậy, điều tiên quyết để giải trừ mọi vấn nạn hướng đến một xã hội thanh bình, thịnh vượng là phải biết cân bằng giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần, quan trọng nhất là đầu tư giáo dục một lối sống lành mạnh hướng thiện bởi vì tâm tịnh thì quốc độ tịnh, nói cách khác Tịnh độ hay uế độ là tùy thuộc vào tâm niệm của mỗi người.

Dù quốc độ nào đi nữa, dù xuất thân từ giai cấp nào hay thuộc thành phần nào trong xã hội, dù nam hay nữ,... mà tinh tấn tu tập, thanh tịnh ba nghiệp thì Tịnh độ hiện tiền giữa cuộc đời này. Không phải đợi vãng sanh về Tịnh độ Đâu suất của đức Di Lặc hay Tịnh độ Lạc bang của Đức Phật A Di Đà mà ngay bây giờ, hành giả phải nỗ lực hoàn thiện đạo đức tự thân (tu tập Bát chánh đạo, giữ mười điều thiện), hoà hợp và phát triển đạo đức gia đình cùng xã hội (kinh Thi Ca La Việt,...) và thành tựu đạo đức giải thoát là đã xây dựng một cõi Tịnh

độ giữa nhân gian rồi. Mỗi ngày trôi qua, mạng sống giảm dần, gió vô thường không hẹn một ai, tâm mình đã vui được bao nhiêu phiền não rồi; có nhận ra được lẽ vô thường, khổ và vô ngã trong ngũ uẩn duyên sanh hay không? Vì thế, chúng ta hãy thanh tịnh hoá chính bản thân ngay hôm nay và thành tựu đạo lộ giải thoát trong mai sau.

Tóm lại, con người là chủ nhân của mọi nguồn cơn, khổ đau hay hạnh phúc, Tịnh độ hay uế độ, có được cuộc sống bình an, một cuộc đời tự do, một thế giới hòa bình, một tương lai rực rỡ... là tùy thuộc vào thái độ sống và tiến trình tu tập của mỗi người. Chỉ có những nỗ lực chuyển hóa nội tâm của chính mình cùng với sự cải thiện lối sống gia đình và xã hội hướng đến chân – thiện – mỹ, thì cảnh giới Tịnh độ tại nhân gian sẽ được hiện thực hóa ngay tại thế giới ta bà.

### Chú thích:

- \* Học viên Cao học khóa III - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.  
[1] Thích Thanh Từ (2010), *Thiền sư Việt Nam, Sơ Tổ phái Trúc Lâm - Trần Nhân Tông*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 340.  
[2] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý – Trần, tập 2, Quyển thượng*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 84.  
[3] [https://www.thivien.net/Tu%E1%BB%87-Trung-th%C6%B0%E1%BB%A3ng-s%C4%A9/Th%E1%BB%8B-tu-T%C3%A2y-Ph%C6%B0%C6%A1ng-b%E1%BB%91i/poem-0G2Na-8DCPRN3yLNu\\_j9aQ](https://www.thivien.net/Tu%E1%BB%87-Trung-th%C6%B0%E1%BB%A3ng-s%C4%A9/Th%E1%BB%8B-tu-T%C3%A2y-Ph%C6%B0%C6%A1ng-b%E1%BB%91i/poem-0G2Na-8DCPRN3yLNu_j9aQ).  
[4] [https://suttacentral.net/mn135/vi/minh\\_chau?reference=none&highlight=false](https://suttacentral.net/mn135/vi/minh_chau?reference=none&highlight=false)  
[5] <https://loiphatday.org/kinh-phap-cu-01-pham-song-yeu/>.  
[6] Đồi Dao Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch từ Phan sang Hán, HT.Thích Trí Tịnh dịch từ Hán sang Việt, Đại chính, tập 24, số 1484, *Phật thuyết Phạm võng kinh Bồ-tát tâm địa phẩm*.





PHẬT GIÁO  
**VĂN HÓA  
& ĐỜI SỐNG**



# Phác dựng đôi nét về lịch sử và giá trị của Kiến trúc Phật giáo Việt Nam trong lịch sử

Tổng Trung Tín\*



**LTS:** Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng giới thiệu bài viết *Phác dựng đôi nét về lịch sử và giá trị của Kiến trúc Phật giáo Việt Nam trong lịch sử* của PGS.TS.Tổng Trung Tín. Bài viết là tham luận tại Hội thảo “Kiến trúc Phật giáo Việt Nam: Thống nhất trong đa dạng” do Ban Văn hóa TW Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp cùng Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Bảo tồn di tích và Bảo tàng Lịch sử quốc gia tổ chức vào ngày 15/4/2023.

Tôi đặc biệt cảm ơn Ban tổ chức Hội thảo khoa học: *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam - Thống nhất trong đa dạng* đã có lời mời tôi được viết bài tham luận. Đây là lĩnh vực nghiên cứu đặc biệt lý thú, hấp dẫn, có nhiều ý nghĩa cực kỳ cao đẹp nhưng lại hết sức lớn

rộng, phức tạp và nhiều khi đặc biệt khó khăn gian khổ. Trong khuôn khổ của một tham luận ngắn này, tôi muốn phác dựng đôi nét ý tưởng đã hình thành từ lâu mà chưa thực hiện được trong cuộc đời gần 50 năm nghiên cứu Khảo cổ học Kiến trúc Việt Nam của mình về lịch sử và giá trị của kiến trúc Phật giáo Việt Nam.

Trong lịch sử văn minh thế giới nói chung, văn minh Việt Nam nói riêng, kiến trúc là một biểu hiện quan trọng vào bậc nhất của một nền văn minh. Những chứng cứ về những nền văn minh lớn nhất của thế giới dễ thấy nhất, dễ thuyết phục nhất chính là sự hiện diện của các công trình kiến trúc.

Trong các công trình kiến trúc đó, kiến trúc Phật giáo là một





Trong các công trình kiến trúc đó, kiến trúc Phật giáo là một loại hình có số lượng nhiều, phong phú và dễ nhận biết nhất. Các di tích Phật giáo đồ sộ ở Ấn Độ (tháp Sanchi), ở Indonexia (Borobudur), ở Trung Quốc (Đôn Hoàng, Long Môn), ở Nhật Bản (chùa Vàng, chùa Đông Đại Tự), ở Việt Nam (chùa Keo, chùa Bút Tháp,...) là các ví dụ tiêu biểu. (Ảnh: chùa Bút Tháp - levanchu).

loại hình có số lượng nhiều, phong phú và dễ nhận biết nhất. Các di tích Phật giáo đồ sộ ở Ấn Độ (tháp Sanchi), ở Indonexia (Borobudur), ở Trung Quốc (Đôn Hoàng, Long Môn), ở Nhật Bản (chùa Vàng, chùa Đông Đại Tự), ở Việt Nam (chùa Keo, chùa Bút Tháp,...) là các ví dụ tiêu biểu. Tuy nhiên, trong nền văn minh Việt Nam, kiến trúc Phật giáo

Việt Nam có từ bao giờ, phát triển như thế nào, đặc trưng ra sao lại là các câu hỏi chưa có công trình nào giải đáp cặn kẽ, thấu đáo, khoa học và đầy đủ, đôi khi rất khó trả lời dù chỉ là bước đầu. Từ kinh nghiệm khảo cổ học, tôi xin thử bước đầu phác dựng tiến trình lý thú và khó khăn này với hi vọng góp phần nhỏ vào công việc to lớn đó.

## 1. CHÙA THÁP PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN

Thực ra, vấn đề này hiện nay chưa rõ được mà cần phải chờ khảo cổ học nghiên cứu lâu dài trong tương lai. Thư tịch cổ đã phản ánh các ngôi chùa Phật ở Việt Nam có từ khoảng 2.000 năm cách ngày nay trong đó có các ngôi chùa Tứ Pháp và am thờ ở khu vực Luy Lâu (Bắc Ninh) đánh dấu thời kỳ Phật giáo truyền vào Việt Nam đầu tiên từ Ấn Độ qua đường biển.

Khảo cổ học đã thử dò tìm chùa Pháp Vũ (chùa Đậu) huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, do hố đào nhỏ, dấu tích nền móng chưa tìm thấy mà mới chỉ thấy di vật gạch ngói thế kỷ II-III. Như





Ở chùa Một Cột có Cột kinh Lăng Nghiêm thời Lê Đại Hành dựng năm 995. (Ảnh: chùa Một Cột - sưu tầm).

vậy còn phải tìm kiếm thăm dò rất nhiều. Nhưng bằng con đường nghiên cứu hiện trạng và hồi cố, tôi có thể suy nghĩ rằng cấu trúc những ngôi chùa Việt đầu tiên khá đơn giản và rất ít tượng Phật. Đó là chùa có một mặt bằng chùa chính hình vuông hoặc gần hình vuông để thờ một tượng Phật chủ và có một số kiến trúc phụ trợ đi theo. Loại mặt bằng này được lưu lại ở một số di tích chùa thời Lý, thời Trần sau này như chùa Kim Âu (Thanh Hóa), chùa Hắc Y (Yên Bái) giúp cho giả thuyết này bước đầu có cơ sở khoa học nhất định.

Các chùa Phật giáo Tứ Pháp đầu tiên của Việt Nam đều có số tượng Phật rất ít và hoàn toàn thờ các tượng thần Việt Nam được Phật hoá. Qua đó, có thể tin chùa Phật Việt Nam có từ khoảng thế

kỷ I-III với đặc trưng văn hóa Việt rất đậm nét. Dĩ nhiên, theo truyền thuyết thì có thể có sớm hơn từ trước Công nguyên.

## 2. CHÙA PHẬT VIỆT NAM THỜI KỲ TIẾP THEO (TỪ THẾ KỶ 4 ĐẾN THẾ KỶ 9)

Số lượng ngày càng tăng lên mạnh mẽ. Tuy nhiên, cũng không có tư liệu khảo cổ cho chùa thời này. Các nhà nghiên cứu chùa Việt như: Hà Văn Tấn, Nguyễn Duy Hinh đều giả thuyết rằng chùa thời kỳ này vẫn đơn giản là 1 bình đồ vuông. Điều này suy từ các chùa Tứ Pháp đến các chùa tiêu biểu thời Lý - Trần, theo tôi là có lý. Thời kỳ này, triều đại độc lập Tiền Lý của Lý Bí (544 - 602) có chùa Khai Quốc ở Hà Nội. Đặc biệt, thời kỳ này, thư tịch cổ đã nhắc đến có nhiều tháp Phật ở Giao Châu.

Sư Đàm Thiên thời Tùy (Trung Quốc) từng tâu với Tùy Văn Đế rằng: “Xứ Giao Châu có đường thông sang Thiên Trúc. Phật giáo vào Trung Quốc chưa phổ cập đến Giang Đông thì xứ ấy đã xây ở Luy Lâu hơn 20 bảo tháp, độ được hơn 500 vị tăng và dịch được 15 bộ kinh rồi” [1]. Minh chứng rõ rệt về tháp đã được khảo cổ học chứng minh. Đã phát hiện dấu tích tháp gạch có mặt bằng vuông duy nhất đầu thế kỷ VII là Nhạn Tháp ở xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An minh chứng sự lan toả của Phật giáo ở Giao Châu thời đó cũng như minh chứng sức sống của văn hóa Việt cổ từ thời dựng nước trong bối cảnh văn hoá Phật giáo đang lan rộng khắp thế giới Đông Nam Á và Châu Á.





### 3. CHÙA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐÌNH - TIỀN LÊ (THẾ KỶ X)

Thời đại Đinh - Tiền Lê là thời đại độc lập bắt đầu phát triển của Đại Việt (hay Đại Cổ Việt). Đây là một thời đại Phật giáo bắt đầu hưng thịnh. Dấu tích nghệ thuật Phật giáo phát hiện nhiều ở Kinh đô Hoa Lư và vùng Kinh phủ Đại La (Hà Nội). Thờ tích cổ và các bia ghi ở Hoa Lư có chùa Một Cột (Nhất Trụ), chùa Bà Ngô và ở Thăng Long... Hàng chục cột kinh tràng Phật đỉnh tôn thắng Đà la ni thời Đinh được phát hiện. Ở chùa Một Cột có Cột kinh Lăng Nghiêm thời Lê Đại Hành dựng năm 995. Đặc biệt, lần đầu tiên, dấu tích của chùa Một Cột đã được khảo cổ học thăm dò và phát hiện 2 móng cột kích thước rất lớn có mặt bằng hình vuông (1,30m x

1,30m), cao 2,75m cho thấy ngôi chùa này thời Đinh - Tiền Lê này rất lớn và kiên cố. Dấu tích nghệ thuật thời Đinh - Tiền Lê của toàn bộ Kinh đô Hoa Lư và kinh phủ Đại La nhuốm đẫm ảnh hưởng của nghệ thuật Phật giáo như các hình tượng uyên ương, chim phượng, hoa sen phản ánh ảnh hưởng sâu đậm, rộng rãi của Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê.

### 4. SỰ THỊNH ĐẠT CỦA CHÙA THÁP PHẬT GIÁO THỜI LÝ

Thời Lý là thời kỳ Phật giáo toàn thịnh, do vậy chùa tháp Phật giáo cũng phát triển toàn thịnh trong thời này.

#### 4.1. Chùa

Về mặt vị trí, chùa thời Lý cùng với sự phát triển rộng khắp của Phật giáo đã có mặt ở mọi nơi, mọi địa hình của đất nước. Có những chùa ở các sườn núi cao như chùa Vĩnh Phúc, chùa Phật Tích, chùa Dạm (Bắc Ninh),... Có những chùa tháp ở trên đỉnh núi như chùa Long Đọi (Hà Nam),... Có nhiều chùa ở vùng ven sông, ven biển, đồng bằng như chùa Viên Quang (Hà Nam), chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (Thanh Hoá),... Chùa có mặt ở tận cùng vùng non cao hẻo lánh như chùa Bảo Ninh Sùng Phúc và chùa Nhùng (Tuyên Quang).

Chùa thường gồm một tòa điện chính kết hợp với nhiều kiến trúc khác vây quanh xung quanh. Tổng thể các kiến trúc của chùa Lý thường được bố cục thành hai kiểu bình đồ: hướng tâm và đăng đối trên một trục dài. Bình đồ hướng tâm là kiểu bình đồ có một kiến trúc (hay điện) chính ở trung tâm, các kiến trúc khác vây quanh xung

quanh. Có thể thấy qua các tài liệu chữ viết, chùa Diên Hựu hay Một Cột (Hà Nội) là một ví dụ: chùa thờ Quan Âm có kiến trúc hành lang vây quanh, bên ngoài nữa là hồ Bích Trì. Bốn xung quanh bắc cầu vòng để đi vào [2]. Cũng qua sử cũ, có thể thấy kiểu bình đồ này khá phổ biến thời Lý. Tuy nhiên, trên thực tế, kiểu bình đồ này chưa gặp nhiều. Dấu vết duy nhất chỉ còn gặp ở chùa Bách Môn (Bắc Ninh). Tại di tích này, các kiến trúc phụ, các cửa ra vào, các đường đi lối lại đều được sắp đặt rất cân xứng bốn xung quanh và hướng vào ngôi chùa ở chính giữa [3].

Kiểu bình đồ thứ 2 là kiểu bình đồ có kiến trúc chính cùng các kiến trúc phụ sắp đặt đăng đối trên một trục dài. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng ở kiến trúc trung tâm, nhiều khi đặc điểm hướng tâm vẫn được duy trì. Có thể thấy kiểu bình đồ này qua miêu tả của văn bia chùa Diên Phúc ở Hải Dương có các kiến trúc được bố cục thứ tự từ ngoài vào trong gồm: hai ao sen - tam quan - nhà bia và lầu chuông - hành lang trước và hai hành lang bên - toà điện Thiên Thanh (chùa chính) - sân kho. Như vậy, rõ ràng chùa Diên Phúc được sắp đặt trên một trục dài, vừa có tính chất hướng tâm, bởi ngôi chùa chính được bao bọc bởi các hành lang và sân kho [4].

#### 4.2. Tháp

Ngoại trừ những cây tháp là kiến trúc chính (tháp Chương Sơn), trong tổng thể kiến trúc chùa, tháp thời Lý thường đứng trước hay sau ngôi chùa. Theo các nguồn tư liệu hiện biết, tháp thời Lý, tùy từng trường hợp có thể đứng trước, có thể đứng sau chùa. Chùa Một Cột, sử ghi rõ năm



1105, xây hai ngọn tháp ở trước sân chùa (Đại Việt sử ký toàn thư 1983: 299). Nhưng ở chùa Linh Xứng (Thanh Hoá), văn bia cho biết tháp Chiêu Ân được dựng phía sau chùa [5].

Trong các cây tháp đã phát hiện thì tháp Phật Tích chưa rõ được vị trí chính thức, nhưng chùa Dạm thì tháp đứng trước chùa là khá rõ. Tháp Long Đọi (Hà Nam), tháp Tường Long (Hải Phòng), tháp Chương Sơn (Hà Nam) chỉ có một mình. Tháp Long Đọi (Hà Nam), tháp Tường Long (Hải Phòng) thời Lý có thể tương tự như tháp Chương Sơn, tức không đi liền với chùa. Cạnh các cây tháp này, ngày nay thường có chùa (chùa Long Đọi, chùa Chương Sơn), hoặc vết tích nền móng sau tháp Tường Long (Trịnh Cao Tường, Nguyễn Văn Sơn 1979). Nhưng đó là các kiến trúc muộn hoặc các vết tích chưa xác định rõ loại hình. Trong khi đó, sử cũ ghi rõ tại các nơi đó xây một ngôi tháp báu [6].

Tháp thời Lý nói chung có mặt bằng hình vuông: Chân tháp Phật Tích 8,50m x 8,50m; chân tháp Tường Long 7,36m x 7,36m; chân tháp Chương Sơn 19m x 19m. Tháp thời Lý có nhiều tầng khá cao: Tháp Báo Thiên 13 tầng cao vài chục trượng (Đại Việt sử ký toàn thư 1983: 283), tháp Sùng Thiện Diên Linh cao 13 tầng (Thơ văn Lý Trần 1977: 405), tháp Chiêu Ân (Thanh Hoá) cao 9 tầng [7], tháp chùa Phật Tích cao 10 trượng, tháp Tường Long gần 20m (Trịnh Cao Tường, Nguyễn Văn Sơn 1979: 68). Chưa thể ước lượng chính xác một cây tháp Lý cao bao nhiêu mét. Nhưng dựa vào kích thước nền móng và vật



Phác dựng kiến trúc hình chữ công chùa Đám Trì thời Trần dựa trên các dấu vết đã xuất lộ tại H1, H2 và H5

liệu còn lại, có thể thấy thời Lý đã xây những cây tháp cao lớn vào bậc nhất trong lịch sử xây dựng chùa tháp Việt Nam [8].

Chùa tháp thời Lý tiêu biểu cho nền kiến trúc thời Lý và góp phần minh chứng thuyết phục đặc trưng của văn minh Đại Việt thời Lý. Nổi tiếp thời Đinh - Tiền Lê, nghệ thuật trang trí kiến trúc Việt Nam thời Lý thực chất là nền nghệ thuật Phật giáo Việt Nam.

## 5. SỰ THỊNH ĐẠT CỦA CHÙA THÁP THỜI TRẦN

Tiếp theo thời Lý, Phật giáo thời Trần tiếp tục phát triển toàn thịnh và phát triển ở tầm cao mới: xây dựng thành công Thiền phái Trúc Lâm của Việt Nam, một số hiện tượng không ở đâu có trong lịch sử Phật giáo Thế giới. Bởi vậy Phật giáo thời Trần tiếp tục toàn thịnh với nhiều đặc điểm mới, là đỉnh cao của lịch sử Phật giáo Việt Nam.

### 5.1. Chùa

Trong số chùa còn lưu giữ được vết tích kiến trúc thời Trần đã nghiên cứu, một số chùa do nhà nước xây dựng (chùa Phổ Minh, chùa Kim Âu), một số chùa do địa phương xây dựng (chùa Lắm, chùa Dâu, chùa Thái Lạc, chùa Bối Khê). Gần đây khảo cổ học

đã phát hiện được một số chùa thời Trần ở vùng núi phía Bắc và một số chùa Trần của thiền phái Trúc Lâm. Không ngôi chùa nào giữ được nguyên vẹn cấu trúc ban đầu. Mỗi chùa chỉ giữ được một số thành phần nhất định nào đó, nhưng tập hợp chất lọc lại vẫn có thể hiểu được khá rõ kiến trúc cơ bản của chùa thời Trần.

- Về mặt bằng, kiến trúc chùa trung tâm của chùa thời Trần vẫn là toà thượng điện có kết cấu gần hình vuông. Từ độ sâu 0,50m dưới lòng đất, đã tìm thấy mặt bằng khá nguyên vẹn của chùa Kim Âu (Thanh Hoá), có kích thước 13,60m x 13,0m. Chùa Hắc Y (Yên Bái) cũng có dáng dấp tương tự.

Một số chùa khác tuy vết tích nền móng đã bị tu bổ vào thời sau, nhưng do các kết cấu vì nhà của thời Trần còn bảo tồn khá tốt, cho thấy hình dáng, kích thước bình đồ của các chùa này tương tự như chùa Kim Âu: Chùa Dâu 14,1m x 10,4m, chùa Bối Khê 10,70m x 9,40m. Tại các ngôi chùa này, ngoài kiến trúc trung tâm, chưa rõ kiến trúc phụ được bố trí ra sao.

Thời Trần đã xây dựng thành công Thiền phái Trúc Lâm và Thiền phái này còn phát triển



đến ngày nay. Việc nghiên cứu các chùa Trúc Lâm đã phát hiện thêm một số kiểu mặt bằng chùa mới. Mặt bằng chính chùa Lân, chùa Hoa Yên gần hình vuông. Mặt bằng hình chữ công lần đầu tiên đã được tìm thấy ở chùa Trại Cáp (Quảng Ninh), chùa Đám Trì (Bắc Giang). Như vậy, loại mặt bằng hình chữ công thời Trần, trước đây chúng tôi mới chỉ giả thiết thì nay đã tìm ra rất hoàn chỉnh dưới thời Trần. Đặc biệt, ngôi chùa có cấu trúc phức tạp do nhà nước xây dựng lần đầu tiên còn thấy rất rõ nét là chùa Phổ Minh. Chùa Phổ Minh cũng chính là một tổ đường của phái Trúc Lâm. Hơn 100 chân tảng đá hoa sen và các tượng rồng thần, sấu thần đá thời Trần cho thấy sự phức hợp nhiều thành phần kiến trúc chùa Phổ Minh được sắp xếp trên một trục dài.

Mặt bằng khá phức tạp khác của chùa thời Trần đã thấy ở Chùa Lãm (Quảng Ninh). Hẳn đây cũng là một ngôi chùa Trúc Lâm. Từ cửa vụng biển đi vào các nền móng kiến trúc còn lại theo những người khai quật được phân bố như sau: Tam quan (11m x 5m); Nhà tổ, hai dãy; Sân chùa có hai ngọn tháp hai bên (3,60 x 3,60m); Chùa Hộ (31m x 8m) có 9 gian, mỗi gian rộng 2,50m; Chùa Phật (12m x 11,50m); Thượng điện (29,0m x 8cm) có 9 gian; Khu Đông Bắc có một nếp nhà nhỏ 3 gian là bếp, hai giếng nước ngọt, một ao. Hà Văn Tấn cho rằng chùa Phật mới chính là Thượng điện. Tôi cho rằng ý kiến này đúng và giả thiết thêm rằng Thượng điện chính là Hậu đường có thể là một dạng nhà Tổ. Tổng thể chùa Lãm như vậy có cấu trúc hình chữ Tam, ... Chùa thời Trần đặc biệt phát triển

hiều ở vùng núi phía Bắc. Chỉ riêng Tuyên Quang, khảo cổ học đã phát hiện được 24 di tích có dấu tích văn hóa Trần.

### 5.2. Tháp

Theo thư tịch cổ, ngoài hai cây tháp Phổ Minh và Huệ Quang của Trần Nhân Tông, năm 1329, sư Pháp Loa xây một cây tháp đá và một cây tháp gạch ở viện Quỳnh Lâm cũng để xá lị Trần Nhân Tông. Năm 1330, sư Huyền Quang xây tháp Viên Thông ở chùa Thanh Mai. Năm 1334 xây tháp Đăng Minh ở sau chùa Côn Sơn [9]. Dấu tích kiến trúc tháp thời Trần còn thấy khá rõ là tháp Phổ Minh, tháp Huệ Quang, tháp Bình Sơn, tháp Đăng Minh. Ngoài ra, có một số nền tháp khác ở Chùa Lãm phía Bắc đảo Thừa Cống (Quảng Ninh), các mô hình tháp trong mộ Dường Phú [10], mộ Xuân Hồng [11], chùa Lân, chùa Hồ Thiên, Thái Lăng, Ngải lăng, Đồi Bia.

Trong các tháp thời Trần, tháp Huệ Quang có đế hình lục lăng (3m x 3,10 x 3,80 x 3,05 x 3m x 3,80m). Toàn bộ tháp thời Trần đều hình vuông: tháp Phổ Minh 5,21m x 5,21m, tháp Bình Sơn 4,45m x 4,45m, tháp Đăng Minh 1m x 1m, tháp Chùa Lãm 3,60m x 3,60m (tầng 1 của tháp Huệ Quang cũng trở lại gần hình vuông 2,84m x 2,89m). Về độ cao chỉ còn thấy tương đối rõ ở hai tháp: tháp Phổ Minh cao 13 tầng (21,2m), tháp Bình Sơn trừ đỉnh bị gãy còn 11 tầng (15m) (tháp này nếu còn nguyên vẹn cũng cao 13 tầng). Tháp Huệ Quang chỉ còn tầng đế được xếp đá hình múi bưởi và có kết bằng cá chì. Tháp Phổ Minh có sự kết hợp chặt chẽ giữa đá và gạch. Đá là loại đá

xanh khối hình chữ nhật, phẳng phiu được sắp xếp thật vuông vắn ở tầng đế. Trên mặt và xung quanh có chạm sen, cúc đường nét thanh mảnh.

Ở các tầng trên, các góc tháp, cửa cuốn được xây bằng đá, tường tháp xây bằng gạch mỏng nhẹ và gắn kết chặt chẽ với nhau bằng mộng, dây chằng, keo vữa. Riêng những viên gạch xây ngăn cách các tầng tháp thì có một đầu vát cong lên, mặt ngoài chạm rồng. Nhiều viên gạch có chữ “Hung Long thập tam niên” tức là gạch được sản xuất năm Hung Long thứ 13 (1305) dưới thời Trần Anh Tông.

Tháp Bình Sơn được xây dựng toàn bằng các khối đất này hình vuông có hai cỡ 46cm x 46cm và 22cm x 22cm, và hình chữ nhật (45cm x 22cm). Để có thể dựng được cây tháp cao tầng bằng gạch như vậy, người ta đã xây một khối cột vuông thuôn vát dần từ dưới lên trên bằng gạch. Hết mỗi tầng lại xây nhô ra từ năm đến sáu hàng gạch để tạo diềm mái. Phía ngoài khối trụ xây ốp các khối đất nung vuông trang trí để làm vỏ áo tạo cho toàn bộ cây tháp vừa vững vàng, vừa đẹp.

Để gắn kết các loại gạch với nhau, người ta dùng một loại đất mịn, có độ dẻo cao. Keo để dính gạch ốp được làm bằng vôi, mật và giấy dó. Để cho cây tháp gạch trụ vững được với thời gian, các viên gạch ốp còn được liên kết bằng mộng chót, cá chì. Mộng chót để gài néo gạch ốp vào khối gạch lõi, cá chì để cố định các viên gạch theo mặt thẳng đứng. Ngoài ra còn có nhiều viên gạch như gạch hình chữ L cũng có tác dụng giằng giữ tường tháp thêm



chắc. Việc xây cất như trên khiến cho cây tháp đất nung được phủ kín bằng nhiều mô típ rồng, lá đề, mô hình tháp như một tác phẩm điêu khắc đẹp vẫn đứng vững cho đến tận ngày nay.

Tháp thời Trần không chỉ tìm thấy ở vùng đồng bằng mà còn phát hiện được cả vùng biên viễn. Năm 1996, đã phát hiện dấu tích tháp đất nung tại miếu Hắc Y (Thần Áo đen) xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tháp thời Trần không đứng một mình như một số cây tháp thời Lý. Trong tổng thể kiến trúc, trừ tháp Đăng Minh được xây sau chùa, còn tất cả các tháp khác đã nghiên cứu đều được xây trước chùa.

Như vậy, cũng như thời Lý, chùa tháp thời Trần tiếp tục phát triển nhiều và là minh chứng giá trị nổi bật vì nền văn minh thời Trần. Thời Trần cũng đặc biệt phát triển chùa làng. Điều đó nói lên ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo Trúc Lâm, thiền phái dân tộc duy nhất thành công ở Việt Nam.

## 6. CHÙA THỜI LÊ SƠ - THỜI MẠC

Thời Lê sơ, vương triều lấy Nho giáo làm tư tưởng chính đã hạn chế sự phát triển của Phật giáo. Tuy nhiên theo thư tịch cổ và văn bia ở nhiều xã thôn tiếp tục có các chùa làng, nói lên sức sống của Phật giáo trong đời sống người dân Đại Việt.

Đến thời Mạc, Phật giáo phục hồi với các kiến trúc phát triển nhiều ở khu vực nhà Mạc làm chủ. Kiến trúc chùa Mạc tuy chưa phát hiện được mặt bằng xác thực nhưng về hình thức có xu hướng theo chùa thời Trần. Ví dụ tiêu biểu là chùa

Cói (Tam Dương, Phú Thọ). Theo các bản vẽ còn để lại, ta thấy còn mang khá đậm phong cách kiến trúc thời Trần: vì kèo 4 hàng chân cột, khẩu độ lòng nhà hẹp, chiều cao thấp, các thành phần kiến trúc mập, câu đầu vẫn trên là cột. Phần giá chiêng vẫn còn ván bít. Song khác với thời Trần, vì cái kẻ suốt đã mất. Con giường và bẩy hiên đã xuất hiện. Các chùa thời Mạc ở Hải Phòng còn có các thành bậc đá chạm rồng thân và sáu thân.

## 7. CHÙA THỜI LÊ TRUNG HUNG

Đây là thời kỳ Phật giáo Việt Nam phục hưng mạnh mẽ. Nhiều ngôi chùa lớn nhất Việt Nam được xây dựng thời kỳ này như chùa Bút Tháp, chùa Thầy, chùa Keo và các chùa Trúc Lâm (chùa Quỳnh Lâm, Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn). Trên mặt bằng xây dựng chùa Bút Tháp, ta thấy có các công trình sau: Tam quan - Gác chuông - Tiền đường - Thiêu hương - Thượng điện - Cầu đá - Tích thiện am; Sân - Nhà chung - Phủ thờ - Hậu đường hành lang. Bên trái chùa có một nhà Tổ và tháp Báo Nghiêm. Sau chùa có tháp Tôn Đức. Đặc biệt phía bên trái trên con đường dẫn vào chùa hôm nay còn có 2 tháp của cha con người thợ cả dựng chùa.

Dù có kết cấu phức tạp thế nào, trong cụm kiến trúc chùa thời Lê, 3 nếp chùa (Tam bảo) vẫn được đặt ở phía trước (sau Tam quan) tạo thành một khối liền theo hình chữ công (I), chữ đinh (丁), hoặc nhà hình chữ công mái chữ đinh. Ở thế kỷ XVII, đã phổ biến loại chùa có kiến trúc “nội công ngoại quốc” tương tự như hình thức từ thời Trần.

Một trong những nét độc đáo nhất trong kiến trúc Phật giáo thời Lê là sự tồn tại của một loại hình bố cục “Tiền Phật - Hậu Thánh” ở một số chùa như chùa Thầy (Thiên Phúc tự ở Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Tây), chùa Keo (Thiền Quang tự, Vũ Thư, Thái Bình). Cụm kiến trúc chùa Thầy gồm có: 3 nếp chùa chính, điện Thánh, sau đó là nhà hậu, nhà bia, gác chuông. Các tấm bia hậu Phật ở đây khắc tên tuổi nhiều người trong hoàng tộc có niên đại 1652, 1673, 1683, 1684,... Thánh được thờ ở đây là nhà sư Từ Đạo Hạnh. Đặc biệt nữa các chùa Trúc Lâm gần như định hình mô hình “Tiền Phật - Hậu Phật tổ Trúc Lâm”. Chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Côn Sơn, chùa Phổ Minh tiêu biểu cho xu hướng này.

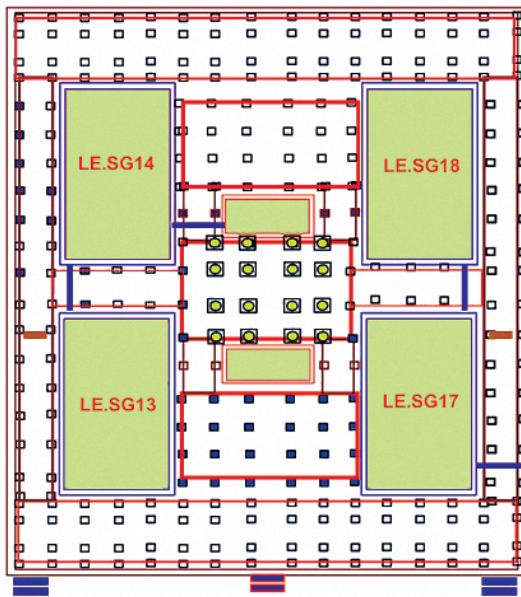
## 8. CHÙA THỜI TÂY SƠN

Ở phía Bắc, chỉ còn lại hai kiến trúc Phật giáo là chùa Tây Phương (Hà Tây) và chùa Kim Liên (Hà Nội) được các nhà nghiên cứu cho là có niên đại Tây Sơn. Hai ngôi chùa này có kết cấu kiến trúc mặt bằng kiểu chữ tam (三), vì kèo kiến trúc truyền thống thời Lê thường làm kiểu “chồng diêm” với hệ vì “chồng rường - bẩy hiên” có bẩy ngang vuông góc với thân cột.

## 9. CÁC CHÙA THỜI CHÚA NGUYỄN VÀ THỜI NGUYỄN

Các chúa Nguyễn đi mở đất ở phương Nam đều sùng Phật và xây dựng nhiều chùa ở Đàng Trong như chùa Thiên Mục nổi tiếng. Theo thư tịch, chùa được xây dựng vào năm 1601, do chính chúa Nguyễn Hoàng cho xây. Ngay từ lúc mới ra đời, chùa Thiên Mục đã là một trung tâm Phật giáo ở miền Trung.





Phục dựng kết cấu mặt bằng khu kiến trúc trung tâm chùa Quỳnh Lâm thế kỷ 18 do chúa Trịnh Giang cho xây dựng theo tư liệu Khảo cổ học

Sau đó, chùa được chính các chúa Nguyễn cho tu sửa nhiều lần. Vào năm Ất Ty (1655), chúa Nguyễn Phúc Tần cho tu sửa chùa. Tháng 4 năm Canh Dần (1710), chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc quả chuông lớn, đường kính 1,4m, cao 0,5m, nặng 3205 cân. Đây là quả chuông lớn nhất ở Huế, đồng thời là một tác phẩm mỹ thuật quý giá khẳng định nghệ thuật đúc đồng ở thế kỷ XVIII ở Đàng Trong.

Tháng 6 năm Giáp Ngọ (1714), Nguyễn Phúc Chu lại cho tiếp sửa sang và xây dựng thêm nhiều điện to đẹp tráng lệ. Chúa tự làm một bài ký để ghi công đức của mình trong việc chấn hưng đạo Phật và những chi tiết mỹ thuật trong các bộ phận kiến trúc ở chùa, rồi cho khắc tẩm bia đá cao 1,6m, rộng 1,2m trên lưng rùa. Chúa còn cho người sang Trung Hoa mua lại Tạng kinh, luật và luận hơn ngàn bộ đề ở chùa.

Tổng kết các kiểu mặt bằng, một số nhà nghiên cứu cho rằng chùa Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII thường có kiểu mặt chữ khẩu (□) gồm 4 tòa nhà ở 4 mặt phổ biến ở vùng Thuận Hóa. Kiểu mặt bằng chữ Tam (≡) phổ biến đến Gia Định. Tuy nhiên, các tài liệu chưa chỉ ra các ngôi chùa cụ thể.

Khi nhà Nguyễn lên ngôi, các vua Nguyễn sùng Phật ở nhiều mức độ khác nhau. Nhìn chung, nhà Nguyễn đã định hình phong cách chùa Nguyễn. Hiện nay Di sản chùa Nguyễn có hàng nghìn và các chùa cổ trước đó còn lại được đều có dấu ấn chùa Nguyễn thế kỷ XIX - XX. Ở khu vực phía Bắc, các ngôi chùa Nguyễn lớn điển hình truyền thống còn lại rất đẹp như chùa Liên Phái, chùa Bà Đá, chùa Hòe Nhai, chùa Mía, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Côn Sơn, chùa Bồ Đà, chùa Cổ Lễ,...

## 10. KẾT LUẬN

Để kết thúc bài này, tôi xin nhân mạnh, 2.000 năm Phật giáo đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp dựng và giữ nước, 2.000 năm kiến trúc Phật giáo là một tấm gương phản chiếu lịch sử văn hóa - văn minh Việt Nam, 2.000 năm kiến trúc chùa tháp Việt Nam là một kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc và hiện đang sống trong các cộng đồng người Việt Nam. Một cuốn lịch sử kiến trúc Phật giáo Việt Nam khoảng 2.000 - 5.000 trang đồ sộ cần được nghiên cứu và biên soạn để góp phần gìn giữ và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

### Chú thích:

- \* Phó giáo sư - Tiến sĩ Tổng Trung Tín, Chủ tịch Hội Khảo cổ học Việt Nam.  
 [1] *Thiên Uyển tập anh*, 1990  
 [2] *Đại Việt sử ký toàn thư* 1983: 299; *Thơ văn Lý Trần* 1977: 403 - 407.  
 [3] *Nguyễn Du Chi* 1952:21.  
 [4] *Khảo cổ học Việt Nam* 2002: 83-84.  
 [5] *Thơ văn Lý Trần* 1977: 363.  
 [6] *Đại Việt sử ký toàn thư* 1983: 306.  
 [7] *Thơ văn Lý Trần* 1977: 363.  
 [8] *Cao Xuân Phổ* 1970: 48-63.  
 [9] *Tam tổ thực lục*: 30, 57.  
 [10] *Phạm Quốc Quân* 1986: 118-123.  
 [11] *Nguyễn Mạnh Cường* 1986: 96-103.

### Tài liệu tham khảo

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I. Nxb. KHXH. Hà Nội, 1983.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II. Nxb. KHXH. Hà Nội, 1988.
3. *Đại Nam nhất thống chí*, tập III. Nxb. KHXH. Hà Nội, 1971.
4. *Đại Nam nhất thống chí*. Tập IV. Nxb. KHXH. Hà Nội, 1971.
5. Nguyễn Dữ, *Truyền kỳ mạn lục*. Hà Nội, 1971.
6. Phạm Đình Hồ và Nguyễn Án, *Tang thương ngẫu lục*: Hà Nội, 1957.
7. Hoàng Văn Khoản và Tổng Trung Tín, *Vài nét về vật liệu kiến trúc thời Lý*. Thông báo khoa học Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam. Hà Nội, 1996.
8. Trần Trọng Kim, *Phật lục*. Nxb. Lê Thăng - Hà Nội, 1943.
9. Lê Thị Liên và Tổng Trung Tín, “Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh” một tấm bia thời Lý mới phát hiện ở Hải Hưng”, *Khảo cổ học số 1*, 1991.
10. Đỗ Văn Ninh và Trịnh Cao Tường, “Chùa Lâm (Quảng Ninh) một phế tích đời nhà Trần mới được khai quật”, *Khảo cổ học số 15*, 1974.
11. Cao Xuân Phổ, “Tháp Chương Sơn nhà Lý”, *Khảo cổ học số 6-5*, 1970.
12. *Tam tổ thực lục*. Bản dịch chữ Hán. Tư liệu Viện Khảo cổ học (D687).
13. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự và Phạm Ngọc Long (1992), *Chùa Việt Nam*. Nxb. KHXH, Hà Nội.
14. *Thiên uyển tập anh*. Hà Nội, 1990.
15. Đinh Khắc Thuân và Tổng Trung Tín, “Về tấm bia thời Trần ở chùa Thiệu Long”, *Khảo cổ học số 2*, 1991.
16. Tổng Trung Tín, “Gạch lát nền và họa văn trang trí gạch lát nền thời phong kiến”, *Khảo cổ học số 3*, 1982.
17. Tổng Trung Tín, *Tìm hiểu nghệ thuật điêu khắc thời Lý, Trần (Thế kỷ XI - XIV)*, Luận văn PTS KHLS. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
18. Trịnh Cao Tường và Nguyễn Văn Sơn, “Khai quật - tháp Tường Long (Hải Phòng)”, *Khảo cổ học số 4*, 1979.
19. Viện Triết học (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Nxb. KHXH. Hà Nội.
20. Viện Văn học, *Thơ văn Lý Trần*. Tập I. Nxb. KHXH. Hà Nội, 1997.
21. *Việt Sử lược*, Nxb. Sử học, 1960.
22. L.Bezacier, *L'art vietnamien*. Paris, 1954.



# Nhìn nhận về Ngũ triền cái trong đời sống Thiền môn

Trình Thanh Huy\*



## DẪN NHẬP

Tham dục, sân hận, si mê và các pháp bất thiện là những chướng ngại lớn trên con đường tu tập. Những pháp bất thiện này ngăn che, làm mê mờ tâm thức. Chúng ngăn cản không cho tuệ giác phát triển. Khi tâm thức bị mê mờ thì các pháp hữu lậu phát sinh. Đó là những nguyên nhân gây ra các tội lỗi, muôn vàn khổ đau. Nếu không vượt qua được những chướng ngại này, vị Tỳ kheo sẽ thiếu sức mạnh và năng lực để nhận dạng cũng như chuyển hóa phiền não. Khi đã không có sự an lạc, giải thoát hiện tại thì sẽ bị trở ngại trên con đường tự tha, lợi ích trời, người. Sự mê mờ tâm trí sẽ làm cho vị ấy không thể có được những tri kiến đúng đắn, thành tựu được con đường Thánh quả trong hiện tại và tương lai. “*Này*

*Vàsettha, có năm triền cái được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc thánh. Thế nào là năm? Dục cái, sân cái, hôn trầm thùy miên cái, trạo hối cái, nghi cái” (貪欲, 瞋, 昏沉 - 睡眠, 掉舉, 疑) [1].*

*“Khi tâm bị tham dục chi phối do thèm muốn các đối tượng sai khác, thì không thể tập trung vào một đối tượng duy nhất. Khi tâm bị nhiễm độc bởi sân thì không thể sinh khởi hỷ lạc. Khi tâm bị hôn trầm, thùy miên chi phối, thì rất khó điều phục. Khi bị trạo hối quá nhiều, thì tâm trở nên bất an, lãng xãng. Khi hoài nghi nổi lên thì tâm không thể bước lên đạo lộ để đắc Thiền” [2].* Vì vậy, để





có được những kết quả thù thắng, chúng ta phải có được những nhìn nhận đúng đắn, sự hành trì đúng đắn, những nỗ lực đúng đắn. Như vậy mới hy vọng có khả năng vượt qua các chướng ngại, thông dong trên con đường giải thoát tu tập để trở về bảo sở. “Tham dục được ví như một tô nước có trộn lẫn các màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Sân được ví như một nồi nước đang đun sôi sùng sục. Hôn

trâm được ví như một hồ nước bị rong rêu che phủ. Trạo hối được ví như một hồ nước bị gió chao làm cho nổi sóng. Nghi được ví như một hồ nước bị khuấy bùn đục ngầu” [3].

Một trong những điều kiện để thành tựu các mục tiêu này là phải vượt qua được năm triền cái. Không những thế, vị Tỳ kheo còn phải ly dục, xa lìa các

“Người học đạo như khúc gỗ trôi sông, không tấp vào bờ, không bị nước xoáy, không bị mục nát, không bị người cướp đoạt, không bị ai uy hiếp, Ta bảo khúc gỗ sẽ trôi đến biển. Người học đạo không bị tình dục mê hoặc, không bị đời xoay chiều, tinh tấn trên đường đạo, Ta bảo kẻ ấy sẽ thành đạo”.

pháp bất thiện để an trú trong các tầng thiền định. Khi có sự nỗ lực để vượt qua, vị Tỳ kheo sẽ có được sự chuyên nhất và an định nội tâm: “Và này Ānanda, như thế nào Tỳ kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm? Ở đây, này Ānanda, Tỳ kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Diệt tâm và tứ, chứng và trú Nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... chứng và trú Tam thiền... chứng và trú Tứ thiền. Như vậy, này Ānanda, Tỳ kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm” [4]. Để hiểu rõ hơn về các pháp bất thiện, đặc biệt là năm triền cái, chúng ta sẽ lần lượt đi vào chi tiết từng chi pháp phần.



## TRIỀN CÁI THAM DỤC (KĀMACCHANDA - 貪欲)

### Định nghĩa về tham dục

Tham dục (kāmacchanda - 貪欲) là biểu hiện của sự khát khao, ham muốn, mong cầu, chiếm đoạt. Đó cũng là sự mong cầu đối với 5 thứ dục lạc - sắc, thanh, hương, vị, xúc - 色, 聲, 香, 味, 觸. Tham dục là khởi lòng ham muốn về những thứ bản thân mình không có hoặc chưa sở hữu. Ở đây, ái dục cũng được xem là một phần nhỏ của tham dục nhưng tác động lại vô cùng lớn lao. Nó có nội dung, ý nghĩa và tác động gần như tham dục. Bài viết sẽ phân tích sâu vào ái dục.

- Ái (zh. 愛, sa. tṛṣṇā, pi. taṇhā): nghĩa là ham muốn, thèm khát. Ái được nhìn nhận theo các phương diện:

- Dục ái (skr: Kama, pā: tanhā; zh: 欲愛): sự tham ái về nhục dục, sự tham ái của cõi Dục, nên Dục giới lấy ái dục làm gốc.

- Hữu ái (pā: Bhavatanhā; zh: 有愛): Sự tham ái nơi cõi Sắc. Tuy nhẹ hơn cõi Dục nhưng là sự tham ái về sắc chất. Sự tham ái liên hệ đến tư tưởng thường tồn, thường kiến tham ái về hữu tình.

- Vô hữu ái (pā: Vibhavatanhā; zh: 無有愛): Sự tham ái của cái không sắc chất. Sự tham ái liên hệ đến đoạn kiến, cho rằng khi chết là hết. Đây là sự tham ái ở cảnh giới vô hình. [5]

- Pháp ái (pā: Dhammatanhā; zh: 法愛): Sự tham muốn, khát ái giữa các tín đồ, các tôn giáo với nhau về tư tưởng, về giáo chủ, về niềm tin... mà tạo nên các cuộc chiến tranh tôn giáo. [6]

Đó là một số khái niệm quan trọng của Đạo Phật. Ái chỉ mọi ham muốn xuất phát từ sự tiếp xúc của

giác quan với đối tượng của giác quan đó. Cần hiểu là con người gồm có năm giác quan thông thường và ý (khả năng suy nghĩ, ý nghĩ, lục căn) là sáu. Các từ ngữ trên diễn đạt những sắc thái khác nhau của Ái, nhưng không có chữ nào nói lên một cách trọn vẹn ý nghĩa của phạm ngữ Tānha. Tānha luôn luôn bao hàm một ý niệm vị kỷ, tự mong cầu lợi lạc cho bản thân...

Theo ngôn ngữ Pali, Dục (pā: Chandā; zh: 欲) nghĩa là ao ước, ham muốn. Dục cũng có ba ý nghĩa như sau:

- Kāmachandā: tham dục, nhục dục, đam mê vật chất, hoàn toàn bất thiện.

- Kattuvimiyatachandā: Ao ước muốn làm tự nhiên, như tai muốn nghe, mắt muốn thấy... không thiện, không ác.

- Dhamachandā: Ham thích chân lý, hoàn toàn thiện, pháp dục. Sự ham muốn này thúc đẩy ta tìm tới sự giải thoát [7].

Một số các khái niệm và phân loại về Ái và Dục được nhắc đến trong các bài Kinh thuộc hệ thống Kinh A-hàm và các bộ luận trong tạng Vi Diệu Pháp (pā: Abhidhamma, zh: 微妙法) cho thấy tiền nhân rất quan tâm phân tích về Ái Dục.

### Sự chìm đắm vào tham dục trong đời sống

Trong phẩm Sắc thuộc Kinh Tăng chi bộ, Đức Phật đã nêu rõ cho các đệ tử sức ảnh hưởng của sắc dục - chi phần của tham ái: “*Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỳ kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như sắc người đàn bà. Này các Tỳ kheo, sắc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.... (tương tự với thanh, hương, vị xúc)*” [8].

Tham luyến và ái dục là bản năng của đời sống con người. Nó ảnh hưởng trực tiếp và chi phối đời sống con người. Bất kể mọi hành động, lời nói, suy nghĩ gần như đều có bóng dáng của tham ái. Tham ái là nguồn cội của khổ đau, là nguyên nhân dẫn đến tái sinh trong vòng luân hồi sinh tử, là nhân duyên đưa đến sự hiện hữu của ngũ uẩn. Từ đó, khổ đau xuất hiện khi những hành động trong vô minh được dẫn dắt bởi tham, sân, si tạo nghiệp và cứ thế chìm đắm mãi trong bể khổ sanh tử luân hồi. Như vậy, đời này hết, đời sau nối tiếp, nhân quả biến chuyển như vòng dây xích, nhân sinh cứ quanh quẩn trong đó chịu lấy vô lượng khổ đau. Điều này đã được Đức Phật nói rõ trong kinh điển: “*Này các Tỳ kheo, thế nào là Khổ tập Thánh đế? Sự tham ái đưa đến tái sinh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Như dục ái, hữu ái, vô hữu ái*”. [9]

### Sự lôi kéo của tham dục khi tu tập thiền

Trong thiền tập, những hành giả sơ cơ rất dễ bị tham dục làm cho phiền nhiễu, bởi họ đã sống quá quen thuộc với dục lạc, giống như con ngựa thả rông lâu ngày, để thuần phục và kéo nó về thì thật khó. Tâm thức con người cũng vậy. Trước khi thực tập, họ đã sống quá nhiều với tham dục, liên tục tiếp xúc với các loại dục trần khác nhau. Họ thỏa mãn, thích thú và tham đắm đối với những thứ đam mê này. Bây giờ, khi không thể thỏa mãn các giác quan của mình qua âm nhạc, hình ảnh, mùi vị... cũng giống như một con chim đang bay lượn mà bị ép bắt vào lồng. Nó thèm khát và ham muốn được quay trở lại bầu trời tự do, nơi đã quá quen thuộc.





“Này Vāsettha, có năm triền cái được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phục trong giới luật của bậc thánh. Thế nào là năm? Dục cái, sân cái, hôn trầm thụy miên cái, trạo hối cái, nghi cái.”

Khi ngồi thiền, những phương pháp thực tập như: quán sô tức, niệm thân hành, quán bất tịnh... dễ khiến cho hành giả sơ cơ thoái lui tâm chí và cảm thấy khô khan khi thực tập. Nếu tham dục được bồi dưỡng, huân tập quá nhiều ở quá khứ thì những hạt giống này sẽ khởi động rất mạnh khi hành giả ngồi yên. Cho nên, khi ngồi thiền, hành giả dễ dàng bị lôi kéo, phóng tâm và sống với những hình ảnh tham dục trong quá khứ, bỏ mất thực tại. Hoặc họ sẽ mong cầu, tưởng tượng và chờ đợi những điều này sẽ đến trong tương lai. Như vậy sẽ uổng phí thời gian thiền tập và không thể đạt được sự định tâm, an lạc nhất định.

#### ***Ly tham để hóa giải tham dục***

Một trong những biện pháp tối ưu để đề phòng là tránh các duyên - nguyên nhân phát sinh và tu tập để đoạn giảm cũng như loại trừ tham dục. Hơn nữa, các thiện pháp cần được sinh khởi và phát triển mạnh mẽ để tâm thức ngày càng trong sạch hơn. Họ cần nhìn thấy sự vô thường, khô, bất tịnh, vô ngã đối với tất cả cá pháp. Từ đó hướng tâm thiện - như lý tác ý - đối với những thiện pháp, mang lại lợi ích an vui. “*Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ kheo, do pháp ấy, các giác chi chưa sanh không sanh khởi, và các giác chi đã sanh không đi đến tu tập viên mãn, này các Tỳ kheo, như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Tỳ kheo, các giác chi chưa sanh không được sanh khởi, và các giác chi đã sanh không đi đến tu tập viên mãn. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ kheo, do pháp ấy, các giác chi chưa sanh được sanh khởi và các giác chi đã sanh đi đến tu tập viên mãn, này các Tỳ*



*kheo, như như lý tác ý. Do như lý tác ý, này các Tỳ kheo, các giác chi chưa sanh được sanh khởi, và các giác chi đã sanh đi đến tu tập viên mãn”. [10]*

Trong các bài kinh cũng có nói đến các phương pháp để đoạn trừ sự tham dục:

- Thực hành quán bất tịnh
- Phòng hộ các căn
- Tiết độ trong ăn uống
- Thân cận thiện trí thức
- Nói chuyện thích hợp
- Niệm căn thanh tịnh...

Hơn nữa, các phương pháp hóa giải tối ưu được Đức Phật chỉ dạy trong các kinh điển là tuệ tri sự sanh khởi và diệt tận của tâm hành. Nhờ sự tu tập chánh niệm mà hành giả có thể nhận biết rõ các tâm hành một cách rõ ràng như người chủ nhà nhìn khách đi qua lại. Ta hãy nhìn, quan sát tham dục sanh khởi, kéo dài bao lâu và biến mất ra sao. “*Này các Tỳ kheo, ở đây, Tỳ kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: “Nội tâm tôi có ái dục”; hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có ái dục”. Và với ái dục chưa sanh nay đã được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy” [11].*

### TRIỀN CÁI SÂN HẬN (VYĀPĀDA - 瞋)

#### *Những nhìn nhận về sân hận*

Sân hận (vyāpāda - 瞋恨) là biểu hiện của sự không vừa ý, biểu thị sự ghét bỏ, chống đối... đối với người, vật hay là sự việc. Mức ảnh hưởng của nó thay đổi từ sự bực mình, giận dữ nhẹ nhàng cho đến lòng oán hận thâm sâu. Nó sanh ra sự chán ghét, oán

“Tham dục được ví như một tô nước có trộn lẫn các màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Sân được ví như một nồi nước đang đun sôi sùng sục. Hôn trầm được ví như một hồ nước bị rong rêu che phủ. Trạo hối được ví như một hồ nước bị gió chao làm cho nổi sóng. Nghi được ví như một hồ nước bị khuấy bùn đục ngầu”.

hận. Đây là một hình thức biểu hiện của căn bản phiền não sân. “*Này các Tỳ kheo, ta không thấy một pháp nào khác có sức mạnh như vậy khiến cho sân chưa sanh, sanh khởi, hay sân đã sanh khiến cho mãnh liệt, tăng trưởng như nét đáng chán” [12].*

#### *Sân hận mở ra vô vàn khổ đau trong đời sống*

Sân hận có thể khiến chúng ta đánh mất sự tự chủ đối với bản thân và hoàn cảnh. Từ hình thức ngủ ngầm, hoạt động một cách âm thầm trong tâm thức cho đến những biểu hiện ra các hành vi, cử chỉ bên ngoài: nói năng, bực tức, gắt gỏng, quát mắng, vội vã...



Tuy chỉ là những biểu hiện nhỏ nhưng sự ảnh hưởng đến đời sống rất khác biệt. Khi khởi lên, nó có thể khiến chúng ta mất đi sự bình tĩnh đối với ba nghiệp. Hơn thế nữa, sân hận có thể gây ra sự tranh chấp, bạo động... tạo thành các sự khổ đau trong cuộc sống. Nó hoạt động rất mạnh mẽ và phạm vi ảnh hưởng rất lớn nên được xem là một trong những chi phần gốc của phiền não. Một niệm sân hận có thể mở ra vô vàn cánh cửa khổ đau, ngăn cản cuộc sống thanh tịnh của tất cả chúng ta: Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai - 一念瞋心起, 百萬障門開 (Một niệm lòng sân hận nổi lên,





thì trăm ngàn muôn cửa nghiệp chướng đều mở ra). [13]

Hay Nhất sơn chi hỏa năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn - 一瞋之火能燒萬頃工德之山 (Nghĩa là: Một đốm lửa sân, có thể đốt tan muôn mẫu rừng công đức) [14].

### **Sân hận chi phối hành giả trong tu tập thiền**

Trong thiền tập, sự bình an của tâm thức là một vấn đề trọng yếu. Tâm thức bình an thì sự hoạt động của chánh niệm và sự chiếu soi của tâm mới được hoàn toàn phát huy. Nếu trong đời sống sinh hoạt hàng ngày mà hành giả gặp

phải những điều bất như ý, khi thiền tập sẽ phải chịu sự trầm uất, phần nộ của tâm thức. Khi sinh hoạt, giao tiếp, ứng xử... chắc chắn sẽ gặp những điều bất toại nguyện. Việc nóng nảy trong sinh hoạt hàng ngày vô tình huân tập các chủng tử vào trong tâm thức. Nó sẽ dần lớn lên và tạo thành một sức mạnh vô cùng đáng sợ. Chúng ta chắc chắn sẽ gặp các bất lợi, nếu để cho sân hận lấn át và chủ động. Hơn thế nữa, trong khi tọa thiền, sân hận nó sẽ tạo ra các rung động, khiến cho thân mệt mỏi và tâm không thể an định. Nếu sự tác động mạnh mẽ sẽ khiến thiền giả không thể tập trung và dễ dàng bị chi phối khi

ngồi thực tập. Họ sẽ luôn có cảm giác bồn chồn, bất an, hao tổn... và có thể từ bỏ sự tu tập ngay thời khắc đó, cũng như lâu dài trong tương lai.

### **Thực tập từ bi để hóa giải sân hận**

Đề tu tập và chế ngự sân hận thì tu tập từ tâm là pháp môn tốt nhất. Bởi từ bi và sân hận là hai trạng thái tâm hành đối nghịch, không thể cùng hiện diện một lúc. Trong một Sát-na tâm (殺那心), chỉ một tâm hành có thể được khởi lên mà thôi. Cho nên, khi đã có từ bi thì sân hận không thể có mặt và ngược lại. Nếu chúng ta thường xuyên trau dồi những hạt giống từ bi, chắc chắn lòng từ mẫn, tình yêu thương sẽ ngày càng lớn mạnh. Như thế, chúng ta sẽ không dễ dàng bị sân hận chi phối và làm chủ như trước - lúc chưa tu tập. “*Này các Tỳ kheo, ta không thấy một pháp nào khác có sức mạnh như vậy ngăn được sự sanh khởi của sân. Nếu chưa sanh, hay sân đã sanh khiến cho được đoạn trừ, như từ tâm giải thoát*”. [15]

Lại nữa, có rất nhiều các phương pháp, cách thức để vượt qua sự sân hận mà Đức Phật đã giảng dạy cho các đệ tử: “*Này các Tỳ kheo, có năm cách vượt qua sân hận. Bất luận khi nào sân hận khởi lên nơi một vị Tỳ kheo, nó cần phải được vượt qua một cách hoàn toàn. Thế nào là năm? Nếu lúc nào sân hận khởi sanh nơi một người, trong người ấy, từ phải được tu tập, trong người ấy, bi phải được tu tập, trong người ấy xả phải được tu tập, trong người ấy trạng thái không nhớ (vô niệm) không tác ý đến đối tượng tạo ra sân hận cần phải được tu tập, trong người ấy*



*ý thức về sự kiện nghiệp (kamma) của một người là tài sản riêng của người ấy phải được tu tập... Như vậy sân sẽ được vượt qua nơi người ấy. Quả thực, đây là năm cách vượt qua sân hận. Ở đâu sân hận khởi lên nơi một vị Tỳ kheo, ở đó nó sẽ được vượt qua một cách hoàn toàn. [16]*

Chú giải Tứ niệm xứ còn đưa ra sáu phương pháp lợi ích cho việc chế ngự sân hận:

- Học phương pháp thiền tâm từ
- Dành sự quan tâm, nỗ lực thực hành thiền tâm từ
- Suy xét rằng ta là chủ nhân, là kẻ thừa tự những nghiệp này
- Thường xuyên tác ý đến nó
- Thân cận thiện hữu
- Nói chuyện thích hợp.

Vì vậy, hãy cẩn thận và hạn chế giao tiếp, cư xử khi sân hận đang hiện hữu. Tâm sân hận sẽ làm tổn thương cơ thể, cũng như tâm thức của chính chúng ta; dù đối tượng có bị ảnh hưởng hay còn ở trong tranh luận. Cách tốt nhất để hóa giải là hãy quan sát sự sinh khởi, thay đổi, kéo dài bao lâu và sự biến mất của sân hận.

若犯無邪者，  
清淨無染著，  
罪惡向愚人，  
如逆風揚塵。

*Hại người không ác tâm,  
Người thanh tịnh, không uế,  
Tội ác đến kẻ ngu,  
Như ngược gió tung bụi. [17]*

## TRIỀN CÁI HÔN TRÂM - THỤY MIÊN (STYĀNA, MIDDHA - 昏沉 - 睡眠)

### *Tìm hiểu về hôn trầm và thụ miên*

Pháp nào là sự không nhạy bén của tâm, không thích nghi, sự chần chừ, đình trệ, lười biếng,

sự lười biếng, cách lười biếng, thái độ lười biếng, rã rượi, cách rã rượi, thái độ rã rượi của tâm. Đây là những biểu hiện của hôn trầm - 昏沉。Pháp nào là sự không nhạy bén của thân, không thích nghi, sự che lấp, đậy khuất, bịt ngăn bên trong, hôn mê, bần thần, buồn ngủ. Đây là những biểu hiện của trạng thái thụ miên - 睡眠。

### *Hôn trầm, thụ miên làm chệch đời sống*

Trong cuộc sống hàng ngày, hôn trầm - thụ miên có ảnh hưởng rất lớn. Chúng khiến tinh thần cảm thấy mệt mỏi. Nguyên nhân xuất phát từ sự ăn uống không hợp lý, quá dư thừa dẫn đến tình trạng ứ đọng. Hoặc cũng có thể do tinh thần gặp những tình huống chán nản mà không thể có hướng giải quyết, sanh ra mệt mỏi. Cách điều tiết sinh hoạt cũng ảnh hưởng đến cơ thể, làm phát sinh ra triệu chứng hôn trầm. Hôn trầm - thụ miên khiến chúng ta bị lu mờ, tối tăm đối với hiện tại. Công việc, học tập, sinh hoạt... sẽ không hoàn thành tốt nếu tâm trạng bị hôn trầm đeo bám. Nó cũng khiến chúng ta mất đi sự hăng hái; mà thay vào đó là các cảm giác biếng nhác, bất an, lơ đãng và thụ động. “Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ kheo, đưa đến hôn trầm thụ miên chưa sanh được sanh khởi, hay hôn trầm thụ miên đã sanh được tăng trưởng quảng đại, này các Tỳ kheo, như không hân hoan, biếng nhác, chán nản, ăn quá no, tâm thụ động. Với người có tâm thụ động, này các Tỳ kheo, hôn trầm thụ miên chưa sanh được sanh khởi, hay hôn trầm thụ miên đã sanh được tăng trưởng quảng đại” [18].

### *Sự mờ nhạt của tâm thức trong tu tập thiền*

Trong tu tập, hôn trầm - thụ miên là một chướng ngại lớn. Hôn trầm sẽ sinh ra cảm giác rã rượi, khiến hành giả bị lôi kéo, chìm vào mờ nhạt, không sáng suốt. Các nhạy bén hay cảm giác về thực tại không còn rõ ràng nữa. Hành giả bị thụ động trước sự mê muội này. Hôn trầm cũng khiến hành giả mất đi sự tập trung, chìm sâu vào giấc ngủ - thụ miên mà không hề hay biết. Thụ miên phát sinh một thứ lôi kéo đưa chúng ta ra khỏi hoàn toàn thực tại, dù đang tọa thiền hay ngồi vắng lặng. Nếu nặng hơn, thụ miên có thể khiến thời gian tu tập trở nên vô ích. Bởi tất cả thời gian đều bị quên lãng, đánh mất đi. Hành giả có thể cảm thấy một, hai tiếng đồng hồ trôi qua không hề có sự tỉnh táo rõ ràng. Điều này thật không tốt cho những ai muốn quay trở về sự vắng lặng, tỉnh thức và sáng suốt trong hiện tại.

### *Như lý tác ý để hóa giải hôn trầm, thụ miên*

Để hóa giải, vượt qua được hôn trầm - thụ miên, cần có sự tỉnh táo và sáng suốt. Hãy luôn biết cách chọn ánh sáng thích hợp cho nơi ở, tu học, làm việc. Bản thân chúng ta khi có sức khỏe ổn định cũng là một cách giúp cơ thể không thụ động, chán nản. Cách tác động tâm lý - như lý tác ý - đến sự tỉnh táo hoặc chủ động nói ra lời khuyến khích cho bản thân cũng là một phương pháp hữu hiệu. “Này các Tỳ kheo, ta không thấy một pháp nào khác có sức mạnh như vậy ngăn hôn trầm và thụ miên. Nếu chưa sanh không cho sanh khởi, nếu đã sanh khiến cho đoạn trừ, như yếu tố khơi dậy nghị lực của một người, yếu tố



khởi dậy sự nỗ lực, yếu tố khởi dậy sự nỗ lực liên tục của một người” [19].

Khi ngồi thiền, để hóa giải cơn buồn ngủ, chúng ta cũng cần làm một số thao tác như: tác ý đến nó, nghĩ tưởng về pháp, xoa bóp tay và lòng bàn tay, đứng dậy đi lại, rửa mặt... Tuy nhiên, đó cũng các phương pháp tạm thời, không triệt để. Trong tu tập, khi hành giả có được sự chánh niệm, tỉnh giác hoàn toàn đối với sự sanh diệt của trạng thái này là cách tốt nhất để phòng ngừa và đoạn trừ hôn trầm - thụy miên. Chánh niệm có khả năng nhận biết nó khởi sanh, kéo dài bao lâu và khi nào biến mất. “...*Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: “Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên”; hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên”. Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy... Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp”.* [20]

Một số các phương pháp cũng được đưa ra để hóa giải hôn trầm - thụy miên; được chú giả, ghi chép rất nhiều từ các bộ kinh sách:

- Tiết độ trong ăn uống
- Thay đổi oai nghi
- Nghĩ về tướng sáng

- Ở nơi thoáng mát
- Nghĩ đến sự chết
- Nghĩ đến khổ trong vô thường
- Khởi tâm hoan hỷ trong tu tập
- ...

### TRIỆU CÁI TRẠO CỬ (UDDHACCA KUKKUCA - 掉舉)

#### *Tìm hiểu về trạo cử*

Trạo cử (Skr: Uddhatya; Pl: Uddhacca; zh: 掉舉): Tâm hiếu động, tâm trạng không ổn định, tính bông lông. Một trong các đại phiền não địa pháp theo A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận và là một trong 20 tùy phiền não theo giáo lý Duy thức. Là tình trạng tâm bất an do phóng vọt suy nghĩ về quá khứ hoặc tương lai. Tính bông lông của tâm. Sự bất lực trong việc tập trung tâm ý qua thiền định [21]. Trạo cử cũng được xem như sự kích động, không bình tĩnh, sự không vắng lặng và phóng dật của tâm. Tâm không thể an trụ vào một đối tượng nào mà luôn là những trạng thái bất an, tán loạn và mất tập trung.

#### *Trạo cử gây xao lãng đời sống*

Công việc muốn đạt hiệu quả tốt thì sự tập trung rất quan trọng. Nó giúp ta chú tâm, tập trung tinh thần vào công việc đó. Khi có sự chú tâm, những chi tiết nhỏ sẽ được quan tâm và xử lý hiệu quả. Để thành công lớn thì các chi tiết nhỏ cũng góp phần không kém. Sự xao nhãng sẽ khiến các công việc nhỏ dễ bị mất tập trung. Việc xử lý không được để ý thì chắc chắn sẽ gặp những bất lợi. Những người lãng xãng thường không đạt được hiệu quả cao. Họ không biết cách sắp xếp công việc. Tâm thức họ không thể tập trung lại một chỗ nên không thể có được năng lực mạnh nhất. Họ

không thể ghi nhớ các chi tiết nên khó để xử lý, vì thế mà năng lực không đảm bảo. Đây cũng là một chướng ngại lớn trong cuộc sống hàng ngày. “*Này các Tỳ kheo, ta không thấy một pháp nào khác có sức mạnh như vậy khiến cho trạo cử và hối hận chưa sanh, sẽ sanh khởi, hoặc nếu đã sanh có thể trở nên mạnh mẽ và tăng trưởng như sự bất an của tâm. Nơi người nào nội tâm phiền não thời trạo cử và hối hận nếu chưa sanh, sẽ sanh khởi; hoặc nếu đã sanh có thể trở nên mạnh mẽ và tăng trưởng”* [22].

#### *Trạo cử ngăn ngại sự tập trung trong tu tập*

Những trạng thái bất an và lo lắng là biểu hiện của sự kích động về tinh thần. Tâm bạn cứ bồn chồn, phóng dật và không có khả năng an trụ lại một điểm, một đối tượng. Tâm không thể tập trung mà luôn suy nghĩ lan man, thậm chí cả vài phút. Đây là một thói quen từ lâu và hoạt động rất mạnh. Nó khiến bạn luôn nghĩ ngợi quanh quẩn về những vấn đề có liên quan với nhau. Chúng ta luôn có một cảm giác không yên ổn ngự trị trong tâm. Tâm không thể yên trụ vào đâu cả, nó luôn luôn nhảy nhót. Như một con khi, tâm luôn chuyển hướng từ đối tượng này sang các đối tượng khác. Nó cũng khiến hành giả không thể tập trung vào một đối tượng nhất quán: hơi thở, phòng xep, niệm sanh diệt... Một sự vọng niệm lớn mạnh có thể dẫn dắt, khiến hành giả đi đó đây rất lâu mà khó có thể quay trở lại với phương pháp thực tập hay hiện tại. Nó cũng có thể dẫn dắt, lôi kéo chúng ta hành động, nói năng, suy nghĩ không tự chủ. Trong đời sống hàng ngày, nếu



không thể an trụ trên thân hành niệm hoặc các phương pháp thực tập thì mỗi bước chân hay một hành động đều mỏi mệt, thờ ơ và không có được lợi ích. Nó cũng dễ dàng tạo ra các thân bệnh tác động, ảnh hưởng đến đời sống, làm ngăn ngại lối sống an lạc của hành giả tu tập. Vì thế, hóa giải trạo cử là điều rất quan trọng trong công phu tu tập.

### *An tịnh tâm hồn để hóa giải trạo cử*

Để hóa giải hay đối trị trạng thái bất an, trạo cử của tâm thức cần có một năng lực tập trung. Chúng ta cần có phương pháp chế ngự và làm cho tâm lắng xuống. Phải để qua bên cạnh các suy nghĩ miên man và tập trung nhất quán vào một đối tượng: Tập trung trên đề mục thiền của mình. Từ sự tập trung đó, hành giả có thể cột tâm lại một chỗ, khiến nó ít di chuyển hơn. Lâu dần sẽ tạo thành năng lượng tập trung và có thể chế ngự sự phóng dật của tâm thức. Tâm an tịnh là phương pháp hay nhất để loại bỏ và chế ngự buông lung. *“Này các Tỳ kheo, ta không thấy một pháp nào khác có sức mạnh ngăn cản trạo cử và hối hận chưa sanh, không cho sanh khởi, hoặc nếu đã sanh khiến cho được đoạn trừ như sự an tịnh của tâm. Nơi người nào tâm được an tịnh, trạo cử hối hận chưa sanh, không sanh, hoặc nếu đã sanh, sẽ được đoạn trừ”.* [23]

Việc đối trị trạo cử cũng giống như huấn luyện một con trâu hoang. Muốn thuần hóa nó, ta cần dùng một sợi dây bèn chắc buộc trâu vào một cọc trụ bèn chắc. Nó sẽ không khuất phục trong thời gian đầu và nhảy sang bên này bên nọ. Nhưng với sự chắc

dẻo của dây và cọc trụ nên cuối cùng nó phải bị khuất phục, nằm yên và ngoan ngoãn nghe theo. Tu tập, huấn luyện tâm cũng như vậy. Cái cọc là hơi thở ra vào; các đề mục chánh niệm. Sợi dây là sự tập trung, chánh niệm. Dù bất kham nhưng nó sẽ dần quen thuộc và ổn định trên hơi thở, nếu được cột chặt bởi sự sáng suốt và tỉnh giác của chánh niệm.

*“Khi nội tâm có trạo hối, tuệ tri: “Nội tâm tôi có trạo hối”; hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có trạo hối”. Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được diệt, tương lai không sanh khởi nữa vị ấy tuệ tri như vậy... Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp.”* [24]

### **TRIỀN CÁI NGHI NGỜ (VICIKICCHĀ, VICIKITSĀ - 疑)**

#### *Tìm hiểu về nghi ngờ*

Nghi ngờ (skr: vicikitsā, pl: vicikicchā, zh: 疑): tên gọi của một tâm sở; đối với lý mê ngộ, nhân quả còn nghi ngờ, do dự không thể quyết định. Tức là tâm lý đối với chánh pháp còn do dự không quyết đoán. Phật giáo Nguyên thủy cho rằng từ quả vị Dự lưu mới đoạn trừ được tâm này. Phật giáo phát triển cho rằng từ quả vị Bồ tát Sơ địa trở lên mới đoạn trừ được nó.



Nghi là tên gọi của 1 trong 6 căn bản phiền não, 1 trong 5 triền cái. Đây cũng là tính hoài nghi, che lấp tâm thức của người tu hành khiến cho mờ tối, không thấy được chân lý. Có hai loại nghi ngờ căn bản:

*Lý nghi:* Đối với chân lý Tứ đế còn nghi ngờ, do dự, chỉ khi nào đến quả vị A-la-hán mới có thể đoạn trừ.

*Sự nghi:* Đối với sự còn do dự, không quyết đoán, giống như ban đêm thấy cái cây nửa cho là người, chẳng phải người. Có quan điểm cho rằng vị A-la-hán





Một niệm sân hận có thể mở ra vô vàn cánh cửa khổ đau, ngăn cản cuộc sống thanh tịnh của tất cả chúng ta. Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai.

chưa đoạn được, nhưng Độc giác thì đã dứt trừ. [25]

Hoài nghi được giải thích chủ yếu là sự nghi ngờ hay phân vân đối với Đức Phật, giáo pháp, chư Tăng và điều học. Nghiã là nghi ngờ đối với sự hiện hữu những phẩm chất cao quý của một bậc giác ngộ. Nghi pháp là sự nghi ngờ về con đường thực tập đưa đến giải thoát, các đạo quả, Niết bàn... Nghi Tăng là không tin tưởng về sự hiện hữu của các bậc thánh, hay nghi ngờ về lợi ích của việc cúng dường đến chư Tăng.

Nghi giới điều là không chắc chắn về hiệu quả của Giới - Định - Tuệ trong việc dẫn đến đoạn tận khổ đau [26].

### ***Nghi ngờ khiến cho đời sống bị hạn chế***

Nghi ngờ tạo ra một sự bấp bênh trong tâm thức. Nhiều người vì lòng nghi ngờ sâu nặng mà làm mất đi sự tự tin đối với bản thân. Họ không có được khả năng quyết đoán thật sự tốt nhất nên dễ dàng bỏ lỡ các cơ hội thành công. Sự nghi ngờ về năng lực của bản thân, nghi ngờ người thân, môi trường,

xã hội... sẽ khiến cá nhân đó tự ngăn cách bản thân đối với xã hội. Họ khó bắt cặp được với nhịp độ cuộc sống. Cho nên, họ luôn có cảm giác cuộc sống quay lưng lại với mình. Nhiều khi sự nghi ngờ khiến họ không cho phép bản thân bộc lộ hết những điểm mạnh và năng lực của mình. Đây là một thiệt thòi lớn đối với những ai luôn mang theo tâm trạng hoài nghi.

Một tập thể nếu không có được sự đoàn kết chắc chắn sẽ bị tan rã, sớm hay muộn mà thôi. Trong đó, nghi ngờ là một điều cần tránh phải. Nó khiến nội bộ mất đi khả năng liên lạc. Các cá nhân sẽ không hòa hợp với nhau. Hơn nữa, họ có thể thay đổi, loại trừ và mưu hại lẫn nhau, nếu sự tin tưởng không còn được giữ vững. Từ đó dần mất đi tính đoàn kết và bị đổ vỡ, tan rã.

### ***Nghi ngờ làm đánh mất phương hướng tu tập***

Kinh điển Pāli diễn tả tâm trạng nghi ngờ như cảm giác của một người đi lạc vào sa mạc và gặp ngay ngã tư đường mà không có bảng chỉ dẫn. Chẳng có một manh mối hay sự hướng dẫn nào để vị ấy nhận biết nên đi theo đường nào. Người ấy chỉ biết đứng đó, do dự vì hướng nào cũng không chắc chắn. Thiên tập cũng vậy, luôn có những nghi ngờ xảy ra. Một trong những trạng thái nghi hiện ra là sự đôi thoại, thì thầm trong tâm. Kiểu như: “*Mình ngồi đây để làm gì? Ngồi như vậy có được lợi ích gì không? À, chắc chắn là sẽ được rồi! Không, việc làm này thật vô ích, tốn thời gian! Không, mình sẽ không từ bỏ đâu. Mình đã quyết tâm sẽ làm được mà. Hay là mình quá vô minh? Tôi không biết sao nữa! ....*”.



Đây là một trong các chương ngại ngăn che, khiến chúng ta không có được sự tỉnh thức. Sự tỉnh thức trong tu tập là một điều rất quan trọng. Trong khi đó, nghi ngờ luôn ngăn cản sự tỉnh thức của chúng ta. Ta không thể tập trung tối đa vào giây phút hiện tại. Điều này là một thiệt thòi rất lớn cho các hành giả phát tâm tu tập để trở về với chánh niệm tỉnh thức, an định thân tâm ngay trong hiện tại cuộc sống. [27]

*“Này các Tỳ kheo, ta không thấy một pháp nào khác có sức mạnh như vậy ngăn được sự sanh khởi của hoài nghi nếu chưa sanh, sanh khởi, hoặc hoài nghi nếu đã sanh có thể trở nên mạnh mẽ và tăng trưởng như phi lý tác ý. Nơi người nào không có như lý tác ý, hoài nghi chưa sanh sẽ sanh khởi, không sanh, hoặc nếu đã sanh, có thể trở nên mạnh mẽ và tăng trưởng”* [28].

**Chánh tín để hóa giải nghi ngờ**  
Trong sinh hoạt đời sống, lòng tin tưởng lẫn nhau là điều kiện để duy trì các mối quan hệ. Nhờ đó, các vấn đề nghi ngại sẽ hạn chế xảy ra. Tin bản thân, tin bạn bè, tin người thân, tin công việc... là động lực rất lớn cho mỗi cá nhân trên bước đường trang trải và hoàn thiện cuộc sống. Trong đời sống tu tập, chúng ta cần quyết đoán để loại bỏ và hóa giải nghi ngờ. Đức Phật, giáo pháp của Ngài chỉ dạy đã được các vị thánh đệ tử thực tập và lợi ích đến nay. Nếu nghi ngờ thì chắc chắn sinh ra các chương ngại. Điều này ngăn cản chúng ta tìm hiểu sâu về giáo pháp. Vì vậy, tín căn - tín lực cần nên phát triển và thực tập mạnh mẽ, thường xuyên.

Trong thiền tập, nghi ngờ cần triệt để hóa giải để không ngăn ngại các hành giả đi đến các quả vị an lạc, các bậc thiền chứng. Một trong những biện pháp hóa giải nghi ngờ là hãy chú tâm, tỉnh giác nhận biết những gì đang xảy ra trong tâm thức. Đơn giản là hãy chú tâm vào nó như một đối tượng để dò xét. Hãy quay lại và xem mức độ hoạt động của nó ra sao, nó mạnh đến mức nào. Hãy nhìn xem nó xuất hiện và kéo dài trong bao lâu. Và tiếp tục theo dõi cho đến khi nó biến mất. *“Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ kheo, đưa đến nghi hoặc chưa sanh không sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được đoạn tận, này các Tỳ kheo, như lý tác ý. Nếu như lý tác ý, này các Tỳ kheo, nghi hoặc chưa sanh không sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được đoạn tận. Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp”* [29].

### **DỪNG DỪNG LẠI KHI CHƯA ĐẾN ĐÍCH**

#### **Trải nghiệm sự giải thoát các buộc ràng**

Năm triền cái là một chương ngại lớn trên con đường thành tựu các bậc thiền định, hướng đến tuệ giải thoát. Việc hóa giải, vượt qua các chương ngại này giống như một kẻ nô lệ thoát ra khỏi thân phận của dây tở. Hẳn không còn lo âu mà sinh bệnh này kia. Hẳn không còn bị nợ nần chủ nhân mà phải bị giam cầm nữa. Tên tù nhân này đã hết hạn lao tù mà trở về môi trường tự do. Hẳn có thể tự

do thương thức mọi vẻ đẹp của tự nhiên mà không bị ai ràng buộc. Kẻ tù tội thấy được con đường đi ra khỏi chốn rừng hoang vắng, sau một thời gian không quay trở lại. Điều đó thật là một cảm giác hạnh phúc biết bao sau bao lần bị giam giữ, hạn chế quyền nhân.

Việc hóa giải, thoát khỏi năm triền cái cũng giống như vậy. Thoát khỏi tham dục cũng giống như thoát ra được cảnh nợ nần, lo âu. Hóa giải sân hận cũng như người đã chữa được căn bệnh đang hoành hành mà có sức khỏe tốt vậy. Chiến thắng được hôn trầm - thụy miên cũng như tên nô lệ thoát khỏi lao ngục, không còn bị giam hãm. Khi đã tự do, không còn phải làm nô lệ giống như hóa giải, đoạn trừ được trạo cử và hối hận. Và khi thấy con đường về nhà, trải nghiệm sự tự do cũng giống như hóa giải được các hoài nghi vậy. Sự tự do là điều kiện hạnh phúc của con người, không còn bị các trói buộc. Cũng như vậy, hành giả thoát khỏi năm triền cái sẽ đạt được tự do, an lạc và hạnh phúc.

#### **Đường còn dài, ta hãy bước tiếp tục bước đến.**

Mặc dù đã được nhận diện, tìm hiểu và đè nén nhưng các triền cái vẫn âm thầm hoạt động. Nó sẽ còn tiếp tục ẩn nấp, chờ đợi cơ hội để bùng phát trở lại. Nếu không cẩn thận có sẽ trở nên mạnh mẽ hơn trước rất nhiều. Khi ta kim hãm chúng bằng các bậc thiền, đoạn trừ tạm thời bằng tuệ Minh Sát (vipassanā), chúng đã tạm thời lắng yên song vẫn chưa thể đoạn tận được gốc này. Nếu chưa đoạn tận, bứng gốc bằng trí tuệ thì trong tương lai chắc chắn chúng sẽ sanh khởi lại, nhanh



chậm tùy mỗi cá nhân thực tập. Khi mất đi thiền tâm và tuệ Minh sát thì các điều bất thiện vẫn sẽ xảy ra. Điều này đòi hỏi sự tinh cần, chú tâm thực tập liên tục cho đến khi chứng thánh đạo - đạo quả giải thoát mới thôi. Đức Thế Tôn đã ví rằng: “*Người học đạo như khúc gỗ trôi sông, không tấp vào bờ, không bị nước xoáy, không bị mục nát, không bị người cướp đoạt, không bị ai uy hiếp, Ta bảo khúc gỗ sẽ trôi đến biển. Người học đạo không bị tình dục mê hoặc, không bị đời xoay chiều, tinh tấn trên đường đạo, Ta bảo kẻ ấy sẽ thành đạo*” [30].

## KẾT LUẬN

Giá trị bất hủ của đạo Phật là vạch ra con đường cụ thể, giúp chúng ta trở thành con người hoàn thiện. Từ đó xây dựng hạnh phúc và tự do, một thế giới với những con người mẫu mực về trí tuệ và tình thương rộng lớn. Đó cũng chính là thông điệp mà Đức Phật để lại cho chúng ta. Nó kêu gọi mọi người phải tự biết hoàn thiện bản thân, giải thoát khỏi ba độc tham, sân, si. Hãy trở thành những con người với tâm giải thoát, xứng đáng là người học trò, người con của Đức Phật.

Mục tiêu luôn hướng đến và áp ủ của mỗi hành giả là sự tự do, thoát khỏi các buộc ràng phiền não. Từ đó mà có được cuộc sống an lạc, hạnh phúc; chứ không hề dựa trên số lượng hay tài sản hiện sở hữu. Tham ái và si mê là đầu mối của mọi sự vướng mắc. Để đạt được những lợi ích chân thật từ việc tu tập cần có sự đầu tư. Việc vun trồng văn tuệ, phát triển các hạt giống thiện lành là những điều cơ bản nhưng rất quan trọng. Xa hơn nữa, chúng ta phải nỗ lực hành trì

Thiền tập, chứng được các bậc tuệ giải thoát mới xứng đáng với hy vọng của một tu sĩ chân chính. Hãy nhìn nhận nếp sống của mỗi chúng ta có thật sự sống với đạo và lối tư duy của Phật giáo hay không. Được như vậy, dù Đức Phật đã nhập Niết bàn cách đây gần 2.500 năm; nhưng pháp thân của Ngài vẫn luôn ở bên cạnh theo dõi, hướng dẫn và khích lệ chúng ta.

### Chú thích:

\* Nghiên cứu sinh Trình Thanh Huy.

- [1] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 1, 13. Kinh Tevijja*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.420.
- [2] HT. Thích Phước Sơn (2010), *Thanh tịnh đạo luận toàn yếu, Chương 8: Định - các vô sắc xứ*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.125.
- [3] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng Bộ 1, Chương II, phẩm VI, mục 55*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.126-129.
- [4] HT. Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 2, 122. Kinh Đại Không*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.441.
- [5] HT. Thích Thiện Siêu (2000), *Vô ngã là Niết bàn*, Nxb. Tôn giáo, tr.49.
- [6] W. Rahula (Ns. Trí Hải dịch, 2000), *Đức Phật đã dạy những gì*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.76.
- [7] HT. Thích Thiện Siêu (2000), *Vô ngã là Niết bàn*, Nxb. Tôn giáo, tr.52.
- [8] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ 1, Chương I Một Pháp I. Phẩm Sắc*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.9.
- [9] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 2, 22. Kinh Đại Niệm Xứ*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.206.
- [10] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ 1, Chương I Một Pháp VIII. Phẩm Lâm Bàn Với Thiện*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.31.
- [11] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 2, 22. Kinh Đại Niệm Xứ*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.206.
- [12] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tăng chi, Eka - Nipāta*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.206.

[13] HT. Thích Thiện Hoa (2012), *Phật học phổ thông 1, Khóa IV Bài Thứ Bảy: Lục Độ (Nhân Nhục Ba-La-Mật)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.597.

[14] *Sđđ*.

[15] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tăng chi, Eka - Nipāta*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

[16] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tăng chi. Vượt qua sân hận*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

[17] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Kinh Tiểu Bộ 1, Kinh Pháp Cú, Dhp. 125*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.56.

[18] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tăng chi. Chương 1: Một pháp - Phẩm 02: Đoạn triển cái*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

[19] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tăng chi, Eka - Nipāta*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

[20] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 2, 22. Kinh Đại Niệm Xứ*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.206.

[21] HT. Thích Quảng Độ (2014), *Phật Quang đại từ điển, Tập 6*, Nxb. Phương Đông, tr.7030.

[22] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tăng chi. Kinh Eka - Nipāta*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

[23] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tăng chi, Eka - Nipāta*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

[24] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 2, 22. Kinh Đại Niệm Xứ*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.206.

[25] HT. Thích Quảng Độ (2014), *Phật Quang đại từ điển, Tập 6*, Nxb. Phương Đông, tr.3668 - 3669.

[26] Henepola Gunaratana, Lê Kim Kha (dịch, 2015), *Chánh niệm*, Nxb. Hồng Đức, tr.228 - 229.

[27] Henepola Gunaratana, Lê Kim Kha (dịch, 2015), *Chánh niệm*, Nxb. Hồng Đức, tr.229.

[28] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tăng chi, Eka - Nipāta*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.

[29] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 2, 22. Kinh Đại Niệm Xứ*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.207.

[30] HT. Thích Thiện Siêu, *Thức biến, Kinh - Bốn Mươi Hai Chương*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr.110.

# Giấy

## và mạch sống của văn tự



Nguyễn Đình Triển

### DẪN NHẬP


Giấy là một trong bốn phát minh lớn của Trung Quốc cổ đại. Trước khi giấy được làm ra, người ta đã sử dụng nhiều vật liệu để ghi chép văn tự như mai rùa, đồng, tre, phiến gỗ và các sản phẩm dệt lụa quý, nhưng không có vật liệu nào là lý tưởng. Trước thời nhà Đường, hầu hết các bức tranh Trung Quốc đều được vẽ trên lụa, mãi sau này khi giấy Tuyên ra đời mới dần dần được thay thế.

Theo nghiên cứu khảo cổ học, loại giấy sớm nhất hiện nay phát hiện được là “*Bá Kiều chỉ*” 灞橋紙 xuất hiện khoảng thời Tây Hán. Sở dĩ gọi “*Bá Kiều chỉ*” là vì vào năm 1957 đội khảo cổ của Tây An đã khai quật khu cổ mộ Bá Kiều, phát hiện được mẫu vật giấy sợi thực vật, ngoài ra còn có các loại giấy khác như “*La Bố Náo Nhĩ chỉ*” 羅布淖爾紙, “*Cư Diên Kim Quan chỉ*” 居延金關紙 và “*Phù Phong Trung Nhan chỉ*” 扶風中顏紙... Sau khi phân tích thành phần của nó, người ta thấy rằng nguyên liệu thô của loại giấy này chủ yếu là “*Đại ma*” (大麻-sợi gai dầu *Cannabis sativa*) và “*Trữ ma*” (苧麻-sợi gai *Boehmeria nivea*). Dựa vào nguyên liệu làm giấy mà người ta phân loại giấy thành: Ma chỉ, Miên chỉ, Trúc chỉ, Chử chỉ (Cốc chỉ, Cẩu chỉ), Hải đài chỉ, Sơn đằng chỉ...

### THỜI KÌ CỦA “TI MIÊN CHỈ” 丝绵紙.

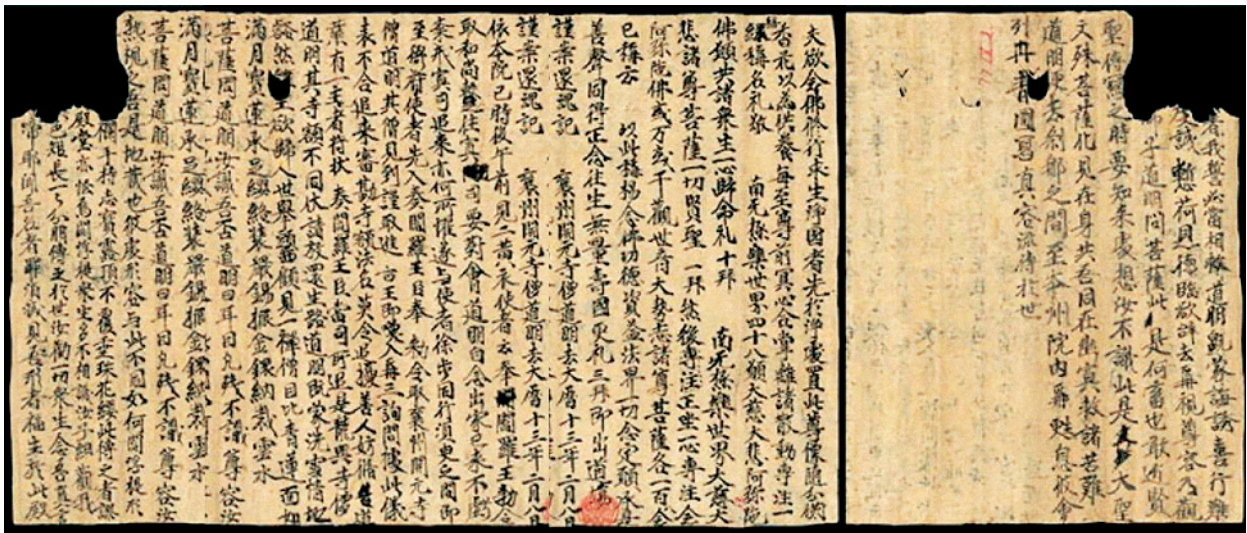
Vào thời cổ đại, giấy được làm ra dựa vào việc mô phỏng phương pháp lấy tơ từ kén tằm, phương pháp này được gọi là “*Phiêu như pháp*” 漂絮法. Đó là lược chín kén tằm, đặt lên mảnh tre, ngâm nước sông, rửa sạch, vò, đập liên tục, tơ sẽ dần





Đến thời Đông Hán, việc tiêu thụ “Bá Kiều chỉ” tăng lên đáng kể so với thời Tây Hán. Sự xuất hiện của nghề làm giấy từ vỏ cây là một dấu hiệu đáng chú ý về sự tiên bộ đáng kể trong công nghệ làm giấy vào thời Đông Hán.





Bản “Đạo Minh hòa thượng hoàn hồn kí” (道明和尚還魂記) được khai quật tại Đôn Hoàng (sao chụp từ bảo tàng Anh quốc).

dần bung ra và trở thành tơ tằm. Sau khi lấy chỉ to ra, trên chiếu trúc thường còn sót lại một lớp chỉ tơ mỏng. Khi chiếu khô, lớp mỏng có thể bóc ra để viết lên đó, được gọi là “*Ti miên chi*” 絲綿紙 hay còn gọi là giấy lụa. Cho nên trong chữ “*Chi*” (紙-giấy) có bộ “*Mịch*” (糸-tơ) làm thiên bàng là như vậy. Tuy nhiên, giá thành của loại “*Ti miên chi*” này khá đắt vì vậy không thể sản xuất hàng loạt được, phương pháp này đã truyền cảm hứng cho ý tưởng sử dụng sợi tơ thực vật giàu chất xơ để làm giấy. Dù “*Ti Miên chi*” có được ghi chép lại, nhưng đến nay vẫn chưa có bằng chứng tìm được mẫu vật của loại giấy đặc biệt này.

**CUỘC CÁCH MẠNG LÀM GIẤY CỦA THÁI LUÂN.**

Đến thời Đông Hán, việc tiêu thụ “*Bá Kiều chi*” tăng lên đáng kể so với thời Tây Hán. Sự xuất hiện của nghề làm giấy từ vỏ cây là một dấu hiệu đáng chú ý về sự tiến bộ đáng kể trong công nghệ làm giấy vào thời Đông Hán. “*Hậu Hán thư – Hoạn giả liệt truyện*” ghi lại rằng Thái Luân 蔡伦 đã nhận lúc đang đảm nhận chức “*Thượng Phương Lệnh*” 尚方令 để đổi mới nghề làm giấy, dùng vỏ cây, sợi gai đầu 麻头, vải vụn và lưới đánh cá để làm nguyên liệu. Giấy làm theo phương pháp này của Thái Luân được gọi là “*Thái Hâu chi*” 蔡侯紙 [1].

Tại Trung Quốc, có một truyền thuyết như sau: Người ta nói rằng vào năm 121 Thái Luân qua đời.

Ông có một đệ tử tên là Khổng Đán 孔丹. Khổng Đán rất muốn làm một loại giấy trắng tinh vẽ chân dung ông để bày tỏ nỗi nhớ thầy. Vì vậy, Khổng Đán bắt đầu làm giấy ở miền nam An Huy. Anh tình cờ bắt gặp một cây đàn hương cổ thụ xanh tươi bên dòng suối trong một hẻm núi. Cây này khác với những cây còn lại, nó đã già và nằm vắt ngang qua suối. Sau nhiều năm bị dòng suối rửa trôi, vỏ cây đã mục nát và chuyển sang màu trắng, lộ ra những sợi dài và trắng. Ông nhìn nó một lúc, và đột nhiên nảy ngát. Ông vội vàng dùng vỏ cây làm nguyên liệu để tạo giấy. Sau khi thất bại nhiều lần, cuối cùng ông đã thành công. Đây cũng là kỹ thuật và nguyên liệu tạo giấy mà sau này người ta hay dùng nhất.

**THỜI KÌ CỦA “MA CHỈ” 麻紙.**

Chất liệu viết thời Hán vẫn là lụa và phen tre, giấy vừa xuất hiện như một chất liệu mới, chưa đủ sức thay thế phen tre. Nhưng đến thời Tấn, tình hình này căn bản đã thay đổi. Trong các triều đại Ngụy, Tấn, Nam Bắc triều, các khu vực sản xuất giấy tập trung ở Hà Nam, Lạc Dương và dần dần lan sang đất Việt, Thục, Thiệu Dương, An Huy, Giang Tây và những nơi khác khiến cho sản lượng và chất lượng đều tăng. Vào thời nhà Tấn, việc sản xuất giấy đã trở nên thành thực hơn, chất lượng giấy đã đều đặn, trắng, mịn, mọi người không còn sử dụng lụa đắt tiền và thẻ tre nặng nề nữa, dần dần quen với việc dùng giấy để ghi chép, giấy cuối cùng đã trở thành vật liệu viết chủ đạo, và thẻ tre đã được loại bỏ hoàn toàn.





Bản kinh “Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa” (金剛般若波羅密經) in trên Tuyên chi - Bản khắc in sớm nhất thế giới, được khai quật tại Đôn Hoàng (sao chụp từ Thư viện quốc gia nước Pháp).

Các thợ thủ công thời này dựa theo nguyên tắc của phương pháp keo tụ, một quy trình sản xuất giấy mới sử dụng sợi gai dầu làm nguyên liệu chính đã được tạo ra, loại giấy này gọi là “Ma chi” 麻紙. Trong các triều đại Ngụy, Tấn, Nam Bắc triều, ma chi chiếm vị trí chính. Ma chi là loại giấy đầu tiên được sử dụng trong thư pháp và hội họa, các nhà thư pháp nổi tiếng như Vương Hi Chi 王羲之 và Lục Cơ 陸機 cũng sử dụng ma chi để viết. Ngoài ma chi, các nguyên liệu thô từ sợi thực vật khác cũng được sử dụng để làm giấy trong thời kỳ này như “Chữ bì chi” 楮皮紙, “Tang bì chi” 桑皮紙, “Đằng bì chi” 藤皮紙 ..., nhưng giấy gai vẫn là sản phẩm chủ lực ở miền Nam.

### BÌ CHỈ THỊNH HÀNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THƯ TỊCH VIẾT TRÊN GIẤY.

Các triều đại nhà Tùy và nhà Đường là thời kỳ hoàng kim của ngành công nghiệp giấy, cần phải nói rằng để đạt đến trình độ kỹ thuật tương đối hoàn thiện như vậy thì phải trải qua quá trình nghiên cứu miệt mài trong thời gian dài của vô số thợ thủ công, chứ không thể thành công trong một sớm một chiều, chỉ là “Bì chi” 皮紙 (giấy làm từ vỏ cây) thịnh hành hơn vào thời Đường vì thế giấy sản xuất vào thời này còn có tên là “Đường chỉ” 唐紙 và Tuyên Châu thuộc tỉnh An Huy là một trong những trung tâm sản xuất giấy vào thời nhà Đường nên cũng gọi là “Tuyên chi” 宣紙. Việc phát minh ra mộc bản (bản in khắc gỗ) cũng là nguyên nhân khiến nghề giấy được chú trọng và phát triển hơn. Trong giai đoạn

này, số lượng và loại hình sách vở không ngừng được nâng cao. Căn cứ vào số liệu thống kê đến năm 618, Trung Quốc có tất cả 11.754 trước tác khác nhau với hơn 73.200 quyển. Việc phiên dịch kinh Phật trong thời kỳ này cũng rất phồn vinh, từ năm 220 đến năm 618, tổng cộng số kinh Phật được phiên dịch khoảng hơn 1.500 bộ với hơn 4000 quyển. Thiết nghĩ, nếu không có sự xuất hiện của giấy và kỹ thuật in ấn thì số lượng phen tre hoặc lụa sẽ nặng nề và đắt đỏ như thế nào?

Công nghệ xử lý giấy giai đoạn này đã vượt xa thế hệ trước rất nhiều, chất lượng được cải thiện chưa từng thấy. Về kích thước thì giấy thời Đường cũng lớn hơn trước (Việc sản xuất những tờ giấy khổ lớn là tương đối khó vào thời đó). Về chất liệu thì giấy thư pháp của Tùy, Đường và Ngũ Đại vẫn bị chi phối bởi chất liệu gai dầu, nhưng đã có những cải tiến mới trong việc sử dụng chất liệu khác phong phú hơn như: Tang bì 桑皮 (Vỏ cây dâu tằm), Thụy hương bì 瑞香皮 (Vỏ cây Thụy Hương), Chữ bì 楮皮 (Vỏ cây Dướng). Về sau Chữ bì được thay thế hoàn toàn bằng vỏ cây Thanh đàn 青檀 để sản xuất giấy, từ đó nó cũng trở thành nguyên liệu chính trong sản xuất Tuyên chi. Tuyên chi thời Đường (Đường chỉ) được làm hoàn toàn từ vỏ cây Thanh đàn, đến thời nhà Thanh người ta mới trộn thêm rơm, rạ (nguyên văn: Sa điền đạo thảo 沙田稻草) vào. Về tính chất, Đường chỉ thuần khiết, tinh tế, đều, mịn, mềm dẻo, kết cấu chặt chẽ, xoắn trăm vòng không





Chất liệu viết thời Hán vẫn là lụa và phen tre, giấy vừa xuất hiện như một chất liệu mới, chưa đủ sức thay thế phen tre. Nhưng đến thời Tấn, tình hình này căn bản đã thay đổi. (Ảnh: giấy lụa cổ - sưu tầm)

đứt, vò không nát, lâu ngày không đổi màu, không mục nát, dễ bảo quản và nổi tiếng là có “Tuổi thọ ngàn năm” (Chi thọ thiên niên-紙壽千年). Để đáp ứng nhu cầu viết và vẽ, giấy đời Đường được phân chia rõ ràng thành giấy sống, hay giấy thô gọi là sinh chỉ 生紙, giấy chín hay giấy có gia công chống loang gọi là thực chỉ 熟紙. Với việc phổ biến công nghệ sản xuất giấy, diện tích sản xuất đã được mở rộng, chỉ tính riêng vùng làm giấy để cống cho triều đình đã có tới 11 châu như: Thường Châu, Hàng Châu, Nhạc Châu, Ngô Châu, Khúc Châu, Tuyên Châu, Vụ Châu, Hấp Châu, Giang Châu, Cù Châu, Tri Châu. Sau thời nhà Đường, Tuyên chỉ luôn là chất liệu không thể thiếu trong thư pháp và hội họa.

### TRƯỜNG TÂM ĐƯỜNG CHỈ 澄心堂紙 VÀ TRÚC CHỈ 竹紙

Công nghệ làm giấy thời Ngũ Đại được thừa kế trực tiếp từ thời Đường, từ nguyên liệu đến phương pháp chế biến, nhưng do sự chia cắt nam bắc và sự hỗn loạn lâu dài nên công nghệ làm giấy ở các nơi có phần sai biệt. Ở phía Nam xuất hiện “Trường Tâm Đường chỉ” 澄心堂紙 - Loại giấy được các triều đại sau này ca tụng - giấy dày hơn do được tạo thành bởi hai lớp giấy mỏng. Ở phía Bắc xuất hiện “Giang Đông chỉ” 江東紙 cũng nổi tiếng không kém. Đến thời Tống, loại giấy được làm từ tre, trúc (Trúc chỉ 竹紙) cũng thịnh hành, được các thư họa gia dùng để vẽ tranh và viết chữ. Đây là một bước đột phá quan trọng khác trong quá trình phát triển của công nghệ

làm giấy. “Trúc chỉ” thời Bắc Tống ban đầu có độ nén kém và không dai. Vào thời Nam Tống, Trúc chỉ được sản xuất ở Giang Tô và Chiết Giang đã được cải thiện chất lượng và trở nên nổi tiếng khắp thế giới. Vào thời Tống và Nguyên, giấy tre không chỉ dùng để viết mà còn dùng để in ấn. Cũng trong giai đoạn này, người ta bắt đầu tái chế giấy, loại giấy tái chế này được gọi là “Hoàn hồn chỉ” 還魂紙. Hiện nay, có một quyển kinh được lưu trữ tại Viện bảo tàng lịch sử Trung Quốc tại Bắc Kinh được làm từ loại “Hoàn hồn chỉ” này, đó là cuốn “Cứu chư chúng sinh nhất thiết khổ nạn kinh” (救諸眾生一切苦難經).

### THỜI CỤC THỊNH CỦA TUYỀN CHỈ

Vào thời nhà Nguyên, ngành công nghiệp giấy hầu như không duy trì được trạng thái như trước đây, chỉ duy nhất có vùng Giang Nam là còn hưng thịnh. Đến thời Minh - Thanh, ngành công nghiệp giấy mới được hồi sinh và phát triển mạnh mẽ trở lại, các sản phẩm nổi tiếng chính là *Tuyên chỉ*, *Trúc chỉ* và *Tùng Giang đàm tiên* 松江潭箋. Chất lượng giấy trong triều đại nhà Thanh đã khá xuất sắc. Tuyên chỉ đã có một bước tiến vượt bậc về công nghệ và trở thành một loại giấy nổi tiếng được nhiều người biết đến. Vào thời nhà Thanh, hầu hết việc làm giấy ở nhiều nơi đều tận dụng nguyên liệu địa phương, sử dụng nhiều loại nguyên liệu thô khác nhau và giấy được sản xuất cũng có nhiều tên gọi khác nhau. Quy trình sản xuất giấy đã được cải tiến hơn nữa. Về công nghệ xử lý giấy, thêm phen, nhuộm màu, làm bóng, cán mỏng, rắc vàng, ám hoa và các quy trình khác đã được phát triển và đổi mới hơn nữa. Tất cả các loại giấy đều được ưa chuộng trở lại. Sự tiến bộ của nghề làm giấy đã giúp cho các thư họa gia có những lựa chọn ngày càng đa dạng hơn, tiêu biểu phải kể đến loại giấy đặc biệt “Phấn chá tiên” 粉蜡箋 hay “Khố chá tiên” 庫蜡箋 (một loại giấy sắc) thời Khang Hy, Càn Long. Năm 2009, *Tuyên chỉ* đã được UNESCO đánh giá cao và đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

#### Chú thích:

[1] *Hậu Hán Thư*- Quyển thứ 78- Hoạn giả liệt truyện 後漢書-卷七十八-宦者列傳.

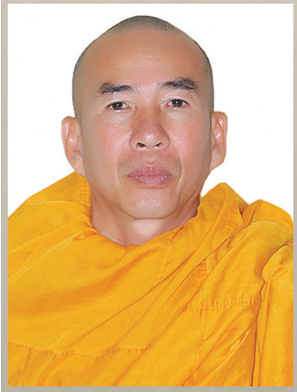
#### Tài liệu tham khảo:

1. Thư pháp đại bách khoa. 書法大百科
2. Văn phòng tứ bảo châu tàng phẩm giám. 文房四寶收藏品監.
3. Trung Quốc thư pháp giám thường đại điển. 中國書法鑒賞大典.



# Chùa Thanh Lương

## Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày an lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 1 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hun phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật Đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

### Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: [chuathanhluong1@yahoo.com.vn](mailto:chuathanhluong1@yahoo.com.vn)







# TA VỀ...

**Kim Cương**

Ta về qua bên sông xưa  
Chùng như nổi nhớ dội mưa bên đời  
Cạn ngày bóng đổ chơi vơi  
Lời ru của mẹ ngọt lời ấu thơ.

Ta về tìm lại giấc mơ  
Có con đê nhỏ bên bờ gáy vang  
Mùa hoa ngày đó lờ làng  
Roi đầy lối nhớ đổ tràn miền em.

Ta về rom rã lấm lem  
Tìm con ghé lạc giữa đêm lạ thường  
Buồn vui gửi lại bên đường  
Quê nhà sợi khói còn vương lưng chiều.

Ta về nín giữ lời yêu  
Nghe trong miền nhớ những điều bình yên  
Cánh đồng quê mẹ thật hiền  
Mênh mông sóng lúa hồn nhiên thuở nào...

# CON TRĂNG TỪ ĐỘ

**Khánh Hạ**

Trăng treo mây thuở trăng cười  
Người trần mây độ rong chơi võ vàng  
Thấy mình giữa cuộc ngổ ngang  
Tham sân một lối đa mang số sằng  
Si mê lắm nẻo đi hoang  
Đem thân kỳ kiếp bẽ bàng lửa say.

Trăng treo ngày cũ trăng đây  
Cội nguồn muôn thuở vẫn dày tán xanh  
Lá uơm nét ngọc hương lành  
Lời Ngài khai thị pháp thành đầu tiên  
Khéo tâm gìn giữ thiện duyên  
Dù bao sóng bể chớ nghiêng tác lòng.

Vô thường vốn lẽ thế nhân  
Mấy người giữ mãi cuộc trần chẳng phai  
Ngày qua đêm lặng miệt mài  
Đền đi đã rõ chẳng dài dòng thêm  
Mây trôi nước chảy êm đềm  
Thềm trăng thanh lặng giữa vàng hư không.

Con trăng từ độ chi không  
Tâm sen chi họa điểm hồng tiểu nhân.







PHẬT GIÁO  
**KHOA HỌC  
& TRIẾT LÝ**



# Ứng dụng tác phẩm

# NHẬP BỒ TÁT HẠNH

## của ngài Tịch Thiên (Śāntideva) trong một số lĩnh vực



### Tịch Đạo

**Tóm tắt:** Tác phẩm *Nhập Bồ tát hạnh* của ngài Tịch Thiên (Śāntideva) gồm nhiều lớp nghĩa sâu sắc và phương pháp thực hành thực tiễn. Những lời lẽ sâu sắc giàu tính văn học của tác phẩm đã truyền tải những ý nghĩa cao quý. Từ việc xây dựng một mẫu người lý tưởng với sự hoàn thiện trọn vẹn về nhân cách đạo đức và cử chỉ hành vi. Cho đến việc tu tập giải thoát giác ngộ và dẫn thân giúp ích cho cuộc đời, cho chúng sanh không giới hạn. Với Bồ đề tâm kiên cố, Bồ tát thực hiện trọn vẹn lý tưởng của mình để hoàn thiện hai phương diện tự giác, giác tha hay tự lợi, lợi tha. Trên nền tảng đó, Bồ tát hướng tới sự hoàn thành viên mãn giác hạnh, thành tựu quả vị Phật. Bên cạnh mục tiêu tu tập giải thoát cao cả kể trên, tác phẩm còn điều dụng trong một số lĩnh vực của xã hội. Bằng phương pháp đối chiếu, so sánh và phân tích trên nền tảng tư tưởng của tác phẩm, người viết nêu lên một vài ứng dụng của tác phẩm trong một số lĩnh vực: Chuyển hóa nội tâm và trị liệu tâm lý, chuyển hóa môi trường xung quanh và giáo dục nhân cách đạo đức.

**Từ khóa:** *Nhập Bồ tát hạnh*, Tịch Thiên, Trị liệu tâm lý, chuyển hóa môi trường sống, giáo dục nhân cách.

### DẪN NHẬP

Đức Phật thuyết pháp luôn tùy căn cơ người nghe, Phật pháp cũng đôi với mỗi người mà có cách nhìn nhận, thực hành khác nhau, như ví dụ về nước mưa tưới xuống cỏ cây trong phẩm Dược Thảo Dụ của *Kinh Pháp Hoa*. Tác phẩm *Nhập Bồ tát hạnh* của ngài Tịch Thiên (Śāntideva) cũng tương tự, bao gồm nhiều lớp nghĩa sâu sắc và phương pháp thực hành thực tiễn. Mỗi người đều có thể tiếp nhận rồi ứng dụng theo mức độ hiểu và căn tính của bản thân. Từ đó thay đổi chính mình từ nhận thức, tư duy cho đến hành động trên bước đường giải thoát khỏi khổ đau.





Tác phẩm Bồ tát hạnh là một con đường hoàn thiện nhân cách con người trọn vẹn, cao tột vượt ra ngoài tư duy thường tình, dựa trên lý tưởng của một Bồ tát. Điều này giải quyết ngay từ gốc rễ của nguyên nhân xảy ra các vấn đề tâm lý.

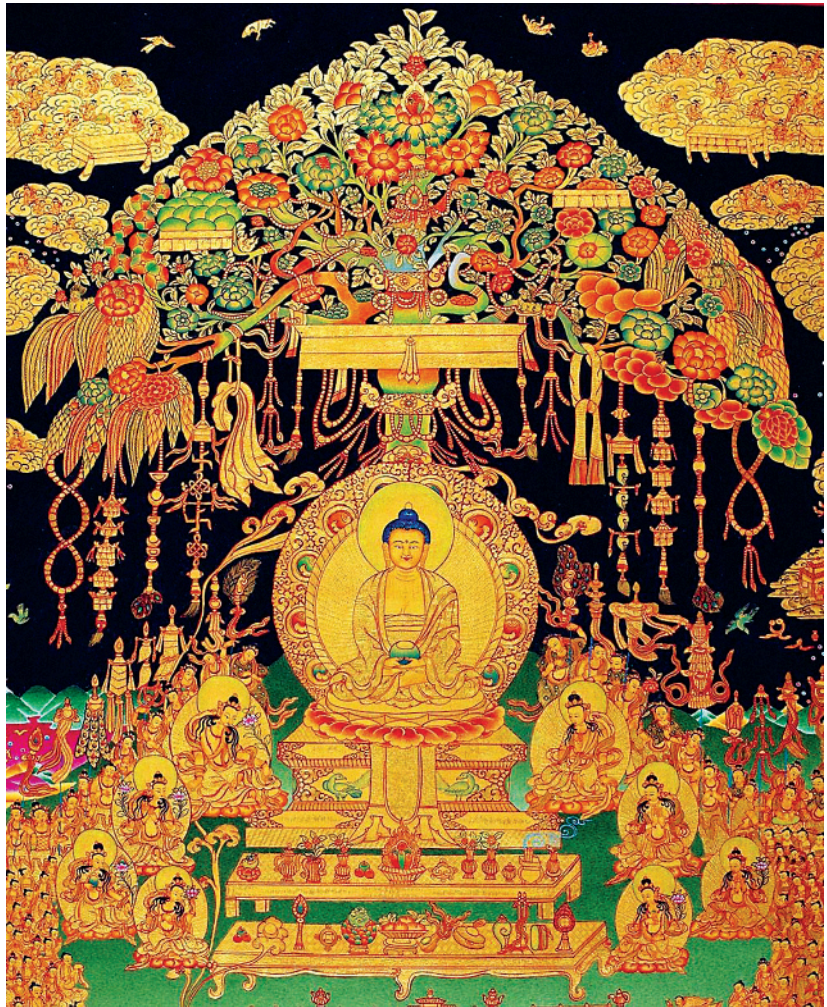


### SƠ LƯỢC VỀ TÁC GIẢ TỊCH THIÊN VÀ TÁC PHẨM NHẬP BỒ TÁT HẠNH.

Tịch Thiên (寂天, Śāntideva), là một cao tăng, triết gia, thi sĩ, ngài sống vào khoảng cuối thế kỷ thứ VII đến giữa thế kỷ VIII. Các tác phẩm của ngài mang tư tưởng Phật giáo ứng dụng đặc trưng riêng, nhấn mạnh tính thiết thực của giáo pháp Phật dạy. Những tác phẩm này có tầm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Phật giáo Tây Tạng nói riêng và giới nghiên cứu, ứng dụng Phật học trên toàn thế giới nói chung.

Tuy nhiên, có rất ít thông tin lịch sử đáng tin cậy về cuộc đời của Tịch Thiên. Người ta thường biết về ngài qua hai tác phẩm quý báu ngài để lại cho đời là *Sikṣāsamuccaya* và *Bodhicaryāvatāra*. Trong đó, *Sikṣāsamuccaya* là một tuyển tập các trích dẫn từ Kinh điển Đại Thừa với lời bình của Śāntideva, tác phẩm này có giá trị phong phú về mặt trí tuệ. *Bodhicaryāvatāra* là tác phẩm nổi tiếng hơn của ngài đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng trên thế giới và là công trình triết học vĩ đại của Śāntideva.

Tác phẩm *Bodhicaryāvatāra* được dịch ra ba bản Việt ngữ bao gồm: 1. *Nhập hạnh Bồ tát của Nguyên Hiền dịch*, 2. *Bồ tát Hạnh của Thích Trí Siêu dịch* và 3. *Nhập Bồ tát Hạnh của Thích Nữ Trí Hải dịch* từ bản Hoa ngữ của Trần Ngọc Giao. Trong đó, bản dịch của Thích Trí Siêu là có giọng văn gần gũi, súc tích, dễ đọc hiểu và giàu cảm xúc nhất, cũng là bản dịch được sử dụng trích dẫn chính trong bài viết này. Gắn liền với sự nổi tiếng của tác phẩm *Bodhicaryāvatāra* là câu chuyện



Đối với môi trường xã hội, chỉ có một người đem lý tưởng Bồ tát mà phụng sự nhân sinh thôi, kết quả đã vô cùng tốt đẹp rồi. Thử tưởng tượng một xã hội lý tưởng với toàn những con người thực hành theo Bồ tát hạnh, xã hội con người có khác gì cảnh giới Tây phương cực lạc hay Thanh tịnh lưu ly của Phật Dược Sư.

lịch sử và huyền thoại về nguyên nhân Śāntideva viết tác phẩm.

Câu chuyện trên có nhiều phiên bản khác nhau, mang cả màu sắc huyền hoặc nhằm nâng cao giá trị của tác phẩm. Những đặc điểm xuyên suốt được lặp đi lặp lại về Śāntideva và tác phẩm được tổng hợp như sau: Ngài thường bị coi thường trước khi tiết lộ thân phận trong một hoàn cảnh kịch tính. Khi còn là học Tăng ở trường Nalanda, do người ta chỉ thấy ngài làm ba việc duy nhất là ăn, ngủ và đi vệ sinh

nên ngài được đặt tên là Bhusuku, chỉ cho đặc điểm trên của ngài với sự coi thường của mọi người. Hay khi ngài lấy tên là Acalasena vào phục vụ cho nhà vua và luôn mang theo một thanh kiếm gỗ. Những người khác ghen tỵ với ngài nên đã nói với nhà vua thanh kiếm gỗ làm gì có ích lợi. Nhà vua cũng tin vậy cho tới khi ngài tiết lộ thân lực. Tiếp theo là việc Śāntideva từ bỏ ngai vị để tìm cầu giải thoát và có một người phụ nữ giúp ngài từ bỏ con đường khổ hạnh bằng cách dâng nước và thực phẩm. Ngài rất



sùng mộ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, vị Bồ tát tượng trưng cho trí tuệ.

Tác phẩm *Nhập Bồ tát hạnh* cũng được ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt, khi mà hội chúng cố ý làm bề mặt ngài nên đã yêu cầu ngài tuyên thuyết Phật pháp. Ngài hỏi hội chúng là muốn nghe những điều đã được nói ra trước đây hay những điều chưa từng nói. Hội chúng yêu cầu những điều chưa từng nói và chuẩn bị cho ngài một tòa sư tử rất cao - tòa thuyết giảng cao quý vinh dự. Ai cũng tưởng rằng ngài không thể lên được nhưng ngài đã bay lên tòa cao và tuyên tụng một tác phẩm thơ ca vĩ đại nhất từng được sáng tác bằng tiếng Phạn.

Tác phẩm *Bodhicaryāvatāra* gồm mười chương chứa đựng thơ văn tuyệt diệu, giàu cảm xúc và lý luận cùng phương pháp thực hành sâu sắc. Bắt đầu từ việc xưng tán Bồ đề tâm cho đến sám hối chuẩn bị hành trang phát nguyện và thực hành Bồ đề tâm. Sau đó là hành trì Ba-la-mật thành tựu lý tưởng Bồ tát và cuối cùng là hồi hướng công đức. Bồ tát hạnh còn ẩn chứa một triết lý đạo đức xã hội với nhiều ý nghĩa quý báu, có giá trị thiết thực để xây dựng một con người vĩ đại, một thánh nhân, một bậc giải thoát, là nền tảng cho xã hội đạo đức lý tưởng với niềm hạnh phúc ngập tràn. Từ nền tảng những triết lý của tác phẩm, người viết xin trình bày một vài ứng dụng có tính khả thi trong vài lĩnh vực xã hội trong các phần tiếp theo của bài viết.

## CHUYÊN HÓA NỘI TÂM VÀ TRỊ LIỆU TÂM LÝ

Đối với ngành tâm lý học Tây phương, nếu loại trừ phương pháp

trị liệu bằng thuốc, liên quan tới y học thần kinh nhằm ức chế hoặc kích hoạt một số nội tiết tố tương ứng để giải quyết các vấn đề cấp bách như trầm cảm nặng, ý định tự tử, tâm thần... thì việc trị liệu tâm lý của Tây phương so với sự tu tập chuyển hóa nội tâm có phần nào đó tương ứng. Thế nhưng, việc tu tập chuyên hóa nội tâm của Phật giáo mang ý nghĩa sâu sắc với các hạt giống phiền não sâu cạn khác nhau, giải quyết các vấn đề gốc rễ hơn. Tâm lý học Tây phương có sự giải thích nguyên lý bệnh sinh và phương pháp điều trị có điểm khác biệt. Nhưng đối với các trường phái trị liệu có quan điểm mấu chốt là thay đổi nhận thức để dẫn đến thay đổi hành vi và khơi dậy những điểm tốt đẹp vốn có bên trong mỗi con người. Điều này có nét tương đồng đối với trị liệu tâm lý học Phật giáo. Vậy tác phẩm Bồ tát hạnh có thể áp dụng cho việc tu tập chuyên hóa nội tâm đối với Phật giáo nói riêng và trị liệu tâm lý con người nói chung như thế nào?

Đầu tiên, tác phẩm *Bồ tát hạnh* là một con đường hoàn thiện nhân cách con người trọn vẹn, cao tốt vượt ra ngoài tư duy thường tình, dựa trên lý tưởng của một Bồ tát. Điều này giải quyết ngay từ gốc rễ của nguyên nhân xảy ra các vấn đề tâm lý. Bởi lẽ nếu xét theo nguyên lý bệnh sinh của một số trường phái Tâm lý học Tây phương có thể dễ dàng nhận ra rằng, mọi trường phái đều xây dựng cho mình một cấu trúc nhân cách, phương thức hoàn thiện cấu trúc nhân cách và những thiếu sót của cấu trúc nhân cách sẽ tạo ra những vấn đề tâm lý (loại trừ những nguyên nhân sinh học và gen di truyền).

Thứ hai, tác phẩm còn nói đến phương pháp kích hoạt sức mạnh tiềm ẩn bên trong con người cùng với niềm tin vào chư Phật, chư Bồ tát ba đời. Nhờ vào việc kích hoạt các năng lượng của tự lực và tha lực này, việc tu tập trở nên dễ dàng hơn, hoàn thiện việc chuyển hóa thân tâm trở thành bậc thánh nhân, hướng hồ chỉ vài vấn đề tâm lý thường nhật thì việc chữa lành cũng không thành vấn đề. Những sức mạnh tiềm ẩn của con người cũng được các trường phái tâm lý Tây phương coi trọng.

Thứ ba, chuyển hóa năng lượng của khổ đau thành động lực, các câu kệ từ 38 đến 40 của chương 4, tác giả đã so sánh việc một chiến sĩ chịu những vết thương và coi đó là vinh quang hay một con người chài lưới hay nông phu cũng có thể chịu đựng khổ cực. Chẳng lẽ là một người thực hành đại sự của Bồ tát lại không biết chịu đựng chút khổ cực để hoàn thành mục tiêu cao cả hay sao? [1]. Đây là một phương pháp hữu hiệu trong trị liệu tâm lý. Khi mà người bệnh đang trong tình trạng thiếu hụt năng lượng yên bình do một nguyên nhân nào đó. Những năng lượng khổ đau khi người bệnh gánh chịu được chuyển hóa thành động lực để cố gắng thì khả năng chữa lành của vấn đề được tăng lên nhiều lần.

Thứ tư, mọi hoàn cảnh đối với Bồ tát đều là tốt đẹp, ta phải nhìn hoàn cảnh theo góc độ hợp lý để tìm ra điều tốt đẹp đó. Kể cả đau khổ cũng có điều tốt đẹp, bởi “đau khổ nhiều khi cũng đem lại lợi ích: Nó dẹp trừ kiêu mạn, khai mở lòng thương người (đau khổ), ghê sợ tội lỗi và tăng trưởng đức tin nơi chư Phật”[2]. Đó là một





Tịch Thiên (寂天, Śāntideva), là một cao tăng, triết gia, thi sĩ, ngài sống vào khoảng cuối thế kỷ thứ VII đến giữa thế kỷ thứ VIII. Các tác phẩm của ngài mang tư tưởng Phật giáo ứng dụng đặc trưng riêng, nhấn mạnh tính thiết thực của giáo pháp Phật dạy. Những tác phẩm này có tầm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Phật giáo Tây Tạng nói riêng và giới nghiên cứu, ứng dụng Phật học trên toàn thế giới nói chung.

nguồn lực quan trọng trong việc trị liệu trầm cảm và stress - hai vấn đề tâm lý của thời đại. Điều này giúp người bệnh nhận thức được mặt tốt đẹp của vấn đề. Trong khi nguyên lý bệnh sinh của hai chứng này chủ yếu là thái độ tiêu cực và cái nhìn thiếu đúng đắn khi một sự kiện xảy ra. Việc này cũng khá tương đồng với phương pháp trị liệu trầm cảm, stress của trường phái Nhận thức hành vi [3].

Thứ năm, phương pháp tự kỷ ám thị. Trong quá trình tu tập và cuộc sống, có rất nhiều yếu tố chi phối bản thân, đặc biệt là những niềm vui trước mắt. Những niềm vui này làm cho hành giả si mê, xao lãng, có tâm lý so sánh với con đường mình đang đi. Họ cho rằng con đường mình đang đi là khổ đau, còn niềm vui trước mắt là thực sự, từ đó mà chuyển đổi thiện tâm ban đầu, rồi gặp các vấn đề. Vì vậy, phải tích cực tự tạo động lực cho bản thân, bằng cách quán

tưởng niềm vui của việc từ bỏ si mê hay hạnh phúc khi chúng sanh hạnh phúc. Khi từ bỏ si mê tới đâu thì niềm vui xuất hiện tới đó và khi si mê bị nhổ bỏ hoàn toàn, nó sẽ không quay trở lại. Việc trị liệu này không chỉ dừng lại ở việc tự ám thị về những niềm vui chân thật mà từ đó có thể tạo ra năng lượng hạnh phúc chân thật bằng trải nghiệm thực tế, thay thế những niềm vui bèn vỹng vào những niềm vui trước mắt.

Thứ sáu, tỉ lệ tự tử do các vấn đề tâm lý ngày nay ở con người là rất cao. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tự tử, kết thúc sinh mạng. Tác phẩm xây dựng niềm tin vào sự quý báu của thân người. Thân người có được là do sự hội tụ của nhiều nhân lành trong những kiếp quá khứ, không phải dễ dàng mà có được thân người, có được thân người đã khó, có thân người đầy đủ các căn, trí tuệ đầy đủ lại càng khó hơn nữa. Một câu cảm thán giàu cảm xúc trong tác phẩm diễn

tả ý nghĩa này: “*Ôi! Từ đây cuộc đời ta đây ý nghĩa, ta không được bỏ lỡ cơ hội làm người. Ngay ngày hôm nay đây, ta được sinh ra trong gia đình của Phật và làm con trai của Phật*” [4]. Vì nếu từ bỏ, không biết tận dụng cơ hội này thì: “*Biết đến bao giờ ta mới có lại được những duyên lành hy hữu như: mang thân người, gặp được Phật, có lòng tin, đầy đủ các căn để tu hành?*” [5].

Niềm tin vào chính bản thân, vào thân người quý giá trong tác phẩm cũng tương đồng với lời dạy của Phật trong *Kinh Tương Ưng*: “*Ta tuyên bố rằng còn mau hơn, này các Tỳ kheo, là con rùa mù ấy, sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào khúc gỗ có một lỗ hồng ấy; còn hơn kẻ ngu, khi một lần đã rơi vào đọa xứ để được làm người trở lại*” [6]. Khi xây dựng được niềm tin vào sự quý giá của thân người như trên thì việc tự tử từ bỏ thân mạng sẽ khó mà xảy ra.



Thứ bảy, nhìn nhận về khổ đau và hạnh phúc. Cuộc sống luôn tồn tại hai mặt của vấn đề, khổ đau và hạnh phúc cũng là hai khái niệm tương tức. Mỗi người, mỗi sự kiện xung quanh chúng ta cũng vậy, cho nên nếu muốn sống trong đời vậy quanh bởi những điều tích cực, tâm ta cần phải hướng đến những điều ấy. Mặt khác, tác phẩm cho thấy niềm vui của Bồ tát cũng chính là niềm vui của chúng sanh. Nếu chỉ biết vui với chính mình, niềm vui ấy nhỏ bé và ít ỏi biết bao, nhưng nếu đem niềm vui của chúng sanh làm niềm vui của mình, chẳng phải số lượng niềm vui là không thể tính kể bởi chúng sanh cũng vô số lượng hay sao? Như vậy thì cuộc sống luôn tràn đầy năng lượng tích cực, hỷ lạc, làm sao có thể khổ đau bởi sự chi phối của các vấn đề tâm lý thường tình.

Cuối cùng, một vấn đề tâm lý quan trọng mà con người của thời hiện đại, đặc biệt là lứa tuổi vị thành niên dễ gặp phải đó là sự chênh vênh, hoài nghi về cuộc sống và bản thân. Những suy nghĩ định hình nhân cách, lý tưởng sống, giá trị sống, sự suy tư về hình ảnh cá nhân và giá trị tôn thờ. Tất cả những điều này được tác phẩm *Nhập Bồ tát hạnh* giải quyết bằng việc đưa ra một lý tưởng “vị nhân sinh” hoàn hảo, dâng hiến bản thân, dâng hiến đời mình cho lý tưởng phụng sự. Từ đó, hoàn thiện lý tưởng và nhân cách cao thượng, trở thành một nhân tố cao đẹp xây dựng xã hội.

Trên đây là những nguồn lực, những phương pháp mà tác phẩm *Bồ tát hạnh* có thể đem lại đối với việc trị liệu tâm lý, giải quyết các bệnh tâm lý của thời đại hay

những vấn đề tâm lý thường ngày hay gặp phải. Không những mang giá trị cho riêng mỗi cá nhân, tác phẩm hướng đến vô lượng chúng sanh, hướng đến cộng đồng. Cũng vì vậy, ngoài việc chuyển hóa nội tâm và trị liệu tâm lý, tác phẩm còn có khả năng ứng dụng để chuyển hóa môi trường xung quanh.

### CHUYỂN HÓA MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

Xu hướng sống chinh phục thế giới tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu của con người thời đại ngày nay dẫn đến nhiều hệ lụy cho môi trường xung quanh. Trên con đường chinh phục thế giới và phát triển vật chất, đời sống con người ngày càng bị vật chất và máy móc hóa. Có thể dễ dàng nhận thấy môi trường sống đang ô nhiễm ở mức báo động trên nhiều phương diện. Đời sống vật chất thăng hoa, công nghệ phát triển vượt bậc nhưng ngược lại, đạo đức xã hội và tâm lý con người lại gặp nhiều tha hóa. Ngày càng có nhiều vấn đề tâm lý xuất hiện với mức độ ngày càng nghiêm trọng, các vấn đề vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội cũng ngày càng nhiều hơn. Chung quy lại, con người của thời đại đang quá tập trung xây dựng phát triển đời sống vật chất mà đời sống bị ô nhiễm từ thế giới xung quanh cho đến tâm lý, nhân cách con người.

Khi đã định hướng xây dựng được một nhân cách cao đẹp, một con người hướng thiện, bản thân người đó là một dòng suối mát, một nơi chứa đựng những gì thanh tịnh tốt đẹp. Khi gần những người như vậy, tha nhân sẽ cảm nhận được năng lượng yên bình tỏa ra một cách chân thật. Đó mới chỉ là sự tiếp xúc hay ở gần với cá nhân

người sống và tu tập theo *Bồ tát hạnh*, hưởng hồ người này còn đem đại nguyện phụng sự nhân sinh thì những ích lợi vô cùng vô tận. Cũng như ý nghĩa nhan đề của tác phẩm *Một tia sáng chớp trong đêm tối* [7] của đức Đạt-lai-đạt-ma khi giảng về tác phẩm *Bồ tát hạnh*, giữa thế gian tối tăm của vô minh, nóng bức của sân hận, tác phẩm xuất hiện như một tia sáng lóe lên xua tan mọi âm u, nóng bức của thế gian. Ánh sáng dịu ngọt và năng lượng thanh lương đó xuất phát từ trái tim và khối óc vĩ đại, quý báu của một vị Bồ tát khi dấn thân vào cuộc đời. Tác giả cho rằng có sự chuyển hóa và lợi lạc thông giữa môi trường tự nhiên và môi trường xã hội con người.

Đối với môi trường tự nhiên, đại dịch Covid-19 vừa qua là minh chứng gần gũi nhất để chúng ta biết rằng, thế giới tự nhiên đang lên tiếng cho những hành động tàn phá quá độ của con người. Bên cạnh đó, những năm trở lại đây các con số báo động về dịch bệnh, thiên tai trên toàn cầu đều không ngừng tăng lên. Nếu chúng ta cứ tiếp tục nuông chiều tham vọng chinh phục tự nhiên, phục vụ nhu cầu con người một cách vô tội vạ, phải chăng là đang tự hủy diệt chính mình? Thế nhưng, không phải thế giới không nhận ra vấn đề, có một bộ phận người đã lên tiếng và ngày càng cố gắng hơn để thay đổi vấn đề trên, và họ tìm thấy một điểm sáng trong giáo lý nhà Phật nói riêng và các tôn giáo nói chung trong việc giải quyết các vấn đề, sự thành lập ngành khoa học Sinh thái học - tôn giáo là minh chứng cho việc này.

Tác phẩm *Bồ tát hạnh* cũng mang trong mình nhiều yếu tố để khai



thác trong việc xử lý vấn nạn môi trường tự nhiên bị tàn phá. Năng lượng của vị Bồ tát lan tỏa đến khắp nơi, kể cả cây cối, ngọn cỏ, côn trùng. Với quan điểm của tác phẩm về mối tương quan nhân duyên của con người với vạn pháp, xâm hại môi trường tự nhiên cũng chính là phá hoại đời sống của con người. Bồ tát với trái tim và hành động bất hại dần thân vào cuộc đời sẽ mở ra một hướng giải quyết vấn đề đầy tiềm năng.

Đối với môi trường xã hội, chỉ có một người đem lý tưởng Bồ tát mà phụng sự nhân sinh thôi, kết quả đã vô cùng tốt đẹp rồi. Thử tưởng tượng một xã hội lý tưởng với toàn những con người thực hành theo Bồ tát hạnh, xã hội con người có khác gì cảnh giới Tây phương cực lạc hay Thanh tịnh lưu ly của Phật Dược Sư. Tại sao không xây dựng một Tịnh Độ nơi hiện tiền mà còn phải trông chờ tương lai xa vời chi nữa? Điều này nói ra có phần bị chê trách là mộng mơ, là lý tưởng hóa, là huyền cảnh xa vời. Nhưng những gì cần làm đã được chỉ dạy, nếu bản thân mỗi con người quyết tâm thực hiện thì mỗi đời sống của cá nhân là một tiểu quốc Tịnh Độ, mỗi gia đình là một gia đình Tịnh Độ, mỗi quốc gia và cả thế giới đều là Tịnh Độ trần gian.

### GIÁO DỤC NHÂN CÁCH ĐẠO ĐỨC

Tổng quan toàn bộ tác phẩm như một giáo án chi tiết trong việc giáo dục nhân cách con người. Trải qua các bước rõ ràng, tác phẩm trình bày phương pháp gạn lọc thân tâm của một người bình thường rồi dần trở nên thánh nhân, giải thoát. Phương pháp này hoàn thiện nhân cách



Mọi hoàn cảnh đối với Bồ tát đều là tốt đẹp, ta phải nhìn hoàn cảnh theo góc độ hợp lý để tìm ra điều tốt đẹp đó. Kể cả đau khổ cũng có điều tốt đẹp, bởi “đau khổ nhiều khi cũng đem lại lợi ích: Nó đẹp trừ kiêu mạn, khai mở lòng thương người (đau khổ), ghê sợ tội lỗi và tăng trưởng đức tin nơi chư Phật”.

từ sâu bên trong tâm thức cho đến những hành động lời nói bên ngoài. Đây là một giáo án tuyệt diệu cho việc giáo dục con người từ nhận thức, tư duy đến hành động với mục tiêu không những đem lại một con người lý tưởng có ích cho xã hội trọn vẹn mà còn là đào tạo một thánh nhân, một bậc giải thoát.

Tác phẩm nhấn mạnh thực hành ứng dụng, bao gồm những hướng dẫn chi tiết, cụ thể để hiện thực hóa những lý tưởng cao quý. Nó còn bao gồm nhiều hướng dẫn về nghệ thuật và nguyên lý sống cao đẹp. Đối với tổng thể, tác phẩm thông qua các chương sắp xếp một cách logic để giáo dục theo trình tự, và trong mỗi bước lại nêu lên chi tiết phương pháp thực hành của bước đó:

Đầu tiên là xưng tán Bồ đề tâm, xưng tán chư Phật chư Bồ tát nhằm đem lại niềm tin mãnh liệt vào những gì tốt đẹp và chấp nhận tìm tòi, nghiên cứu con đường lý tưởng của một Bồ tát. Để chứa đựng những gì tốt đẹp trong sạch, hành giả chuẩn bị cho mình một bể chứa thanh tịnh từ thân đến tâm.

Vì vậy, tiếp theo là thực hành sám hối nhằm tiêu trừ mọi tội chướng, thanh tịnh thân tâm.

Sau khi sám hối thanh tịnh rồi, hành giả đem tâm thanh tịnh đó ngẫm nghĩ sâu sắc những ý nghĩa của Bồ đề tâm để rồi đồng mãnh phát những đại nguyện về tâm Bồ đề. Những lời phát nguyện sâu sắc của tác phẩm thay đổi nhận thức của hành giả từ sâu bên trong, làm nền tảng cho sự thực hành Bồ đề tâm và vượt qua mọi trở ngại trên con đường thực hành đó.

Khi đã phát tâm đồng mãnh xây dựng niềm tin và phát triển hạt giống Bồ đề tâm, hành giả phải thực hành Bồ đề tâm hạnh. Tới đây, tác phẩm giáo dục hoàn thiện dựa trên tiến trình niềm tin - nhận thức - hành động, mang lại giá trị thực tiễn bằng những hành động thiết thực. Không những vậy, hành giả còn phải thực hành các Ba-la-mật được nhắc đến trong các chương sau của tác phẩm, như những viên gạch xây nên tòa thành Bồ đề vững chắc. Tác phẩm còn là phương cách hoàn thiện nhân cách đạo đức từ đạo đức giới luật tới đạo đức vị tha



khi luôn hướng đến lợi ích của vô lượng chúng sanh và hồi hướng công đức lành đến chúng sanh ở chương cuối của tác phẩm.

Thông qua sự sắp xếp kết cấu của tác phẩm và sự lý luận logic, đầy tính văn học và ứng dụng thực hành của tác giả trong toàn bộ tác phẩm. Việc sử dụng *Bồ tát hạnh* như một giáo án giáo dục nhân cách đạo đức nhằm hoàn thiện một nhân cách lý tưởng, xây dựng nền đạo đức xã hội tốt đẹp là hoàn toàn phù hợp.

## KẾT LUẬN

Tác phẩm *Nhập Bồ tát hạnh* là một giáo án hoàn thiện cho con đường học tập và thực hành để trở thành một nhân cách cao thượng, giải thoát ngay giữa đời thường. Những chương được xây dựng, những lời lẽ được sắp xếp khoa học không những đưa ra những lý thuyết suy luận mà còn trình bày con đường thực tiễn mà mỗi người hướng tới. Bắt đầu từ việc thanh lọc thân tâm, hành giả bắt đầu phát Bồ đề tâm nguyện rồi hành Bồ đề tâm hạnh và Ba-la-mật cho đến khi hoàn thiện lý tưởng Bồ tát đạt quả vị Phật.

Bên cạnh những ứng dụng trong việc tu tập hướng tới giải thoát, người viết dưới góc độ ứng dụng tác phẩm vào tâm lý trị liệu cũng đã nêu lên vài điểm tương đồng trong tư tưởng của các phẩm đối với nguyên lý bệnh sinh và hướng điều trị. Từ đó trình bày một số ích lợi, tiềm năng của tác phẩm trong áp dụng vào việc trị liệu tâm lý. Tác phẩm là một phương tiện tuyệt vời cho mọi trường hợp trị liệu nếu biết khai thác ứng dụng nhằm giải quyết gốc rễ của các

vấn đề, dựa trên việc hoàn thiện cấu trúc nhân cách với niềm tin và trách nhiệm với bản thân được chú trọng và phương pháp tư duy hướng tới lợi ích của tha nhân, hạn chế tư duy hữu ngã. Cùng với đó là khả năng khơi dậy, nuôi dưỡng những tiềm năng tích cực trong tự lực và tha lực, tận dụng triệt để trước tiên là khả năng trị liệu những vấn đề tâm lý và sau đó là thực hành hướng tới giải thoát. Người viết mong rằng sẽ có những thực nghiệm trong tương lai cho những phương pháp trên đối với bản thân và xã hội nhằm đem lại lợi ích thực tế. Từ đó có thể hệ thống hóa và đưa ra phương thức chặt chẽ hơn cho việc trị liệu chứ không đơn thuần là những phát hiện và suy luận như trên.

Như vậy, tác phẩm *Nhập Bồ tát hạnh* đã mở ra hướng xây dựng, hoàn thiện nhân cách con người với những phẩm chất tốt đẹp thông qua một giáo án giáo dục hoàn thiện từ nhận thức, tư duy và chú trọng thực hành. Trị liệu gốc rễ các vấn đề tâm lý, sai lệch đạo đức với những phương pháp kích hoạt năng lượng tích cực tiềm ẩn và phương pháp tư duy và sự huấn luyện tâm thích hợp. Từ việc xây dựng nhân cách đạo đức, trị liệu tâm lý, tác phẩm mở ra con đường hoàn thiện một con người lý tưởng, một nguồn năng lượng tích cực giữa cuộc đời, góp phần chuyển hóa môi trường xung quanh từ tự nhiên đến xã hội.

Người viết xin nhắc lại lời chỉ dẫn sử dụng tác phẩm rất ý nghĩa của TT. Thích Nhật Từ, trong lời giới thiệu tác phẩm dịch của dịch giả Thích Trí Siêu để kết thúc cho bài viết này: “Tôi đề nghị người đọc

*không nên đọc tác phẩm này với thói quen cầu phước mà hãy tập trung vào nội dung, nghiền ngẫm các khái niệm, câu chữ và triết lý trong từng câu... Mỗi khi rơi vào chán nản, thất vọng, tuyệt vọng, lo âu, sợ hãi, mất phương hướng, hoang mang, nói chung các tâm lý tiêu cực và hủy diệt thì hãy chịu khó nghiền ngẫm các thi kệ thích hợp, chắc chắn người đọc sẽ tìm ra giải pháp giúp mình vượt qua nỗi khổ niềm đau”* [8]. Mong rằng bài viết phần nào giúp ích trong việc thực hành hằng ngày cho chính bản thân người viết và những ai có dịp tham khảo.

## Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Śāntideva, Thích Trí Siêu (dịch), *Bồ tát hạnh, chương 4, câu 38 đến câu 40*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015, tr.23. (Bài viết trích dẫn chủ yếu từ tác phẩm này, cho nên duy nhất tác phẩm được nhắc đến dưới dạng sách đã dẫn (Sdd) trong toàn bộ bài viết)
- [2] Sdd, chương 6, câu 21, tr.39.
- [3] Nhận thức hành vi là một trong những trường phái lớn của Tâm lý học phương Tây. Họ giải thích nguyên nhân gây bệnh là những lỗi trong nhận thức khi đối mặt với vấn đề tạo ra “sự kiện gây stress” và phương pháp của họ cũng là từng bước thay đổi nhận thức cho bệnh nhân để dần chấp nhận và tìm ra cái nhìn đúng đắn trong vấn đề đang gặp phải rồi thay đổi thái độ dần dần. (tổng hợp từ tài liệu bài giảng của Lê Nguyễn Anh Khôi trong học phần Stress & cách ứng phó tại khoa Tâm lý học trường Đại học Văn Hiến, bài giảng được biên soạn từ: A Clinical Guide to the Treatment of the Human Stress Response (George Everly & Jeffrey Lating, 2013, Springer Pub.)
- [4] Sdd, chương 3, câu 25, tr.17.
- [5] Sdd, chương 4, câu 15, tr.21.
- [6] Nguyên bản: Pali - Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Châu, *Kinh Tương Ưng Bộ 2013 - Tập II, V. Phẩm Vực Thăm*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2013, tr.811.
- [7] Anh dịch: Hội Padmakara, *A Flash Of Lightning In The Dark Of Night, Đoạn Phụng Mệnh (Việt dịch), Một tia sáng chớp sáng trong đêm tối*, Nxb Thiện Tri Thức, 1999.
- [8] Sdd, trích phần lời giới thiệu đầu sách.



# Bàn về tâm từ trong Kinh tạng Nikaya

SC. Thích Nữ Viên Châu\*

Ngày nay, chúng ta có đầy đủ vật chất và khoa học tiên tiến nhưng cuộc sống vẫn đối mặt với rất nhiều bất ổn, ít an vui, hạnh phúc, hòa bình. Vì vậy tâm từ là một nhu cầu cấp thiết của thế giới ngày nay.



**Tóm tắt:** Tứ vô lượng tâm (Từ, Bi, Hỷ và Xả) là một lối sống cao thượng, nơi nương tựa của bậc thánh. Bốn tâm này nhằm đối trị với bốn tâm xấu ác để hướng con người đến đời sống cao thượng và hữu ích, phát triển những đức hạnh tốt đang ngủ ngầm trong tâm. Tâm từ (*Mettā*) khiến con người trở nên cao thượng nhằm đối chọi với tâm sân hận (*Dosa*). Tâm bi (*Karuṇā*) nhằm diệt trừ tâm hung

bạo (*Hiṃsā*). Tâm hỷ (*Muditā*) để trị bệnh ganh tỵ (*Issā*). Tâm xả (*Upekkhā*) khiến tâm quân bình với những điều ưa thích và không ưa thích. Con người dù theo tôn giáo hay văn hóa nào đều có thể trau dồi Tứ vô lượng tâm để tạo nên điều phước lành cho bản thân và những người xung quanh.

**Từ khóa:** *Tứ vô lượng tâm, Nikaya, Kinh Từ bi, Kinh Upasena.*





Tâm từ nghĩa là biết thương, tình thương cao thượng, tình thương đối với mình và tất cả chúng sinh; cầu mong sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho mình và tất cả chúng sinh đồng nhau không khác.

## DẪN NHẬP

Tâm từ được Đức Phật nhắc đến nhiều lần trong *Kinh tạng Nikāya*, đặc biệt có các bài kinh về tâm từ: *Kinh Từ Bi*, *Kinh Upasena* [1] thuộc *Kinh Tương Ứng Bộ*.

Tâm từ cũng được thực hành như phương pháp Thiền định, với đề mục niệm rải tâm từ. Có nhiều phương pháp niệm rải tâm từ như: phương pháp niệm rải tâm từ theo bài *Kinh Từ Bi*, *Thanh Tịnh Đạo luận*, *Paṭisambhidāmagga*... Phương pháp niệm rải tâm từ theo Thanh Tịnh Đạo đề cập đến niệm rải tâm từ theo tuần tự (đối tượng trước đến đối tượng sau; tâm từ của đối tượng trước làm nền tảng vững

chắc cho tâm từ của đối tượng sau theo tuần tự: chính mình, hạng người thương yêu, hạng người thương yêu nhiều, hạng người không thương không ghét và hạng người thù địch). Ngoài ra, trong kinh tạng còn đề cập phương pháp niệm rải tâm từ đến từng hạng người (5 hạng người), mỗi hạng người có 4 cách tổng cộng gồm 20 niệm rải tâm từ.

Phương pháp niệm rải tâm từ theo phương pháp *Paṭisambhidāmagga* nhằm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh, chia thành 12 nhóm, mỗi nhóm có 4 điều (*averā hontu...*) trong 10 phương, tổng cộng có tất cả

528 điều niệm rải tâm từ. Theo 3 phương pháp: niệm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh (*anodhiso* - 5 hạng chúng sanh), niệm rải tâm từ đến riêng một chúng sinh (*odhiso* - 7 hạng chúng sanh), niệm rải tâm từ đến chúng sinh ở các phương khác (*disā* - 10 phương hướng). Trong bài viết này, tác giả đào sâu vào phương pháp niệm rải tâm từ theo bài *Kinh Từ Bi*, thuộc *Kinh Tương Ứng Bộ*.

## KHÁI NIỆM TÂM TỪ

“*Từ*” tiếng Pāli là *Mettā*, Sanskrit là *Maitri*.

“*Tâm từ*” dịch nghĩa từ tiếng Pāli: *Mettācitta*. [2]



- *Mettā*: nghĩa là từ, thương, tình thương.

- *Citta*: nghĩa tâm, sự biết.

Tâm từ nghĩa là biết thương, tình thương cao thượng, tình thương đối với mình và tất cả chúng sinh; cầu mong sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho mình và tất cả chúng sinh đồng nhau không khác. [3] Theo *Kinh Từ Bi*: “*Tâm từ phải được rải khắp đồng đều cho mọi chúng sanh, bao trùm vạn vật, phải sâu rộng và đậm đà như tình thương của bà từ mẫu đối với người con duy nhất, săn sóc, bảo bọc con, dẫu nguy hiểm đến tánh mạng cũng vui lòng*”. [4]

Trên thực tế không có ngôn ngữ nào diễn tả trọn vẹn nghĩa chữ “*Mettā*” trong tiếng Pāli, chỉ có các danh từ đồng nghĩa: thiện ý, từ ái, hảo tâm, bác ái. Tâm từ là tình thương nhưng tình thương có 3 loại:

- Tình thương với tâm tham ái (*taṇhāpema*).

- Tình thương trong gia đình (*gehasitapema*).

- Tình thương với tâm từ (*mettā adosa*), ở đây chúng ta chỉ xét về ý nghĩa tình thương với tâm từ.

Theo *Abhidhamma (Vi diệu pháp)*, tâm từ không có tâm riêng biệt trong các loại tâm (có 89 hoặc 121 tâm) và tâm sở (52 tâm sở). Tâm từ đóng vai trò biết đối tượng của vô sân tâm sở (*adosacetasika*), khi đối tượng là chúng sinh đáng yêu, đáng mến, đáng kính, thuộc chế định pháp. Vô sân tâm sở thuộc loại tịnh hảo tâm sở (*sobhanacetasika*) đồng sinh với tất cả tịnh hảo tâm (*sobhanacitta* - Tịnh hảo tâm gồm có 59 hoặc 91 tâm) có 6 đối tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc

và pháp, gồm có đối tượng chân nghĩa pháp và chế định pháp.

Nếu vô sân tâm sở đồng sinh với tịnh hảo tâm không biết đến đối tượng chúng sinh đáng yêu, đáng mến, đáng kính thì vô sân tâm sở ấy không gọi là tâm từ. Nếu vô sân tâm sở đồng sinh với tịnh hảo tâm biết đối tượng chúng sinh đáng yêu, đáng mến, đáng kính thì vô sân tâm sở ấy gọi là tâm từ. [5]

Tâm từ là một trong 4 đề mục Thiền định vô lượng tâm (*appamaññā*). Hành giả thực hành đề mục niệm rải tâm từ này có khả năng chứng đắc từ đệ nhất thiền sắc giới thiện tâm cho đến đệ tứ thiền sắc giới thiện tâm. Tâm từ là đức tính của bậc Phạm thiên (*Brahmavihāra*). Tâm từ đóng vai trò là một trong 10 pháp hạnh Ba-la-mật [6] để chứng đắc thành Phật Chánh Đẳng Giác hoặc Phật Độc Giác hoặc bậc Thánh Thanh văn...

### NGUỒN GỐC BÀI KINH TỪ BI (METTĀSUTTA)

Theo ngài Hộ Pháp, khi Đức Phật ở tại Sāvattthi, chư Tỳ kheo đến đánh lễ Ngài và xin được truyền dạy về đề mục thiền định, thiền tuệ thích hợp. Trong đó có nhóm 500 Tỳ kheo, sau khi thọ giáo đề mục Thiền định dẫn nhau đến khu rừng thuộc dãy núi Himavanta, được cư dân ở đây thỉnh ở lại an cư nhập hạ trong ba tháng mùa mưa. Các Tỳ kheo trú ngụ tại khu rừng, ngồi thực hành dưới các gốc cây, do oai lực giới đức và tu tập của các ngài nên chư thiên ở trong lâu đài của mình trên cội cây không thể ở yên ổn được, họ phải xuống dưới mặt đất ở, bị mưa gió khiến cuộc sống rất vất

vả và khổ cực. Nhóm chư thiên muốn khiến cho các Tỳ kheo rời đi khỏi khu rừng để được trở về lâu đài của mình trên cây nên đã hóa ra những hình ảnh đáng ghê sợ, âm thanh rùng rợn, mùi hôi khó chịu...

Các Tỳ kheo khi thực hành thiền định và thiền tuệ bị những chướng ngại này làm cho tâm số động các vị bị dao động, không ổn định phát sinh tâm sợ hãi khiến thân hình gầy gò, khuôn mặt xanh xao, hốc hác, phát sinh bệnh, khiến tâm không an trú được trong đề mục thiền. Khi hội họp, vị đại đức trưởng nhóm đã hỏi các Tỳ kheo về việc trên, sau khi biết sự việc đại đức trưởng nhóm đã đề nghị chư Tỳ kheo rời bỏ trú xứ an cư trở về đánh lễ Đức Phật và xin phép được an cư nhập hạ ở một nơi khác [7]. Đức Phật đã khuyên dạy các Tỳ kheo về lại trú xứ cũ, đồng thời dạy cho các vị ấy bài Kinh Từ Bi (*Mettāsutta*), là *paritta* bảo vệ cho các vị Tỳ kheo được an toàn, để làm đề mục thiền định và làm nền tảng thực hành pháp hành thiền tuệ.

Sau khi trở lại khu rừng, nhóm các vị Tỳ kheo thực hành theo lời Phật dạy khiến nhóm chư thiên trong khu rừng núi ấy cảm thấy mát mẻ, an lạc do năng lực tâm từ của chư Tỳ kheo nên chư thiên vô cùng hoan hỷ, hộ độ chư các ngài sống yên ổn thực hành pháp hành thiền định với đề mục niệm rải tâm từ, chứng đắc bậc thiền sắc giới thiện tâm làm nền tảng để thực hành pháp hành thiền tuệ. Trong mùa an cư nhập hạ ấy, toàn thể chư Tỳ kheo đều chứng ngộ chân lý Tứ Thánh đế, chứng đắc Tứ Thánh đạo, Tứ Thánh quả và Niết bàn, trở thành bậc





Đức Phật dạy rằng: “Không thể lấy thù oán để diệt sân hận, chỉ có tâm từ mới dập tắt lòng sân”.

Thánh A-la-hán; đến ngày làm lễ Pavāraṇā, tất cả chư Tỳ kheo đều làm lễ *Suddhipavāraṇā*: lễ thỉnh mời hoàn toàn thanh tịnh của chư bậc Thánh A-la-hán gọi là *Mahapavāraṇā*: đại lễ thỉnh mời thanh tịnh [8].

Ngoài ra bàn về tâm từ còn có bài *Kinh Khandhasutta (Upasena)*: trong *Kinh Tương Ưng, Thiên Sáu Xứ, Kinh Upasena* đề cập khi Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Upasena trú ở Rājagaha (Vương Xá), rừng Sitavana (Hàn Lâm), tại hang Đầu Con Rắn (Sappan-dikapabbāra). Lúc bấy giờ, một con rắn độc rơi trên thân Tôn giả Upasena, khiến Tôn giả bị rắn cắn và chết đi. Sau khi các thầy Tỳ kheo trình sự việc lên Đức Phật, Ngài dạy rằng do vị ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa

[9]. Sau đó, Phật đã dạy cho chư Tỳ kheo *Kinh Khandhasutta* để rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa.

### **NỘI DUNG CHÍNH BÀI KINH TỪ BI VÀ CÁCH NIỆM RẢI TÂM TỪ**

*Giai đoạn thứ nhất:*

Phần đầu của Kinh Từ Bi đề cập đến niệm rải tâm từ (*Mettāpubbabhāgapatipadā*), gồm 15 pháp hành [10]:

1. *Sakko*: Khả năng, nghĩa là người có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, có tính chân thật, có sức khỏe tốt, tinh tấn không ngừng, trí tuệ, hiểu biết rõ về pháp học và pháp hành.
2. *Uju*: Ngay thẳng, chân thật, hành thiện pháp, không hề gian dối bằng thân, bằng khẩu.
3. *Sahuju*: Trung thực, hành thiện pháp bằng ý nghĩ.

4. *Suvaco*: Dễ dạy, khuyên dạy thế nào thì thực hành như thế ấy, không phải là người cứng đầu khó dạy.

5. *Mudu*: Tính nhu mì, tính hiền lành, thân hành động nhẹ nhàng mềm mỏng; khẩu nói lời êm dịu, dễ nghe; ý nghĩ những điều thiện, thương yêu, kính mến mọi người.

6. *Anatimāni*: Không ngã mạn, không tự cho mình hơn người hoặc bằng người, thua người; đối với người lớn hơn mình thì cung kính lễ phép; đối với người bằng mình thì sống hòa nhã; đối với người nhỏ hơn mình thì tận tình giúp đỡ.

7. *Santussako*: Biết tri túc trong của cải của mình. Tri túc trong của cải có 3 ý nghĩa:

- Hải lòng trong của cải mình đã có sẵn.
- Hải lòng trong của cải của mình đang có được.



- Hải lòng trong của cái dù tốt dù xấu (tâm không coi trọng đồ tốt, không coi khinh đồ xấu).

8. *Subhāro*: Dễ nuôi, người khác nuôi dưỡng như thế nào cũng hoan hỷ như thế ấy, không hề lựa chọn, phân biệt.

9. *Appakicco*: Ít công, ít việc. Đối với hành giả thực hành pháp hành thiền định, thiền tuệ, ít công việc chùng nào tốt chùng ấy; vì ít công việc thì mới có nhiều thời gian thực hành.

10. *Sallahukavutti*: Đời sống nhẹ nhàng; đi lại nhẹ nhàng. Đối với người xuất gia chỉ cần có 8 thứ vật dụng cần thiết hằng ngày, tam y che thân và có bát để đi khát thực nuôi mạng trong ngày.

11. *Santindriyo*: Biết thu thúc lục căn. Khi mắt thấy sắc đẹp hoặc xấu; khi tai nghe âm thanh hay hoặc dở; khi mũi ngửi mùi thơm hoặc hôi; khi lưỡi nếm vị ngon hoặc dở; khi thân xúc chạm cứng hoặc mềm, nóng hoặc lạnh...; khi tâm biết các đối tượng đáng hải lòng hoặc không đáng hải lòng, biết thu thúc lục căn thanh tịnh không để cho phiền não tham, sân, si phát sinh, chỉ có thiện tâm phát sinh mà thôi.

12. *Nipako*: Có trí tuệ thông minh sáng suốt, hiểu biết rõ sự lợi ích cao thượng Niết bàn, chỉ mong thực hành pháp hành thiền tuệ để mau chóng chứng ngộ chân lý.

13. *Appagabbho*: Có thân, khẩu, ý được trau dồi thuần đức.

14. *Kulesu ananugiddho*: Không quỵên luyến gia đình.

15. *Yena viññūpare upavadeyyum, na ca khuddamācare kiñci*: Những bậc thiện trí chê trách điều ác nào, không làm điều ác ấy dù là rất nhỏ.

*Giai đoạn thứ hai:*

- *Niệm rải tâm từ, mong tất cả chúng sinh được sự tiến hóa, sự*

*an lạc* [11]. *Gồm 3 phương pháp:*

1. Niệm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh tổng hợp trong tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) gồm có 31 cõi (dục giới có 11 cõi, sắc giới có 16 cõi, vô sắc giới có 4 cõi), 4 loài (thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh) không giới hạn, không ngoại trừ hạng chúng sinh nào.

Mong cho tất cả chúng sinh có thân tâm thường được an lạc, bình an vô sự.

Hành giả thực hành niệm rải tâm từ khai triển trên ba phương diện: thân, tâm, cả thân và tâm.

Mong cho tất cả chúng sinh, thân thường được an lạc.

Mong cho tất cả chúng sinh, tâm thường được an lạc.

Mong cho tất cả chúng sinh thân tâm thường được an lạc.

2. Niệm rải tâm từ đến chúng sinh có 2 nhóm gồm 4 loại [12].

a. *Tasa thāvāra*: Chúng sinh còn sợ và không còn sợ.

Mong cho tất cả chúng sinh cả thấy đó là hạng chúng sinh còn sợ (hạng phàm nhân và bậc Thánh hữu học [13]; và hạng chúng sinh không còn sợ (A-la-hán), thân tâm thường được an lạc.

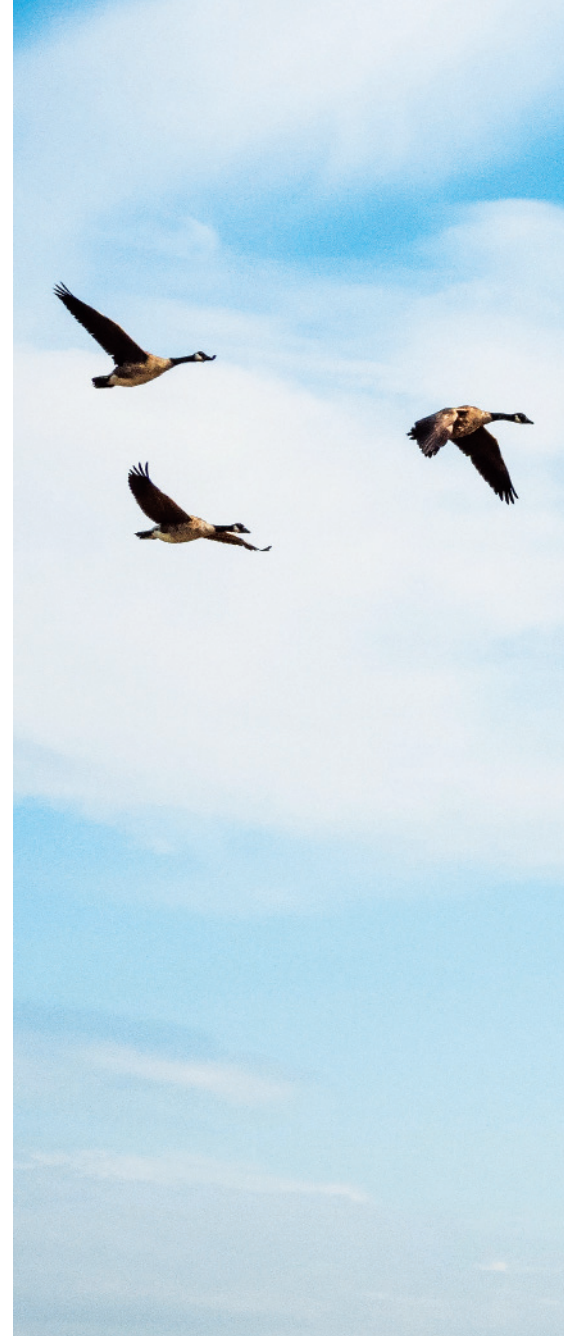
b. *Diṭṭhādītṭha*: Chúng sinh nhìn thấy được và không nhìn thấy được.

Mong cho tất cả chúng sinh cả thấy đó là hạng chúng sinh nhìn thấy được và hạng chúng sinh không nhìn thấy được, thân tâm thường được an lạc.

c. *Dūra santika*: Chúng sinh ở xa và ở gần.

Mong cho tất cả chúng sinh cả thấy đó là hạng chúng sinh ở nơi xa và hạng chúng sinh ở nơi gần, thân tâm thường được an lạc.

d. *Bhūtā sambhavesi*: Chúng sinh là bậc Thánh A-la-hán, bậc Thánh hữu học và hạng phàm nhân.




Mong cho tất cả chúng sinh cả thấy đó là hạng chúng sinh đã trở thành bậc Thánh A-la-hán; và hạng chúng sinh còn phải tái sinh kiếp sau ‘bậc Thánh hữu học và hạng phàm nhân’, thân tâm thường được an lạc.

3. Niệm rải tâm từ đến chúng sinh có 3 nhóm gồm 3 loại.

a. *Dīgha rassa majjhima*: Chúng sinh có thân hình dài, ngắn, trung bình.

Mong cho tất cả chúng sinh cả thấy đó là hạng chúng sinh có thân hình dài, thân hình ngắn, thân hình trung bình “không dài không ngắn”, thân tâm thường được an lạc.





Tâm từ bao la rộng rãi, đồng đều, đối với chính mình cũng như đối với những người thân cận, những người không quen biết, và những người có ác ý đối với mình. Người thực hành niệm rải tâm từ sẽ thấy mình đồng nhất với tất cả chúng sanh, không còn chấp sự khác biệt giữa mình và người.

b. *Mahantāṇuka majjhima*: Chúng sinh có thân hình to, nhỏ, trung bình.

Mong cho tất cả chúng sinh cả thầy đó là hạng chúng sinh có thân hình to lớn, thân hình nhỏ bé, thân hình trung bình “không lớn không nhỏ”, thân tâm thường được an lạc.

c. *Thulāṇuka majjhima*: Chúng sinh có thân hình mập, ốm, trung bình.

Mong cho tất cả chúng sinh cả thầy đó là hạng chúng sinh có thân hình mập mạp, thân hình gầy ốm, thân hình trung bình “không mập không gầy”, thân tâm thường được an lạc.

- *Niệm rải tâm từ, mong chúng sinh không có sự thoái hóa, sự khổ não; chỉ có sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc thường phát sinh đến tất cả chúng sinh* [14].

Mong cho người này không lừa đảo làm khổ người kia.

Mong cho người này không khinh thường người khác bất cứ nơi nào.

Mong cho chúng-sinh đừng làm khổ lẫn nhau bằng thân hoặc bằng khẩu do tâm sân oán thù.

### TÍNH CHẤT VÀ LỢI ÍCH CỦA NIỆM RẢI TÂM TỪ

Niệm rải tâm từ có tám tính chất [15] là:

1. *Lakkhaṇa*: Trạng thái; tâm từ có trạng thái biểu hiện qua thân, khẩu, ý bằng hành động, lời nói, ý nghĩ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho tất cả chúng sinh.

2. *Rasa*: Phận sự; tâm từ có phận sự làm cho tất cả chúng sinh được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc thật sự.

3. *Paccuppaṭṭhāna*: Sự hiện hữu; sự hiện hữu của tâm từ làm tiêu diệt tâm sân hận.

4. *Padatṭhāna*: Nguyên nhân gần của tâm từ. Những điều tốt, những thiện pháp của tất cả chúng sinh thật đáng hài lòng; hoàn toàn



không quan tâm đến những điều xấu, những ác pháp của chúng sinh, đó là nguyên nhân gần để phát sinh tâm từ.

5. *Sampatti*: Sự thành tựu; sự thành tựu của tâm từ là khiến cho tâm sân hận không thể phát sinh.

6. *Vippatti*: Sự thất bại; sự thất bại của tâm từ là làm cho tâm tham ái dễ phát sinh.

7. *Āsannapaccatthika*: Thù nghịch gần của tâm từ là tâm tham dục.

8. *Dūrāpaccatthika*: Thù nghịch xa của tâm từ đó là tâm sân hận.

Trong bài kinh *Mettāsutta*, Đức Phật dạy về 11 quả báu của tâm từ [16] hay 8 lợi ích theo AN [17]:

1. Ngủ được an lạc.
2. Thức dậy được an lạc.
3. Không thấy các ác mộng.
4. Được mọi người thương yêu, quý mến.
5. Được các hàng phi nhân thương yêu, quý mến.
6. Được chư thiên hộ trì.
7. Lửa hoặc chất độc hoặc các loại vũ khí...không thể làm hại được.
8. Tâm dễ dàng an tịnh.
9. Gương mặt sáng sủa.
10. Lúc lâm chung, tâm không mê muội (tâm sáng suốt).
11. Đề mục niệm rải tâm từ có khả năng dẫn đến chứng đắc các bậc thiên sắc giới thiện tâm (trừ đệ ngũ thiên); nếu chưa trở thành bậc Thánh A-la-hán thì sau khi chết, bậc thiên sắc giới thiện tâm sở đắc của hành giả cho quả tái sinh lên cõi trời sắc giới phạm thiên tương xứng với bậc thiên quả tâm của hành giả.

## KẾT LUẬN

Đức Phật dạy rằng: “*Không thể lấy thù oán để diệt sân hận, chỉ có tâm từ mới dập tắt lòng sân*”

[18]. Tâm từ còn diệt trừ các mầm tư tưởng bất thiện đối với người khác. Người có tâm từ không bao giờ nghĩ đến làm hại, làm giảm giá trị, hoặc bài xích ai, không bao giờ sợ ai, cũng không bao giờ làm ai sợ. Tâm từ bao la rộng rãi, đồng đều, đối với chính mình cũng như đối với những người thân cận, những người không quen biết, và những người có ác ý đối với mình. Người thực hành niệm rải tâm từ sẽ thấy mình đồng nhất với tất cả chúng sanh, không còn chấp sự khác biệt giữa mình và người.

Ngày nay, chúng ta có đầy đủ vật chất và khoa học tiên tiến nhưng cuộc sống vẫn đối mặt với rất nhiều bất ổn, ít an vui, hạnh phúc, hòa bình. Vì vậy tâm từ là một nhu cầu cấp thiết của thế giới ngày nay. Bởi vì các mối quan hệ trong xã hội được xây dựng trên nền tảng niềm tin và sự chân thành nên việc thực hành niệm rải tâm từ sẽ cải thiện được các mối quan hệ giao tiếp với mọi người cho chính người thực hành nó. Từ đây chúng ta sẽ có được cuộc sống hạnh phúc thật sự, nhiều hy vọng nhờ đó tâm từ và định lực sẽ được kiên cố và vững bền hơn.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- \* SC. Thích Nữ Viên Châu, Học viên Cao học khóa V tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh
- [1] ĐTKVN, *Kinh Tương Ưng*, Tập IV-Thiên Sáu Xứ, Chương 1 (B)-Tương Ưng Sáu Xứ, VII.Upasena, tr.137. (S.iv,40)
  - [2] Phạm Kim Khánh (dịch) (2003), *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Tôn giáo, tr.425.
  - [3] *Sđđ*.
  - [4] ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ*, Kinh Tập, Chương I, phẩm răn, Kinh Từ Bi (Mettā Sutta), Nxb. Tôn giáo, tr.358. (Sn 25); ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ*, Kinh Tiểu Tụng, IX. Kinh Lòng Từ (Mettā Sutta), Nxb. Tôn giáo, tr.35.
  - [5] Tỷ-khưu Giác Giới, *Vì Diệu Pháp Sơ*

*Cấp*, Nxb. Tôn giáo, tr.118.

[6] 10 Ba-la-mật: 1.Bồ-thí Ba-la-mật, 2.Giữ-giới Ba-la-mật, 3.Xuất-gia Ba-la-mật, 4.Trí-tuệ Ba-la-mật, 5.Tinh tấn Ba-la-mật, 6.Nhẫn nại Ba-la-mật, 7.Chân thật Ba-la-mật, 8.Phát nguyện Ba-la-mật, 9.Tâm từ Ba-la-mật, 10.Tâm xả Ba-la-mật.

[7] “An cư nhập hạ đầu: Kể từ ngày 16 tháng 6 cho đến 15 tháng 9 (âm lịch); An cư nhập hạ sau: Kể từ ngày 16 tháng 7 cho đến 15 tháng 10 (âm lịch)”; *Mahāvagga*, tập 4, Chương vào mùa mưa, tụng phẩm thứ nhất, Nxb. Tôn giáo.

[8] Tỷ-khưu Hộ Pháp (2019), *Tâm từ (mettacitta)*, Nxb. Tôn giáo, tr.12-17.

[9] Bốn loài rắn chúa: loài rắn chúa Virūpakkha, loài rắn chúa Erāpatha, loài rắn chúa Chabyāputta, loài rắn chúa Kaṇhāgotama; *Culla Vagga*, tập 7, các tiểu sự, tụng phẩm thứ nhất, số 35, Nxb. Tôn giáo.

[10] ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ*, Kinh Tập, Chương I, phẩm răn, Kinh Từ Bi (Mettā Sutta), Nxb. Tôn giáo, tr.358. (Sn 25)

ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ*, Kinh Tiểu Tụng, IX. Kinh Lòng Từ (Mettā Sutta), Nxb. Tôn giáo, tr.35.

[11] Nt.

[12] Bốn loại chúng sinh: 1.*Tasa thāvāra*: chúng sinh còn sợ và không còn sợ. 2. *Ditthādīttha*: chúng sinh nhìn thấy được và không nhìn thấy được. 3. *Dūra santika*: chúng sinh ở xa và ở gần. 4. *Bhūtā sambhavesi*: chúng sinh là bậc Thánh A-la-hán, bậc Thánh hữu học và hạng phạm nhân.

[13] Bậc Thánh hữu học có 3 hạng: bậc Thánh Nhập lưu, bậc Thánh Nhất lai, bậc Thánh Bất lai.

[14] ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ*, Kinh Tập, Chương I, phẩm răn, Kinh Từ Bi (Mettā Sutta), Nxb. Tôn giáo, tr.358. (Sn 25)

ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ*, Kinh Tiểu Tụng, IX. Kinh Lòng Từ (Mettā Sutta), Nxb. Tôn giáo, tr.35.

[15] Tỷ khưu Hộ Pháp (2019), *Tâm Từ (Mettacitta)*, Nxb. Tôn giáo, tr.83-84.

[16] ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ*, Kinh Tập, Chương I, phẩm răn, Kinh Từ Bi (Mettā Sutta), Nxb. Tôn giáo, tr.358. (Sn 25)

ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ*, Kinh Tiểu Tụng, IX. Kinh Lòng Từ (Mettā Sutta), Nxb. Tôn giáo, tr.35.

[17] ĐTKVN, *Kinh Tăng Chi*, Chương 8 pháp, Phẩm từ, (I)(1), VNCPHVN, Nxb. Tôn giáo, tr.290.

[18] ĐTKVN, *Kinh Trường Bộ*, Kinh Samôn quā, VNCPHVN, Nxb. Tôn giáo, tr.76; ĐTKVN, *Kinh Trung Bộ*, Kinh Ví dụ cái cưa, VNCPHVN, Nxb. Tôn giáo, tr.164.





# PHƯƠNG NAM HÀNH

## Đình Hạ

Hành trình lại hướng phương Nam  
Phù sa châu thổ cu r mang nghĩa tình  
Dập dờn sóng nước mé kinh  
Mỡ màng đất lại hồi sinh diệu kì

Qua rồi phong tỏa, cách ly  
Đề yêu hết thảy những gì thân thương  
Yêu từ cái cảnh tắc đường  
Tan ca ẩm bụng bát cơm vừa hè

Dãy nhà trọ chật cùng nghe  
Hợp âm giọng nói trăm quê chuyện trò  
Yêu từ khói bụi mộng mơ  
Triều cương nước lớn những giờ tăng ca

Yêu từ ngõ hẻm yêu ra  
Hò khoan luyến láy, đờn ca xuống xè  
Yêu từ đất lạ thành quê  
Nghĩa tình lẫn giữa bọn bè lo toan

Hành trình vẫn hướng phương Nam  
Đất lành chim đậu trăm ngàn lưu dân  
Cách xa là để thêm gần  
Người dung trọng nghĩa lại thân thương nhiều

Mạch đời cứ thế phì nhiêu  
Hồi sinh sau những nhiễu điều giá gương...

# HỒI SINH

## Kim Loan

Ngày sau trong vạn luân hồi  
Xin làm dòng suối rửa trôi muộn phiền  
Rừng xanh vọng tiếng bình yên  
Làm hoa thơm ngát một miền vô ưu

Xin làm cây cối hiền từ  
Đem làn gió mát lời ru của bà  
Xin làm không khí bao la  
Trong từng hơi thở nở ra đóa cười

Xin làm đất dưới chân người  
Nâng niu ôm ấp những đời khổ đau  
Trái từ đất chín ngọt ngào  
Một mai lá úa rụng vào đất xưa

Xin cho làm những cơn mưa  
Làm bông lúa chín cho mùa vàng ươm  
Làm đàn bướm dập dờn  
Múa trên những khóm hoa thơm đồng làng

Xin làm mây trắng huy hoàng  
Chiều trên đỉnh núi một vầng trăng non





# Hiện tượng luận, BẢN THỂ LUẬN và TÍNH BẢN THỂ

theo quan điểm của Long Thọ Bồ tát  
trong Trung Quán luận



Lạc Nhiên

Long Thọ là một vị luận sư vĩ đại và có công lao lớn trong Phật giáo. Những bộ luận của ông đã làm sáng tỏ các giáo nghĩa mà Phật đã dạy. Đối với Phật pháp, Long Thọ có sự nhận thức rất đặc biệt, có kiến giải cao thâm. Những kiến giải của ông được xem như kiến giải của Phật, đặc biệt là về Tánh Không trong tác phẩm Trung luận.

## TRUNG QUÁN LUẬN

*Trung luận* hay *Trung Quán luận* được xem là một tác phẩm thâm thâm trong Phật pháp vì những nghĩa lý thâm sâu, khó hiểu; là một bộ luận quan trọng của Phật giáo Đại thừa. Trung luận được Long Thọ sáng tác dựa trên chính lời Phật dạy về “Chánh Kiến” đó là không rơi vào chấp có lẫn chấp không qua bản kinh *Ca Chiên Diên* (Kaccayanagotta).

Tánh Không (sūnyatā) ở đây không có nghĩa là “không có” cũng không phải nghĩa là “rỗng không”, mà theo *Trung Luận*, Long Thọ khẳng định: “*Chúng nhân duyên sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không*” nghĩa là “*Pháp do các duyên sanh, ta nói tức là Không*” [1]. Như vậy nếu muốn hiểu được chữ “Không” này, cần phải dựa vào nguyên lý Duyên khởi để quán. Duyên khởi, nghĩa là sự sanh khởi của các pháp, hay sự có mặt của các pháp đều phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhiều mối quan hệ hợp lại với nhau. Chúng ta thấy tất cả các pháp đều do duyên sanh, không có pháp nào





Thật ra thuyết về Tánh Không của Trung luận rất thâm thâm, khó hiểu, cho nên thường dễ bị hiểu lầm là một sự phủ định “Không”. Nhưng Long Thọ đã giải thích một cách chuẩn xác và dễ hiểu dựa trên bài kệ: “Chúng nhân duyên sanh pháp Ngã thuyết tức thị Không Diệc vì thị giả danh Diệc thị trung đạo nghĩa”. Dịch nghĩa: “Pháp do các duyên sanh Ta nói tức là Không Cũng chính là giả danh Cũng là nghĩa Trung đạo”.



Hiện tại, chúng ta sống trong thế giới của hiện tượng, và để xác định một cách chính xác, rõ ràng hiện tượng, sự việc, sự vật mình đề cập, tránh hiểu nhầm, thì nhất định phải có hai yếu tố chính: không gian và thời gian. Tuy chúng ta sống trong thế giới của hiện tượng luận, nhưng nếu chúng ta biết quán chiếu để trở về với bản thể luận của tất cả các pháp, nhìn nhận, quan sát các pháp ở mặt bản thể luận thì chúng ta sẽ có được cái nhìn đúng đắn, làm giảm đi phiền não trong đời sống hàng ngày của chính mình.



nằm ngoài nguyên lý duyên khởi. Như vậy, tánh Không ở đây cần phải hiểu, đó là sự mô tả về một bản chất chân thật của các pháp. Và bản chất đó là do duyên khởi mà thành. Chúng giống như một dòng nước chảy, được cấu tạo từ vô số các giọt nước nhỏ, hay một cái nhà được tạo nên từ vô số điều kiện như là đất nền, kèo cột, gạch, ngói,... Nhưng trong thời kỳ Phật giáo Bộ phái (Phật giáo có ba thời kỳ chính: Phật giáo Nguyên thủy, Phật giáo Bộ phái, Phật giáo Đại thừa), lại có phái có quan điểm dựa trên hiện tượng luận (thấy thực tế) để cho rằng Không ở đây là không - vô sở hữu, vô thể, không có.

Vì thế mà trong khi Long Thọ tạo luận này, các bộ phái Phật giáo (nhất là phái Hữu bộ) đã đưa ra những lập luận như:  
“Nếu tất cả đều không  
Không sanh cũng không diệt  
Như vậy thì không có  
Ngay cả Tứ Thánh Đế” [2].

Vì vậy cho rằng Long Thọ phá hoại pháp Tứ đế, tức là không thể thành lập được quá trình thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt và tu Đạo; cuối cùng cho rằng Long Thọ phá hoại luôn Tam Bảo:  
“Vì không Pháp Tăng bảo  
Nên không có Phật Bảo  
Như vậy người thuyết không  
Là phá hoại Tam Bảo” [3].

Thật ra thuyết về Tánh Không của *Trung luận* rất thậm thâm, khó hiểu, cho nên thường dễ bị hiểu lầm là một sự phủ định “Không”. Nhưng Long Thọ đã giải thích một cách chuẩn xác và dễ hiểu dựa trên bài kệ:  
“Chúng nhân duyên sanh pháp  
Ngã thuyết tức thị Không

*Diệt vi thị giả danh  
Diệt thị trung đạo nghĩa”.*

Dịch nghĩa:  
“Pháp do các duyên sanh  
Ta nói tức là Không  
Cũng chính là giả danh  
Cũng là nghĩa Trung đạo” [4].

Như vậy, dựa vào pháp Duyên khởi mà hiển bày, căn cứ vào Duyên khởi để nói Không thì sự và lý đều không ngại. Nguyên lý Duyên khởi cũng chính là chân lý, là trọng tâm trong Đạo Phật, là một trong Ba pháp ấn quan trọng (Duyên khởi - Vô thường - Vô ngã). Và Đức Phật khẳng định Duyên khởi chính là chân lý, là pháp thường trụ ở thế gian, nếu ai hiểu được thì cũng đồng nghĩa với việc thấy được Phật, thấy được Tứ đế:  
“Thế nên trong kinh nói  
Nếu thấy pháp nhân duyên  
Tức được thấy Phật  
Thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo” [5].

Hay “Ai thấy Duyên khởi, người ấy thấy pháp. Ai thấy pháp, người ấy thấy Duyên khởi” [6].

### HIỆN TƯỢNG LUẬN VÀ BẢN THỂ LUẬN PHẬT GIÁO

Trong Phật giáo có rất nhiều luồng tư tưởng, có những tư tưởng giống nhau, khác nhau, cũng có những tư tưởng tương đồng nhau. Tuy nhiên, phân loại ra có hai trường phái chính, đó là Hiện tượng luận và Bản thể luận. Trong đó, các nhà Thượng tọa bộ được xem là đại diện cho “*Hiện tượng luận*” và các nhà Đại thừa thì lại đứng trên quan điểm lập luận của “*Bản thể luận*”. Đại thừa y cứ vào nguyên lý Duyên khởi, cho rằng các pháp vốn là “Không”. Không ở đây không

phải là không có, mà là Không được hiểu dựa trên Trung đạo, dựa trên nguyên lý Duyên khởi mà nói. Còn Bộ phái Phật giáo, cụ thể là phái Hữu bộ thì lại dựa trên sự hiện hữu của Uẩn, Xứ, Giới (tức Hiện tượng luận) mà cho rằng các pháp là thật có.

Vậy thế nào là “*Hiện tượng luận*”? “*Hiện tượng luận*” chính là các pháp được nhìn thấy bằng chính nhãn quan của chúng ta, tức là đứng trên mặt hình thức, hiện tượng mà nói. Tuy nhiên, khi chúng ta nói về một hiện tượng nào đó, cần phải dựa trên hai yếu tố chính, đó là thời gian và không gian. Nếu chúng ta không nói rõ về hai yếu tố này thì sẽ không xác định được điều đang nói hoặc sẽ hiểu không đúng. Ví dụ như, người A nói chuyện với người B, “Tôi thấy trong đó có cái chậu hoa đẹp lắm”, nhưng người B lại nói: “Tôi chỉ thấy trong đó có cái chậu nuôi cá kiểng, chứ có chậu hoa nào đâu!” từ đó hai người xảy ra xung đột. Nhưng sự thật, thì chậu hoa hay chậu cá cũng chỉ có một, hôm trước người A vào trong phòng đó, thì cái chậu ấy được dùng vào việc cắm hoa. Ba hôm sau, người B vào phòng ấy thì thấy cái chậu được dùng để nuôi cá. Như vậy rõ ràng rằng, nếu chúng ta nhìn nhận và đánh giá một sự vật, hiện tượng nào đó chỉ dựa trên mặt hình thức, hiện tượng của nó mà không nêu rõ thời gian và không gian thì sẽ khiến người nghe mù mờ, chỉ biết trên khái niệm, trên sự mô tả, trên mặt hiện tượng mà không thể hiểu đúng được sự vật như bản chất thật của nó đó. Hoặc câu hỏi “cái trứng có trước, hay con gà có trước?” Đây là câu hỏi khiến nhiều người phải tranh cãi và dù nói như thế nào cũng đều thấy không hoàn



toàn chính xác. Nhưng nếu chúng ta thêm thời gian và không gian vào câu trả lời thì vấn đề sẽ được làm sáng tỏ. Ví dụ nói: “Con gà này mới nở sáng nay”, như vậy có nghĩa là cái trứng có trước, vì có trứng mới nở thành gà. Còn nếu trả lời: “Quả trứng này mới được đẻ sáng nay” thì như vậy là con gà có trước cái trứng, bởi có gà mới đẻ ra trứng. Vì thế mà nguyên lý của “Hiện tượng luận” là cần phải căn cứ vào thời gian và không gian để sự vật, hiện tượng được xác định một cách rõ ràng và chính xác. Nếu tách rời không gian và thời gian thì vấn đề sẽ trở nên mù mờ, khó có thể xác định được.

Ngược lại với “Hiện tượng luận” là “Bản thể luận”. “Bản thể luận” là nói đến bản chất chân thật của tất cả các pháp, và bản chất đó là “Không” (Tất cả các pháp vốn không). Ví dụ khi chúng ta nói: “Đây là cuốn tập của tôi”. Cụm từ “Cuốn tập của tôi” là nói theo quan điểm của “Hiện tượng luận” dựa trên hình dáng và công năng của nó mà có tên là “cuốn tập”. Khi nhìn nhận sâu hơn, kỹ hơn về bản chất của nó, thì cái gì là cuốn tập? Bìa nhựa chăng? Hay Bìa cứng? Cái nhãn dán? Hay từng tờ giấy này là cuốn tập? Rồi do đâu mà có những thứ này?... Rõ ràng, nếu chúng ta đề cập đến vấn đề “Bản thể luận” của cuốn tập ấy thì thấy rằng, bản chất của nó là do duyên sanh. Vì do duyên sanh nên nó cũng là “Không”. Cho nên, về tánh mà nói, chẳng có cái gì gọi là cuốn tập cả.

Với bài kệ:

*“Chúng nhân duyên sanh pháp  
Ngã thuyết tức thị Không  
Diệc vi thị giả danh  
Diệc thị trung đạo nghĩa”.*



Đối với Phật pháp, Long Thọ có sự nhận thức rất đặc biệt, có kiến giải cao thâm. Những kiến giải của ông được xem như kiến giải của Phật, đặc biệt là về Tánh Không trong tác phẩm Trung luận.



Có thể thấy, bài kệ này của ngài Long Thọ đã dựa trên nguyên lý Duyên khởi mà nói. Tất cả các pháp vốn do nhân duyên sanh, vì do nhân duyên sanh cho nên chúng không có thực tánh, vì vậy mà gọi là Không. Không tức là Không tánh. Và nếu có một tên gọi nào đi chăng nữa cũng chỉ là

đứng trên mặt hiện tượng luận mà gọi, mà đặt tên nên cái tên gọi đó cũng chỉ là một sự giả danh, chẳng có cái tên gọi nào là thật, là đúng cả. Thông thường mọi người đều hiểu “Không” là không có, chẳng có, nhưng Đức Phật lại dùng từ “Không” này để chỉ cho đệ nhất nghĩa đế, là chân lý, là nguyên lý

Y tánh Duyên khởi pháp và cũng chính là nghĩa của trung đạo, tức là lia cả hai tướng có và không. Như vậy, “Không” ở đây nghĩa là trung đạo, là Duyên khởi. *Trung luận* lại dựa vào trung đạo làm tôn chỉ, mà muốn hiểu trung đạo thì phải rõ nghĩa Không, mà Tánh Không trong *Trung luận* lại căn cứ vào lý Duyên khởi làm nền tảng. Vì thế, lập luận của Long Thọ chính chính là dựa trên “*Bản thể luận*” mà thành.

Tóm lại, “*Hiện tượng luận*” là quan điểm của phái Hữu bộ dựa trên thuyết “*Tam thế thật hữu, pháp thế hằng tồn*” cho rằng “*Ba thời (quá khứ - hiện tại - vị lai) là thật có, bản thể các pháp tồn tại vĩnh viễn*”. Thật ra, cái thật có này chỉ là đứng trên mặt hiện tượng, thấy chúng có hiện hữu mà cho là có. Hiện tại, chúng ta sống trong thế giới của hiện tượng, và để xác định một cách chính xác, rõ ràng hiện tượng, sự việc, sự vật mình đề cập, tránh hiểu nhầm, thì nhất định phải có hai yếu tố chính: không gian và thời gian. Tuy chúng ta sống trong thế giới của hiện tượng luận, nhưng nếu chúng ta biết quán chiếu để trở về với bản thể luận của tất cả các pháp, nhìn nhận, quan sát các pháp ở mặt bản thể luận thì chúng ta sẽ có được cái nhìn đúng đắn, làm giảm đi phiền não trong đời sống hàng ngày của chính mình.

**Chú thích:**

- [1] Ân Thuận (2014), *Lược giảng Luận Trung Quán*, Thích Hạnh Bình-Quán Như dịch, Nxb. Phương Đông, tr.10.
- [2] *Sđđ*, tr.6.
- [3] *Sđđ*, tr.7.
- [4] *Sđđ*, tr.10.
- [5] *Sđđ*, tr.12.
- [6] *Kinh Trung Bộ*, 2021, HT. Thích Minh Châu dịch, *Đại Kinh Dụ đầu chân voi*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.



Trung luận hay Trung Quán luận được xem là một tác phẩm thâm thâm trong Phật pháp vì những nghĩa lý thâm sâu, khó hiểu; là một bộ luận quan trọng của Phật giáo Đại thừa. Trung luận được Long Thọ sáng tác dựa trên chính lời Phật dạy về “Chánh Kiến” đó là không rơi vào chấp có lẫn chấp không qua bản kinh Ca Chiên Diên (Kaccayanagotta).





**HOẢNG PHÁP**  
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoằng Pháp Online  
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp  
của ban Hoằng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE  
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp







## HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01 Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02 Ấn nút TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play
- 03 Ấn nút hoặc tại kho ứng dụng
- 04 Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05 Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

# Phật Sự

[www.phatsuonline.tv.com](http://www.phatsuonline.tv.com)

# Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

**PHÁT HÀNH MỘT KỲ VÀO NGÀY 1 HÀNG THÁNG**



quangminh  
CANDLE



THƯƠNG | ĐƯỢC  
HIỆU | YÊU  
NẾN | THÍCH  
NHẤT



quangminh  
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,  
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715



Hotline CSKH  
**0903 955 018**

[www.quangminhcandle.vn](http://www.quangminhcandle.vn)





# Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

